Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chú Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

PHỔ THÔNG

Tạp-chí Văn-Hóa ra ngày 1 và 15
Giám-đốc : NGUYỄN-VỸ
169
1 - 4 - 1966

95
P57

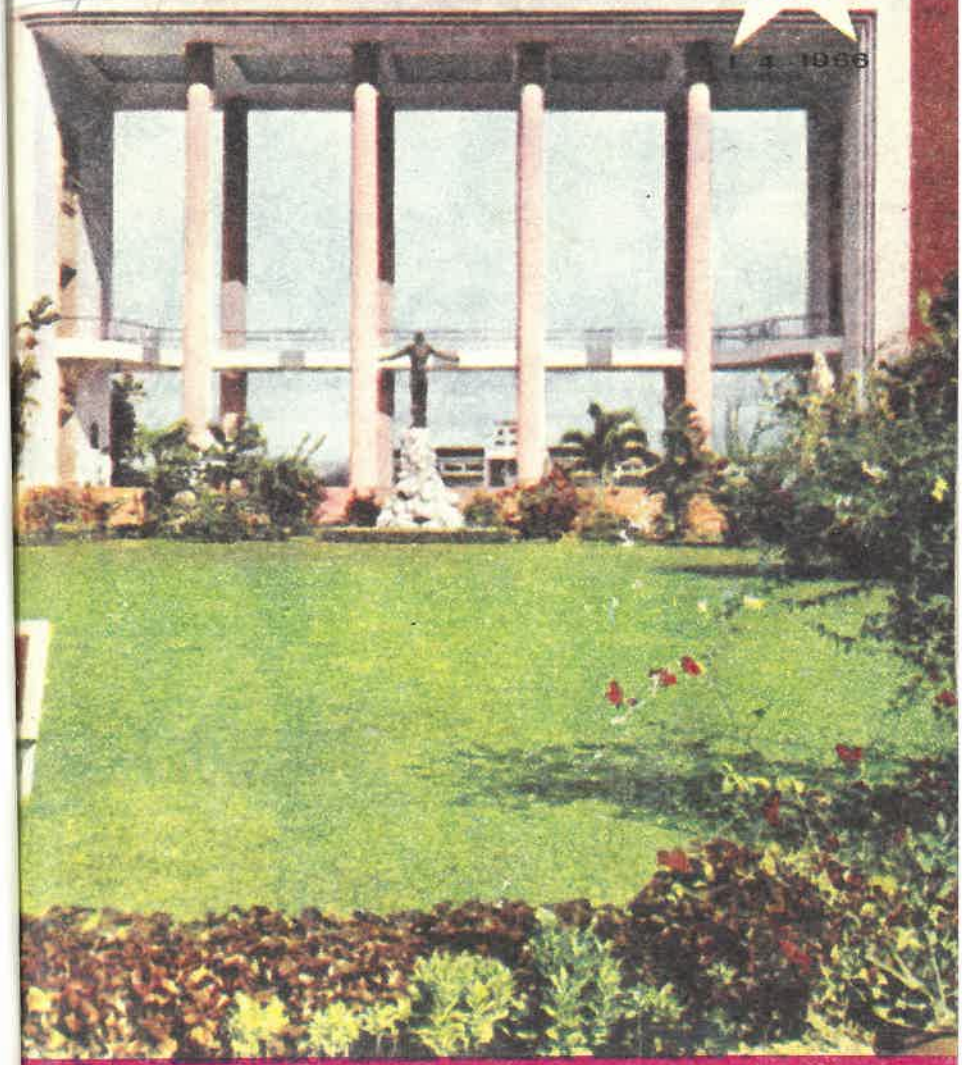

Cảnh văn phòng ĐẠI HỌC ĐƯỜNG — PHILIPPINES

NGUỒN VUI = SỨC KHỎE

của mọi người và
trong mọi gia-đình

NƯỚC NGỌT CON CỌP Ở ĐÂU
ĐẤY LÀ KHỎE MẠNH, SỐNG LÂU YÊU ĐỜI

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

PHỔ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GÓP PHẦN XÂY DỰNG VĂN-HÓA VIỆT-NAM
PHỔ BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG TÂY KIM CỔ

Giám-đốc, Chủ-bút : Nguyễn-Vỹ

Tòa-soạn : 231, đường Phạm-Ngũ-Lão, Sàigon — Đ.T. 25.861

NĂM THỨ VIII ★ SỐ 169 ★ 1-4-1966

1.— *Người chiến quốc : Liêm-Pha*	Thiếu-Sơn	6 —	11
2.— *Kim Thạch Kỳ Duyên*	Thái-Bạch	12 —	19
3.— *Chiếc áo mùa Xuân (truyện)*	Hoàng-hải-Thủy	20 —	26
4.— *Một ngày (thơ)*	Thanh-việt-Thanh		27
5.— *Nhà họa sĩ tài hoa : Paul Ganguin*	Tín-Khanh	28 —	34
6.— *Xe điện Địa-đạo ở Nhật*	Sơn-Điền	35 —	41
7.— *Cầu nguyện cho hòa-bình (thơ)*	Hòa-Biên-Châu		42
8.— *Tuấn, chàng trai nước Việt*	Nguyễn-Vỹ	43 —	47
9.— *Hải triều âm (truyện ngoại quốc)*	Lỗ-Ngạn	48 —	53
10.— *Những vụ đảo chính*	Phạm-văn-Sơn	54 —	58
11.— *Tê tái (thơ)*	Phương Duyên		59
12.— *Thần thoại Hy-Lạp — La-Mã*	Đàm-quang-Thiện	60 —	65
13.— *Nhà cách mạng bị giam kín trong Tòa Đại-sứ*	Tân-Phong	66 —	71
14.— *Huy Cận*	Trần-tuấn-Kiệt	72 —	76
15.— *Muộn màng (thơ)*	Quang-Vinh		77
16.— *Đường vào nhà người yêu (truyện)*	Lan-Đình	78 —	87
17.— *Mình ơi ! Nam nữ bình quyền*	Diệu Huyền	88 —	98
18.— *Những hạt mưa (thơ)*	Mặc-Tưởng		99
19.— *Bà Hai (truyện)*	Tương-Ái	100 —	103
20.— *Vui buồn trong làng văn*	N.V.		104
21.— *Phổ Thông vòng quanh thế-giới*	Kim-Giang-Tử	105 —	107
22.— *Sách báo mới*	P.T.		108
23.— *Lửa tình*	Trần-tuấn-Kiệt	109 —	130

★ Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cảo của bạn đọc, (theo thể-lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).

★ Bài lai cảo không đăng, không trả lại.

★ Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỔ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ : « Trích Tạp-chí PHỔ-THÔNG » và đừng viết tắt.

★ Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.

★ Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.

Copyright by PHỔ THÔNG, printed in Viêt-Nam.

● Tổng phát hành PHỔ - THÔNG toàn quốc :
ĐỒNG NAI, 270, Đề-Thám — Saigon

● Tổng-phát-hành PHỔ-THÔNG ở Âu-Châu và Phi-châu

● **Notre représentant général pour l'Europe et l'Afrique**

● **Our general agent in Europa & Africa**

LONG-HIỆP

13 Rue de la Montagne Ste Geneviève — PARIS Vè

(vente — abonnements — Publicité)

W 21705 6
101

Trọng-thần của Chúa-công ngày nay có phải là Lạn-Tương-Như và Liêm-Pha không ? Ta nghe đời trước các vị đại-thần đồng lòng hiệp sức lo đề trị nước, bây giờ Chúa-công đã tin cậy hai người làm trọng-thần mà để cho hiềm-khích nhau, ấy không phải là hạnh phúc của nhà nước đâu ? ...

người chiến quốc

LIÊM-PHA

✦ THIẾU-SƠN

LIÊM-Pha là một danh tướng trong số những danh tướng của thời chiến quốc. Ông nghĩ tới những công trận của ông đối với nước Triệu và vua Triệu nên ông có ý không bằng về cách đối xử của vua Triệu. Cất nhắc Lạn-tương-Như lên trên ông, hơn nữa lại tuyên bố là trong đám đình thần không có người nào hơn Tương-Như là điều làm cho ông bất mãn và bất bình hơn hết. Ông nói : « *Tương-Như là một người xuất thân vi tiện, chỉ lấy miệng lưỡi làm công, so với ta đánh Bắc dẹp Đông, công cán hơn ta sao được, mà chức vị lại ở trên ta, ta đâu chịu khuất. Bây giờ hễ thấy Tương Như đâu là ta đánh chết không tha.* »

Lạn-tương-Như nghe Liêm-Pha nói thế thường giả bịnh không dự lễ triều cống, không để cho Liêm-Pha thấy mặt. Gia-thần ngồi bàn riêng với nhau, cho Tương-Như là một người hèn nhát.

Một ngày kia, Tương-Như ra khỏi nhà thấy quân hầu Liêm-Pha dàn trước, vội vàng bảo người ngự xe tránh vào trong lối xóm, chờ xe Liêm-Pha đi khỏi rồi mới ra đi. Gia-thần giận lắm, hẹn nhau tới yết-kiến Tương-Như rồi nói : « *Chúng tôi bỏ nhà cửa, làng xóm tới hầu hạ Tướng-công, cũng tưởng Tướng-công là một người trượng-phu chí-khí. Bây giờ Tướng-công đã ngang hàng với Liêm tướng-quân, phẩm-trật lại đứng trước, mà Liêm tướng-quân thốt ra những lời xúc - phạm tới Tướng-công, Tướng-công không dám đối-phó. Đã vậy mà Tướng-công còn tránh mặt họ Liêm. Không biết vì có gì mà Tướng-công khiếp sợ quá vậy ? Chúng tôi kiến-thức hẹp hòi nhưng vẫn lấy đó làm hổ thẹn. Thôi, chúng tôi xin đi, không ở nữa* ». Tương-Như cố ngăn lại, không cho đi rồi nói : « *Ta vì có cớ nên tránh Liêm tướng - quân. Các ngươi thử xem, oai như vua Tần, thiên-hạ ai cũng sợ mà ta còn dám giữa triều nạt-nộ, làm nhục tới các quan. Ta tuy hèn-hạ tới thế nào, một mình Liêm-tướng-quân cũng không đáng làm cho ta phải sợ. Nhưng ta nghĩ lại sở-dĩ nước Tần không dám ra binh đánh Triệu, cũng vì còn có hai người là Liêm-tướng-quân và ta. Bây giờ hai con cọp đấu sức nhau thì không thể sống toàn được. Chắc chắn là người Tần sẽ thừa cơ hội tới xâm lấn nước Triệu. Ta gác thù riêng mà trọng việc nước cho nên mới nhịn nhục Liêm-tướng-quân* ».

Mấy người gia-tướng nghe nói đều thán-phục. Chưa được bao lâu, gia thần của hai nhà lại gặp nhau ở giữa tiệm rượu, hai bên giành nhau chỗ ngồi, phe Lạn-Tương-Như bắt chước chủ nhượng-bộ bên kia làm cho

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

phe Liêm-thị càng kiêu hơn nữa.

●

Có người ở Hà-Đông tên là Ngu-Khanh qua chơi nước Triệu, nghe gia thần họ Lạn thuật chuyện lại bèn xin vào yết-kiến vua Triệu và nói : « *Trọng-thần của Chúa-công ngày nay có phải là Lạn-Tương-Như và Liêm-Pha không ? Tôi nghe đời trước các vị đại-thần đồng lòng hiệp sức lo để trị nước, bây giờ Chúa-công đã tin cậy hai người làm trọng-thần mà để cho hiềm-khích nhau, ấy không phải là hạnh-phúc của nhà nước đâu...* Ngu-Khanh nói tiếp, đề cao đức khiêm-nhường của Lạn-Tương-Như và chê Liêm-Pha hẹp-hòi và kiêu-căng thái-quá. Ông còn xin đi hòa-giải hai người và được vua Triệu y-tấu.

Ngu-Khanh qua yết-kiến Liêm-Pha và nói rằng : « *Công-lao thì không ai bằng Tướng-quân, nhưng làm người có độ-lượng thì nên nhường cho Lạn-thị.* » Lời nói đó chọc giận Liêm-Pha và làm cho ông lại nổi trận lôi-đình và mạt-sát Tương-Như thậm tệ. Ngu-Khanh để cho họ Liêm nói hết rồi mới ôn-tồn thuật lời của Tương-Như nói với gia-tướng, rồi tiếp : « *Lạn-thị kiến-thức rộng lắm, không phải là một người hèn. Tướng-quân không muốn gởi mình với Triệu thì thôi, bằng có lòng vì vua, vì nước mà cứ để cho cuộc xung-đột kéo dài giữa hai vị đại-thần, sợ Tướng quân cũng khó toàn được danh dự* ». Liêm-Pha suy nghĩ và lấy làm hổ-thẹn. Ông bèn nói : « *Tôi thua Tương-Như xa rồi, nên không có lời tiên-sanh, tôi đâu có biết lỗi của tôi* ». Rồi ông tức-tốc cùng Ngu-Khanh đi tới dinh Tương-Như và xin lỗi : « *Bi-nhân chí-lượng hẹp hòi, không biết Tướng-quốc có lòng bao-dung đến thế, tội lỗi tôi nói sao cho xiết được* ». Nói rồi quì thẳng ở giữa sân. Tương-Như lật đật đỡ dậy mà nói rằng : « *Hai ta chung vai thờ chúa làm chức trọng-thần. Tướng-quân biết được lòng tôi là may lắm rồi, có lỗi gì mà Tướng-quân phải từ-tạ. Thôi từ nay chúng ta nên kết bạn sanh-tử, dầu nguy-biến cũng không dám sai lòng* ». Hai người bèn đáp lễ lạy tạ nhau, nguyện đoàn-kết để

phò vua, giúp nước. Tương-Như còn bày tiệc khoản-đãi, mãn tiệc vui say mới bãi về. Vua Triệu hay đặng bèn thưởng cho Ngu-Khanh 1 trăm nén vàng và phong chức Thượng-Khanh.

●

Nước Triệu càng cường-thịnh nhờ quân mạnh, tướng tài và nhờ trên dưới một lòng, ai cũng lo làm tròn nhiệm-vụ, Lạn-Tương Như chết. Bình-nguyên-quân lên thay thế làm Tướng quốc. Bình-nguyên-quân chết Liêm-Pha lên thế. Liêm-Pha tuy già mà còn lập công giữ nước nhiều lần. Một lần ông cầm quân cứu Hàn đánh Tần và thắng. Phạm-Thơ là thừa-tướng nước Tần đã phải nói với vua Tần rằng : « *Liêm-Pha là người từng trải việc chinh-chiến... Như người ấy còn cầm quân thì quân ta chưa dễ vào nước Triệu* ». Một lần khác, Liêm-Pha cầm quân đánh tan đại-quân của nước Yên, bắt sống một viên đại-tướng và buộc địch phải đầu hàng.

Vua Triệu lại sai Liêm-Pha đánh Ngụy nhưng khi Liêm-Pha đương hăm thành địch thì vua băng-hà. Thái-tử Yển kế vị lấy hiệu là Triệu-Tương-Vương. Quan Đại-phu Quách-Khôi có tánh hay nịnh hót, thường bị Liêm-Pha la rầy và có khi la rầy trong khi đương hội-yến, cho nên có lòng oán-hận đã từ lâu. Nhơn dịp có vua mới, Quách-Khôi liền tâu : « *Liêm-Pha già rồi, không làm việc được. Đánh nước Ngụy đã lâu mà không thành công nên sai người thay thế* ». Vua nghe lời sai Nhạc-Thừa qua thay chức Liêm-Pha. Liêm-Pha thấy Nhạc-Thừa qua thì nổi giận nói rằng : « *Ta từ ra làm tướng giúp vua Huệ-văn-Vương tới bây giờ đã hơn 40 năm, chưa có hồi nào làm hao quân, tổn tướng. Nhạc-Thừa là người ra thế nào mà dám thay chức ta* ». Nói rồi bèn giục quân đánh Nhạc-Thừa. Nhạc-Thừa sợ bỏ chạy về nước. Liêm-Pha cũng sợ tội không dám về Triệu mà lại chạy qua Ngụy. Vua Ngụy tuy tôn làm thượng-khách nhưng còn nghi mà chưa dám dùng. Từ đó Liêm-Pha ở luôn nước Ngụy.

●

Liêm-Pha là một vị danh-tướng lỗi lạc trong những danh-

tướng của thời chiến - quốc. Ông còn có ưu-điểm là không hay thí-quân, ít làm hao binh, tổn tướng của triều-đình. So-sánh với Lạn-Tương-Như thì công ông nhiều hơn gấp bội. Ông thấy ông có quyền bất bình và bất-mãn. Nhưng ai đời lại cứ hăm dón đường để đánh. Và hành-động như thế là hành-động của một kẻ thất-phu.

Lạn-Tương-Như hơn hẳn ông ở điểm này vì thà làm kẻ thất-phu đối với vua Tần mà không chịu làm kẻ thất-phu đối với một thất-phu võ-biền như Liêm-Pha.

Nói Tương-Như có độ-lượng thì điều đó đã hẳn rồi nhưng Tương Như có lẽ là người trước nhứt và duy nhứt đã cho Liêm-Pha một bài học về tình yêu nước. Trước kia Liêm-Pha chỉ thấy tài đánh giặc của mình, công giúp nước của mình và địa vị mà mình phải có tương xứng với tài mình và công mình. Nhờ Tương Như mở trí cho mà Liêm Pha mới biết thêm rằng tài năng của mình cần phải đem ra phục vụ đất nước và xứ sở. Và muốn phục vụ đất nước thì tài năng của mình cần phải phối hợp với tài năng của nhiều người khác nữa. Dầu ngu tối Liêm Pha cũng phải nhìn nhận rằng Lạn-Tương-Như không phải là một người tầm thường. Vì óc địa vị hẹp-hòi mà phải tự hy sinh hay hy sinh một người như Tương-Như thì nước Triệu sẽ thiệt thòi biết bao nhiêu. Vua Triệu thưởng một trăm nén vàng cho Ngu-Khanh không phải là mắc vì Ngu-Khanh đã dàn xếp được một cuộc tranh chấp có thể gây nên những tai hại nghiêm trọng cho nước ông.

Sau đó, Liêm-Pha lập được biết bao nhiêu công-trạng và làm cho nước Triệu càng ngày càng được kính nể.

Mặt khác, sau khi Tương-Như chết. Liêm-Pha vẫn không mất chức tướng quốc như lòng ông ham muốn.

Nhưng Tương-Như mất thì Liêm-Pha cũng mất một ông thầy để nhắc chừng cho ông những bài học ái-quốc.

Vua Triệu có lỗi vì đã nghe lời xiểm-nịnh mà cho người ra cầm quân thay thế cho ông trong khi ông sắp thắng quân Ngụy. Ông có thể cãi lịnh vua đánh thắng giặc rồi về chịu tội.

Trong trường hợp đó không vua nào dám giết ông, chỉ quở phạt qua loa là cùng. Hoặc ông cứ giao quân cho người tới thay thế mà về triều trình bày tất cả sự thật với nhà vua. Nhà Vua không lấy có gì mà tước đoạt địa vị của ông ở triều đình. Hơn nữa, nếu người thay thế ông làm không nên chuyện thì ông vẫn sẽ là người để cứu vãn tình thế cho nước Triệu.

Nhưng ông nóng tính làm bậy. Có thể giận vua bất minh, sao lại giận lây tới nước? Sau khi đã phục vụ xứ sở đắc lực như ông, dầu có về làm dân thường ở nơi quê cha, đất tổ cũng vẫn có thể tự hào và bảo toàn được danh tiết.

Đằng nầy ông lại chạy qua Ngụy là nước đương đối địch với nước ông. Như thế có khác gì ông đầu hàng giặc. Đầu hàng mà họ vẫn không tin, không dùng. Đáng thương thay! Mà cũng đáng tiếc thay!

HẾT DUYÊN

Một cô giữ « kết » (caisse) nói với bạn:

— Tôi không còn xinh đẹp, duyên dáng như xưa nữa chị ạ!

— Ai bảo chị như thế?

— Đàn ông! Họ bắt đầu đếm lại tiền sau khi tôi thối lại cho họ.

MỘT TÁC PHẨM LỚN CỦA VĂN NGHỆ VIỆT NAM ĐƯỢC DỊCH RA PHÁP VĂN

MỘT VỞ TUỒNG PHẢN ẢNH XÃ HỘI MIỀN NAM Ở THẾ KỶ XIX...

● *THÁI-BẠCH*

KIM THẠCH KỲ DUYÊN

NÓI đến những tác phẩm giá trị của văn nghệ miền Nam ở trước thời thuộc Pháp, người ta thường cho Lục-vân-Tiên của Nguyễn-đình-Chiểu là duy nhất. Nhưng thế là lầm to, trước đó còn vở tuồng Kim-thạch-Kỳ duyên. Vở tuồng này chẳng những chỉ có giá trị về nghệ thuật, giá trị về nội dung tư tưởng, đã phản ảnh sinh hoạt của một địa phương ở trong một giai đoạn lịch sử, mà có lẽ còn là một vở tuồng cổ duy nhất được lưu lại bằng mực đen giấy trắng, nói chung cả toàn quốc Việt-Nam.

Vậy nói về văn nghệ miền Nam, tôi xin giới thiệu với các bạn về vở tuồng trên đây.

Tác giả của Kim Thạch Kỳ Duyên

Người viết vở tuồng này không ai khác hơn là ông Bùi-hữu-Nghĩa, người làng Long-tuyền, tỉnh Cần-Thơ, sinh năm 1807, đỗ giải-nguyên khoa hương thí tỉnh Gia-định năm 1835, và mất năm 1872. Ngoài giá trị là một nhà thơ nổi tiếng ở Đồng-Nai, Bến-Nghé, ông Thủ-Khoa Bùi-Hữu-Nghĩa còn là một

tay viết tuồng trứ danh ở thế-kỷ 19.

Ông có soạn 3 vở tuồng hát bộ là : Tây-Du, Mậu-Tòng và Kim-Thạch Kỳ Duyên.

Hai vở Tây-Du và Mậu-Tòng nay không còn nữa, nhưng vở Kim-Thạch Kỳ-Duyên hiện vẫn còn được nhiều người nhắc đến giá trị văn-chương và sự tích của nó về mối duyên lạ lùng của hai họ Kim, Thạch.

Vở tuồng này đương thời tác giả có đưa cho người bạn là ông cử - nhân Huỳnh - Mẫn - Đạt, nguyên tuần-vũ Hà-Tiên nhuận sắc. Năm 1895 ông Bùi-Quang-Nhơn đề thêm tiểu-tự và in ra thành bản Quốc-Ngữ. Rồi sau đó, ông Paul Mida, giáo-sư trường Chasseloup-Laubat ở Sàigòn có dịch ra Pháp-văn và chú-thích hẳn hoi, có thể nói là một vở tuồng đầu tiên của Việt-Nam được một nhà văn ngoại-quốc nghiên-cứu và dịch sang thứ tiếng của họ.

● Sơ-lược cốt chuyện của Kim-Thạch Kỳ-Duyên

Ngạn-Yêm, một danh sĩ đời nhà Tống bên Tàu, thi đậu giải-nguyên được bổ làm tri-huyện Bồ-Châu.

Trên đường đi nhậm chức, Ngạn-Yêm cùng con trai là Kim-Ngọc đến Tô-Châu gặp nhà phú hộ Lâm-Vượng.

Lâm nhà giàu, nhưng hiếm hoi, vợ chồng chỉ sanh được hai gái, chị là Ái-Châu, em là Tố-Châu.

Cả hai cùng hương trời sắc nước.

Nhưng Tố thì :

Thiệt thà đức hạnh không hai

Còn Ái thì :

Dung mạo tài tình rất lịch

Thấy Kim-Ngọc là một thanh niên, con nhà quan :

Diện mạo phải trang tài-tử,
Dung tu nên đứng nho phong.
Lại có tiếng thần đồng,
Ai cũng nhường văn-học.

Lâm-Vượng liền nhờ người mai mối đề gả Ái-Châu cho Kim-Ngọc.

Hai họ Lâm, Ngạn cùng nhau đính ước làm thông gia, và đợi sau khi Ngạn-Yêm nhậm chức xong rồi sẽ làm lễ thành hôn cho hai trẻ. Chính Ái-Châu nàng

cũng say mê Kim-Ngọc nên đã thốt ra lời :

Thiếp Ái-Châu tốt bực hồng-quần,
Cha Lâm-Vương nên trang cự-tú (1)
Như tôi là tiểu diễm Tây-Thi khá ví,
Còn thông-minh Đạo-Uẩn gì hơn (2)
Cho nên mới trăm châu báu là thôn nhường,
Cùng Kim-Ngọc duyên lành mới gả.
Như cha chồng tôi đỗ đình thì ra chăn dân xa (3)
Còn chồng tôi, tiếng thần đồng đã nức hương lân,
Có phải rõ ràng một mặt phu-nhân, cao tốt phô loài phàm-nữ.

Viên tri-huyện Tô-Châu là Lợi-Đồ có hai vợ, vợ cả là Bạch-Thị, vợ thứ là Điêu-Thị. Một hôm Bạch-Thị bị bệnh, Lợi-Đồ cho mời một lương-y danh tiếng là Thạch-đạo-Toàn ở Tư-Môn đến xem mạch cho thuốc. Bạch-Thị bị cảm, chứng bệnh cũng thường, đáng lẽ nhờ thuốc của Đạo-Toàn cho uống sẽ hết. Nhưng người vợ thứ của Lợi-Đồ lại là một con mụ thâm-độc, muốn nhân cơ hội ấy, lập kế giết người vợ cả đi để đoạt ngôi chính-thất nên lấy bã đậu trộn vào thuốc để hại Bạch-Thị, rồi đổ lỗi cho là tại thuốc của Đạo-Toàn.

Do đó Thạch-Đạo-Toàn bị bắt oan. Lợi-Đồ đòi vợ con Thạch phải lễ ba mươi lạng vàng mới tha cho tại ngoại.

Trước tình cảnh :

Hoa đâu khiến nửa vời sóng dậy,
Oan này gây sáu tháng sương bay (4)

Con gái của Thạch-đạo-Toàn phải đi bán mình làm nô tỳ cho nhà Lâm-Vượng để lấy tiền chuộc cha.

Ở núi Đại-Lư nơi gần miền ấy có bọn giặc Tiêu-hóa-Long nổi dậy, thường đánh các thuyền bè qua lại để giết người cướp của.

Trước đó quan tri-phủ Tây-An là Thiết-Đình-Quỳ trên đường đi nhậm chức, cùng vợ là Giải-thị đi ngang qua đó, bị bọn giặc chặn đánh.

Gặp bước đường cùng, Thiết-đình-Quỳ nhảy xuống sông tự tử. Trước giờ vĩnh biệt, chàng

có dặn vợ. Lúc đó có mang đã ba tháng. Hãy nhẫn nhục chịu đựng sống với giặc cho qua ngày đoạn tháng để chờ lúc khai hoa nở nhụy, nuôi nấng con cái, và đợi dịp để tìm cách báo thù.

Thấy Giải-thị có nhan sắc khuynh-thành, Tiêu-hóa-Long say mê, bắt ép nàng làm vợ.

Nàng sanh hạ được cậu con trai là Thiết-thuần-Cương lúc cậu này lớn lên, đã đến tuổi đi học tức là lúc cha con Ngạn-Yêm đi ngang qua vùng này.

Tiêu-hóa-Long đem quân ra chặn đánh để cướp của giết người, Ngạn-Yêm bị Hóa-Long bắt được, sắp phải mang chém thì may nhờ được Giải-thị xin cho khỏi chết, lấy lẽ Ngạn-Yêm là một người hiền tài, nên để cho sống để dạy con mình học, vì con đã lớn mà chưa kiếm được thầy. Tiêu-hóa-Long bằng lòng. Giải-thị hết sức che chở cho Ngạn-Yêm. Nàng lại bí mật đem chuyện và tâm sự mình kể cho con nghe để cố gắng tuân lời thầy dạy bảo, cho trở nên người và tìm cách đặng báo thù cho cha.

Con trai Ngạn-Yêm là Kim-Ngọc thì may mắn hơn là khỏi bị lọt vào tay giặc. Nhưng lại bị ngã xuống sông, và bị dòng nước đó cuốn đi tới một nơi hoang vắng. Chàng phải vào xin trú ẩn ở trong một ngôi chùa. Chàng được hòa-thượng Hư-Vô và chúng tăng nuôi dưỡng. Nhưng không may lại mắc phải bệnh cùi.

Ở đó, sau chàng được gặp người bạn với cha là Thành-Trai làm giáo thụ ở Hà-Nam. Chàng ngỏ hết sự tình nông nỗi. Thành-Trai bèn sai quân hầu đem giấy mực viết thơ cho Lâm-Vượng, yêu cầu làm lễ thành hôn cho Kim-Ngọc và Ái-Châu :

Kẻo sơn đã hẹn trước,
Kim-cải khá vầy sau (5)
Rẩy rà hiệp-phố hoàn châu,
Nên phải Lam-điền chủng ngọc... (6)

Nhưng thấy chàng bị bịnh và rách rưới, Ái-Châu không chịu nữa. Trước tình cảnh nan giải ấy, Lâm-Vượng buồn rầu không biết tính thế nào, cho con gái mình khỏi phải kết duyên cùng một anh cùi, và thứ nữa là phải làm cho vừa lòng bức thư quan

giáo-thụ như trong thơ mà ngài đã yêu cầu.

Lâm toan thắt cổ cho khỏi sự ngầy ngà, vì không lối thoát, nhưng vợ là Trương-Thị biết được, cứu cho thoát chết, và khuyên hãy thong thả, chớ nóng nảy liều mạng vì mụ đã có cách dĩ ngưu dịch mã.

Thế rồi cuộc tráo hôn được xếp đặt và thi hành.

Vô-Hà, đầy tớ gái của Ái-Châu được thay vào làm con gái lớn của Lâm-Vượng để gả cho Kim-Ngọc. Còn nàng Ái-Châu thì sau đó kết duyên cùng con trai tri-huyện Lợi-Đồ là Ái-Lang.

Sau khi làm lễ thành hôn cùng Vô-Hà, Kim-Ngọc được cha vợ là Thạch-đạo-Toàn chữa cho hết bệnh.

Gặp khoa thi, chàng thi đỗ Trạng-Nguyên.

Nhà vua sai chàng đi đánh giặc Hóa-Long.

Hóa-Long đánh thua, phải lui vào trong thành cố thủ. Nhưng bị Ngạn-Yêm và mẹ con Giải-Thị nhân cơ hội, phục rượu cho uống rồi giết đi, đoạn mở cửa thành cho quân Kim-Ngọc vào.

Kim-Ngọc vào thành gặp được cha là Ngạn-Yêm. Hai bên cùng mừng rỡ hết sức.

Thắng trận về, Kim-Ngọc được nhà vua trọng thưởng, còn Giải-Thị sau đó, nàng chặt đầu Tiêu-hóa-Long tế chồng, rồi đâm đầu xuống sông tự tử cho vẹn nghĩa phu thê.

Nói về phần Ái-Châu thì sau khi gá nghĩa cùng Ái-Lang con trai của tri-huyện Lợi-Đồ, một viên quan không có gì đáng gọi là trong sạch. Con gái nhà phú-hộ lấy chồng con quan, trai công tử gái thuyền quyên, những tưởng sẽ phong lưu phú quý trọn đời. Song không dè việc tham lạm tiền quỹ và tham-ô của Lợi-Đồ lại bị bắt quả tang. Toàn gia quyến đều bị giam, gia sản bị tịch thâu. Lâm-Vượng cũng bị liên đới vì nàng Ái-Châu cung khai cho có oa trữ một phần rất lớn tiền bạc châu báu của Lợi-Đồ. Do đó cả hai gia-đình đều bị lâm vào tình cảnh khốn khó bần cùng.

Còn Kim-Ngọc, và Vô-Hà sau sanh con trai, phải mượn người hầu hạ. Không dè người đến xin ở lại là nàng Ái-Châu.

Gần Kim-Ngọc, Á-Châu tỏ vẻ hối hận, nàng nhờ Vô-Hà nghĩ tình nói với Kim-Ngọc cho tái hợp. Vô-Hà kể lại đầu đuôi với chồng và muốn nhường ngôi vợ cả cho Ái-Châu. Nhưng Kim-Ngọc không chịu vì lẽ cho nàng là một kẻ gian dâm bạc bẽo:

Nước biển Bắc rửa nhơ khôn sạch,
Tre non Nam ghi tội chẳng cùng.

Đêm đến, Ái-Châu định lén sang phòng Kim-Ngọc để nằn nì và tính chuyện gợi tình trăng gió, nhưng bị lính canh cản lại. Nàng xấu hổ ra đi và phải bán mình vào lầu xanh.

Lâm-Vượng sau đó tìm đến thăm Kim-Ngọc để nhờ giúp đỡ. Ngạn-Yêm và Lâm-Vượng gặp nhau. Thấy Tố-Châu chưa vợ bèn làm mai cho tướng Thạch-hữu-Quang, người cùng đi đánh giặc Tiêu-Hóa-Long với Kim-Ngọc.

Ở lầu xanh ít lâu, Ái-Châu mắc bịnh phong-tình. Nàng bị mụ chủ đuổi đi. Nàng đến chùa Thiên-Trúc định vào nương cửa từ-bi cho qua cơn khổ não. Gặp khi chùa làm chay. Vợ chồng Kim-Ngọc và vợ chồng Hữu-Quang đi lên dâng hương lễ Phật. Dân chúng và nhà chùa đón rước rất linh đình. Ái-Châu nhìn thấy. Nàng nghĩ phận mình, rồi liền đó lấy giây thắt cổ tự tử trước cửa phật-đường.

Kim-Ngọc có cho quân lính chôn cất nàng.

Sau đó trở về, cả bọn Kim-Ngọc và Thạch-hữu-Quang ai nấy đều được quyền cao chức trọng của vua Tống ban phong.

Bố-cục của Kim Thạch Kỳ Duyên

Vở tuồng chia làm ba hồi:

Hồi thứ nhất từ lúc Ngạn-Yêm thi đậu được bổ đi tri-huyện Bồ-Châu, đi qua Tô-Châu gặp nhà phú hộ Lâm-Vượng đến lúc nàng Ái-Châu kết duyên cùng con trai tri-huyện Tô-Châu là Ái-Lang.

Hồi thứ nhì từ đoạn chàng Kim-Ngọc, con trai Ngạn-Yêm được cha vợ là Thạch-Đạo-Toàn chữa cho hết bệnh cùi, đến đoạn tri-huyện Tô-Châu là Lợi-Đồ bị kết án tham nhũng và tịch thu gia sản.

Hồi thứ ba từ đoạn nàng Vô-

Hà sanh con trai, phải mượn người hầu hạ đến đoạn cuối cùng là nàng Ái-Châu thắt cổ tự tử, và bọn Kim-Ngọc được vua Tống khen thưởng và gia phong chức vị.

Tác-giả rất khéo cấu tạo mầu chuyện càng lúc càng thêm lắt léo gay cấn. Nhưng không có thứ tự tiệm tăng hay tiệm giảm, nhất là đoạn kết luận lại không được bố-trí bằng hành động và cử chỉ, mà chỉ là một lối thả lỏng, nặng về lời đối thoại hơn. Về điểm này, tác-giả có cái ưu điểm là đưa vào một lối chiến-đấu tư-tưởng để đề-cao luân-lý và nghĩa khí ở đời. Nhưng bố cục như vậy, nghĩa là không làm được cho nổi bật lên bằng những sự kiện nên làm cho người xem mất phần hào hứng và xúc động.

Những hình ảnh sinh hoạt xã-hội được tác-giả đưa ra khá nhiều, như :

— Cuộc bội hôn của Ái-Châu.

— Cuộc tráo hôn của Trương-Thị, mẹ nàng.

— Tinh-thần tiết-nghĩa của Giả-Thị, vợ quan tri-phủ Thiết-đình-Quỳ.

— Sự ghen tuông của hai vợ viên tri-huyện Lợi-Đồ, và việc người vợ thứ bỏ thuốc độc để giết người vợ cả.

— Nỗi oan của lương-y Thạch-Đạo-Toàn.

— Và những cuộc chiến-đấu, mưu kế đánh giặc, gồm cả nội công cùng ngoại kích, địch-vận và trá hàng v.v...

Đưa vào nội-dung những hình ảnh sinh hoạt xã-hội là phần hay của vở tuồng, và đó chính là ưu điểm và cách sáng tạo của tác-giả. Nhưng tiếc rằng sự bố cục không được nhất trí, mâu thuẫn rời rạc, những biến chuyển không gọn gàng chặt chẽ. Thí-dụ như vợ lẻ viên tri-huyện Lợi-Đồ là Điêu-Thị bỏ thuốc độc vào thang thuốc của vợ cả là Bạch-thị, từ cách ghen ngầm đến hành động và kết quả của nó, tác-giả chỉ vỏn vẹn diễn tả thu gọn lại vào trong một đoạn văn :

Thiếp tiểu-thơ Điêu-Thị, phu chủ Lợi huyện quan
Chánh viên đã có Hồng-Loan (7)
Nên tà chiêu, tôi cam bề Thiên-hỉ (8)

Người ta nói rằng, trai năm thê bảy thiếp,
Chớ tôi nghĩ lại, *bảy thiếp năm thê thì nói vậy,*
Một chĩnh hai gáo gẫm thêm hay.
Rất đỗi là *bát trong sóng còn động thay,*
Tôi muốn *cờ về tay cho dễ phất,*
Đã đành phân chắc, phải tính mưu sâu.
Rày nghe hắn bệnh đau, có rước thầy tới chữa,
Thuốc kia đã sẵn chứa, độc nọ kíp trao vào.
Ở thầy Thạch-Đạo-Toàn này, tao nói thiệt,
Thuốc đầu có thạch cao, gỡ sao ra bã đậu.
Danh mi dầu mang xấu, thân ta mới dặng an,
Cơ quan đã sẵn cơ quan, tiêu sức sẽ chờ tiêu tức a.

(còn nữa)

---

(1) Cự-tí là một tay giàu có lớn lao.

(2) Tạ-đạo-Uẩn, một người đàn bà văn-chương nổi tiếng ở Tầu xưa.

(3) Đỗ tỉnh thí ra chân dân xa lạ thi đậu khoa thi ở tỉnh được bổ đi làm quan cai trị dân.

(4) Do chữ sách : Tế phụ hàm oan, tam niên bất vụ. Châu-Diên hạ ngục lục nguyệt phi sương, nghĩa là người đàn bà nước Tề bị oan, ba năm trời không mưa, người Diên ở nước Châu bị tù oan, trời xuống sương. Ý nói sự oan ức chỉ có trời đất biết.

(5) Lam-điền chung-ngọc là cây ngọc ở ruộng Lam, ý nói việc cưới vợ. Tích xưa Ung-Bá, người hay làm phước, gặp tiên cho đá đem về trồng ở ruộng Lam, sau hóa ra ngọc bạch, Ung-Ba dùng ngọc ấy cưới được vợ đẹp.

(6) Do chữ sách : Tu thạch huyền cham, hộ-phách thập giới, nghĩa là đá nam châm hút kim, ngọc hộ-phách hút bột. Ý nói chuyện vợ chồng.

(7) Chánh-viên Hồng-Loan là hai ngôi sao chánh ở giữa, ý chỉ người vợ cả.

(8) Tả-chiêu, Thiên-hỷ, là hai ngôi sao phụ, ý chỉ người vợ thứ.

TRUYỆN NGẮN

★ HOÀNG HẢI THỦY

CHIẾC ÁO MÙA XUÂN

NGƯỜI ta thường nói rằng kiểu áo dài của phụ nữ Việt-Nam có thể che đậy được nhiều khuyết điểm thân thể. Nhưng với Ngọc điều đó không đúng. Nàng không mặc được áo dài, không mặc được là những tiếng dùng để chỉ sợ mặc không đẹp. Quả thực, nàng mặc áo dài không đẹp, thân thể nàng rất cân đối. Từ ngày mới bắt đầu lớn. Nàng chăm tập thể thao, chăm bơi lội. Nàng mặc áo đầm rất gọn và đẹp : ngực nở eo nhỏ, mông tròn, chân thon và dài. Nàng mặc đầm đẹp như những người phụ nữ Tây-phương bận y phục đẹp nhất. Nhưng khi nàng xỏ tay vào một chiếc áo dài Việt Nam. Nàng trở nên lòng không cứng ngắc, người ngợm như lệch hẳn đi, lưng nàng như gù xuống,

nàng trở thành quá gầy mặc dầu khi mặc đầm hoặc sơ mi, quần Jean thân thể nàng rất có da, có thịt. Nàng biết rằng nàng mặc áo dài Việt không đẹp. Cái biết ấy càng làm cho nàng thêm ngượng nghịu, thêm khó chịu và do đó, người nàng lại thêm cứng ngắc, nhưng không lẽ là phụ nữ Việt Nam mà lại không bao giờ mặc áo dài Việt Nam. Nàng tốn nhiều tiền may áo và rất chịu may áo. Nàng có tới 50 chiếc áo dài may tại những nhà may lớn nhất Sài-gòn và nổi tiếng nhất, quảng cáo nhiều và được nhiều cô bạn của nàng khen ngợi nhất. Nhưng nàng vẫn không chọn được chiếc nào vừa ý.

Bảy năm trôi qua, bảy năm trong cuộc đời Ngọc trôi qua rất mau. Ngày đi xa quê hương, nàng còn là một thiếu nữ tâm hồn đang bị thương vì một mối tình không thành. Nàng trở về, nàng đã trở thành một thiếu phụ với 2 đứa con. Cuộc đời nàng đã lắng xuống, như một mặt nước chảy mạnh qua một thác nước. Nàng được chồng đưa tới thác Niagara vào một buổi sáng mùa xuân trong tháng trăng mật của vợ chồng nàng tại Hoa-Kỳ. Nàng đang nhìn thác cao ầm ầm, tiếng nước, bụi trắng xóa một góc trời, tưởng tượng mối tình của nàng trước đó 6 tháng cũng quay cuồng, sôi động như vậy — để rồi trôi triền miên trong lòng một dòng sông rộng. Cuộc đời nàng từ nay cho đến ngày nàng từ giã nó — Nàng nghĩ như vậy — sẽ êm đềm triền miên trôi mãi mãi như dòng sông êm trôi ra biển cả, bao nhiêu nước mất hết vào lòng biển không một xáo trộn.

Nàng trở lại quê hương và vấn đề làm nàng bận tâm nhất trong những vấn đề riêng tư của nàng là vấn đề may áo dài. Nàng may một lô áo mới, nhưng cũng 7 năm về trước khi nàng hãy còn là thiếu nữ, nàng vẫn « không mặc được » áo dài Việt. Trong số trên dưới 50 chiếc áo, nàng chỉ tương đối, hài lòng với vài ba chiếc. Trở thành thiếu phụ, nàng bận áo dài Việt còn xấu hơn ngày nàng còn là con gái.

Hai mươi Tết chồng nàng đi Nhật về, đem cho nàng một số hàng đủ may 5 chiếc áo dài.

Hàng đắt tiền, thật đẹp có thể được các bà, các cô, có tiền

tranh nhau mua với giá 5.000 đồng một áo, nàng nghĩ đến chuyện may áo mặc Tết và quyết định rằng 5 chiếc áo này sẽ là những chiếc áo dài hài lòng, nàng sẽ ngừng may, ngừng thí nghiệm. Nhưng Tết đến nơi rồi, những nhà may lớn đều ngừng nhận may từ 10 ngày trước, nàng lại sốt ruột muốn có áo quí mặc ngay trong những ngày đầu năm. Bạch Hồng, người bạn thân nhất của nàng mách :

— Tao có một chỗ may hay lắm. May đẹp, tối tân không thể tưởng tượng được. Một nhà may nhỏ thôi, nhưng toàn khách sang, lịch sự, biết ăn mặc. Tao phải đưa mày đến nói với mẹ chủ. Tao vẫn cắt quen ở đấy. Trả thêm tiền chắc là mày có áo.

Khi nhìn thấy mấy xấp hàng, Bạch Hồng chắt lưỡi khen đẹp và nhất định đòi nàng phải để lại hai áo mới chịu dẫn nàng đi may. Ngọc tin ở khả năng thẩm mỹ của bạn. Bạch Hồng bận áo dài đẹp và sang cô ra là một mệnh phụ phu nhân. Nàng cho Bạch Hồng mua lại một áo vào buổi sáng 21 Tết, đôi bạn ngừng chiếc xe Floride trước một ngõ ở Bàn Cờ.

Ngày nàng đi, khu này chưa xảy ra hỏa hoạn — trận cháy lớn tại Bàn Cờ năm 1952 — nhà cửa tại đây còn toàn là nhà lá và chưa có chia đường đi. Nàng thấy khu này khang trang, nhà cửa đàng hoàng hơn trước nhiều. Họ phải đi bộ một quãng khá dài. Sau cùng, họ tới một căn nhà gần chợ Vườn Chuối.

Đó là một căn nhà trệt được biến chế thành tiệm may. Trước cửa trên hàng ba chỉ có treo một tấm bảng cỡ nhỏ. Không có bạn dẫn đến, không bao giờ Ngọc đặt chân vào nhà may này. Bước lên hàng ba, nàng thấy bên trong có 6 chiếc máy may. Thấy cô thợ may bận áo cánh đang ngồi cắm cúi đạp máy. Một tủ áo kê giữa nhà, bên trong đó xếp tới cả trăm chiếc áo đã may xong. Cô thợ may ngồi máy đầu ngước lên trông thấy Bạch Hồng nhận ra khách quen, đón đã đứng dậy chào hỏi.

Bạch Hồng nói bằng một giọng hách dịch :

— Bà chủ đâu ? Biểu cô cô Bạch Hồng tới may áo nghe !

Một người thiếu phụ, trạc 30 tuổi, dáng người thon nhỏ nhẵn, từ nhà trong vội vã bước ra. Ngọc nghe bên trong có tiếng trẻ con khóc. Nàng đang đứng, tay ôm bọc vải nhìn mấy chiếc áo treo trong tủ kính.

— Chào các cô ! thấy cô tới may áo...

Giọng nói của một người thiếu phụ, trong-trong và vui-vui vang lên giữa tiếng máy may rào rào, làm Ngọc rùng mình, giọng nói vừa vang lên mấy tiếng — « Chào các cô...! » nàng đã nhận ra ngay. Đó là tiếng người trước đây 7 năm, đã nói với nàng những câu mà nàng còn nhớ rất rõ. Những câu nói ghê gớm mà nàng thường văng vẳng nghe lại trong những giấc mơ não nề đau đớn — « Anh ấy yêu tôi hơn Cô, tôi cũng yêu anh ấy hơn cô.! » Đó là tiếng người nói — « Chúng ta tranh nhau một người đàn ông, ai được yêu hơn người ấy sẽ thắng ». Và — « Tôi khuyên cô nên rút lui sớm, cô càng theo đuổi, cô càng đau đớn... »

Nàng quay phắt lại. Hai thiếu phụ sững sờ nhìn nhau. Đúng là người ấy, và bà chủ tiệm may nhỏ này cũng nhận ra cô khách sang đã 7 năm rồi họ gặp lại nhau lần này là lần thứ nhất. Trước đây cả hai đều cùng chưa chồng. Cũng yêu một người đàn ông và tình địch của Ngọc không phải là thợ may.

— Tôi giới thiệu cô bạn thân của tôi ! — Không biết gì cả, Bạch Hồng vui vẻ nói — Cô bạn tôi ăn mặc khó lắm, tôi nghĩ chỉ có bà ở đây mới may nổi được áo cho cô ấy...

Người thiếu phụ trấn tĩnh được trước. Nàng đứng bên chiếc bàn cắt, nhìn Ngọc mỉm cười :

— Các cô đến muộn quá, nhà chúng tôi còn nhiều hàng may chưa kịp...

Bạch Hồng ngắt ngang :

— Bà đừng nói vậy, nghe không được, dẹp của người khác lại, may cho cô bạn tôi trước...

— Dạ... lỗi hẹn với người khác thì chúng tôi không dám. Thiếu phụ trả lời rất nhã nhặn và khéo léo... nhưng từ chối các cô thì chúng tôi cũng không dám, chỉ sợ may các cô không được vừa ý...

— Vội mà đẹp mới hay chứ ! Bạch Hồng cười khanh khách — bà may tôi tin là được.

— Xin các cô cho coi hàng... Ngọc nhìn thẳng vào mặt người

thiếu phụ. Lang ! Tên người đã được làm vợ người nàng yêu. Nàng thấy Lang già đi nhiều. Lang hơn tuổi nàng. Nhưng trước kia sự xa cách về tuổi tác của họ không có gì đáng kể. Nhưng nay sự xa cách ấy đã quá xa. Cuộc sống đầy đủ vật chất không lo nghĩ. Không phải làm việc cho phép Ngọc giữ được nét mặt tươi trẻ và làn da không nếp nhăn gần giống như thời nàng còn con gái. Lang già trước tuổi. Nàng trông rõ người đàn bà 30 tuổi hăm hở lên. Nàng không lấy làm lạ khi nghe Bạch Hồng gọi Lang bằng bà. Lang bận áo cánh ni lông hoa. Quần trắng. tóc quấn lên sau gáy, tay cầm thước dây, trông rõ ra là một bà thợ may. Đôi mắt họ gặp nhau và trong giây phút ấy Ngọc nghĩ thầm — « Người nầy đã làm cho ta chán đời muốn chết... »

Trước khi yêu. Nàng biết Huy đã có người yêu. Chàng hơn nàng 10 tuổi và đã là một người đàn ông trong lúc nàng vẫn còn là con gái. Nàng ngây thơ tin chắc rằng trước nàng chàng chưa yêu ai đúng với nghĩa yêu !

Nàng tin rằng chàng đã yêu. Nhưng chỉ lấy nàng làm vợ. Nàng tự kiêu khi thấy người nàng yêu được nhiều thiếu nữ khác yêu và không bao giờ nàng nghĩ rằng Huy có thể yêu người khác hơn nàng và có thể lấy người khác làm vợ. Cũng như nàng không thể lấy một người đàn ông nào khác Huy làm chồng. Huy rất quyến rũ và có duyên. Nàng yêu Huy bằng tất cả sức mạnh yêu đương của nàng. Nàng đã tiêu vào mối tình ấy tất cả tình yêu của nàng. Bởi vậy, vào một buổi chiều mưa — nàng nhớ rõ là một chiều mưa tháng 7. Khi nghe Huy nói — « anh cũng yêu em nhưng anh cũng có bổn phận phải nói để em biết rằng... có lẽ anh yêu nó hơn ». Nàng không bao giờ có thể quên nét mặt của Huy lúc đó. Nét mặt đó không biểu lộ sự thương hại nàng. Nét mặt đó cho chàng thấy rõ chàng nói đúng chàng yêu thương người khác hơn, và trong lúc nói với nàng câu đó, chàng đang nghĩ tới người vắng mặt — « em có học, em trẻ, em đẹp. Em còn gia đình em, em có thể lấy được người hơn anh nhiều, rất nhiều... còn Lang, nếu anh phụ nó, nó sẽ chết». Nàng không muốn khóc nhưng nước mắt cứ trào ra, nàng muốn

nói — « Còn em? Anh nghĩ rằng nếu không được làm vợ anh, em có thể sống được hay sao ? ». Nhưng buổi chiều hôm ấy. Nàng không nói được. Nàng nghĩ chỉ còn có cái chết mới nói lên được tình yêu của nàng.

Nàng muốn chết, nhưng chết không phải là dễ, dù là chết vì tình. Nhưng nàng quả có chán đời và không còn ước vọng gì nữa. Nàng xin vào làm thơ ký trong một cơ sở ngoại quốc tại Sàigòn. Thời đó, người Pháp còn nắm độc quyền khai thác thị trường thương mại tại Đông Dương. Các cơ sở của người Mỹ chỉ mới có lác đác tại Saigon. Ông giám đốc sở này góa vợ, yêu nàng và muốn cưới nàng làm vợ, nàng nhận lời chỉ vì nàng muốn đi xa khỏi Sàigòn. Và nàng lấy Mỹ. Chồng nàng hơn nàng 20 tuổi. Nàng không yêu chồng nhưng cố gắng làm đầy đủ bổn phận của người vợ để đền đáp lại nàng không còn là con gái khi lấy chồng.

Nàng lấy chồng trước ngày Huy lấy vợ. Khi người tình địch của nàng thắng trận, nàng ở tận bên kia bờ Thái Bình Dương.

Trong lúc Ngọc hãy còn choáng váng vì một cuộc gặp gỡ bất ngờ bà chủ tiệm may đã hoàn toàn lấy lại bình tĩnh. Nàng nhanh nhẹn đo người cô khách bận đầm, hỏi ý thích của cô ta biên vào tờ giấy cùng với kích tấc. Môi nàng luôn luôn nở một nụ cười. Thế rồi, bản tính của người đàn bà trở lại. Lang hỏi:

— Cô mới về à ?

Ngọc gật đầu. Bạch Hồng ngạc nhiên nhìn họ :

— Ủa hai người biết nhau trước rồi sao ?

Lang mỉm cười :

— Thưa vâng... Tôi có được biết cô Ngọc. Nhưng không được quen thân với cô. Trước ngày cô lấy chồng...

— Vậy thì còn gì bằng nữa ? Bà rán may thật khéo cho cô ấy lấy áo bận Tết nghe...

Cô nói vậy chứ... Các cô thì thiếu gì áo !

Như bực dọc vì bị hỏi, Ngọc nói giọng hơi sẵng.

— Thế bao giờ xong áo !

— Cô cho đến 28 Tết ..!

— Đúng hẹn nghe...

— Vâng ạ, xin đúng hẹn !...

Nghĩ đến chuyện Huy có thể về tới hoặc ở trong nhà bước ra, Ngọc lật đật kéo bạn ra thỏi tiệm. Nàng thẫn thờ đi trên con đường đất lởm chởm gạch đá. Trước mặt nàng, thoảng phất khuôn mặt trái soan và nụ cười của Lang. Tiếng trẻ con khóc trong nhà đó là tiếng con Huy. Tiếng đó có thể là tiếng con Nàng.

Bạch Hồng chợt hỏi :

— Mày quen với mụ ấy từ hồi nào vậy ?

— Lâu rồi !

Biết bạn là một người vô tâm. Ngọc không sợ chuyện riêng của mình bị tiết lộ. Nàng so sánh và thấy cuộc đời nàng kém xa. Người đàn bà đa tình, khi không có tình yêu, là không có tất cả. Nhiều thiếu nữ thèm thuồng được như nàng bây giờ. Nhiều người khen nàng tốt số cho tới sáng nay, nàng mới thấy rõ tất cả những vô vị của đời nàng.

Người chồng già gấp đôi tuổi nàng không làm cho nàng rung động, những đứa con nàng, nửa Tây, nửa Tàu, không làm cho nàng yêu thương. Khi ngồi cầm lái chiếc Floride, nàng nghĩ rằng đến 28 Tết, nàng sẽ nhờ Bạch Hồng đến đây lấy áo.

● ✱

● BỐN BÁNH

Ông Graham Greene, đại tiểu thuyết gia Thiên chúa giáo người Anh, có nói :

« Có một số người Công-giáo là những người công-giáo-bốn-bánh. Họ chỉ đi đến nhà thờ trên một chiếc xe trẻ con để làm lễ rửa tội, trên một chiếc ô-tô để làm lễ cưới và trên một chiếc xe tang để được chôn cất ».

Trần-lệ-Lang

một ngày

THANH
VIỆT THANH

SÁNG :

Như con nước mới xoay nguồn
Giấc hoa còn ngát cơn buồn đã gây
Ưu phiền giờ cũng lên ngai
Với băn khoăn nọ tôi đây đọa tôi

TRƯA :

Chói chang nắng đổ lưng trời
Khẳng-khiu tôi lại chịu lời mỉa mai
Tôi giờ như lá trên cây
Đảo rơi xuống rảnh nuối dài dáng em

CHIỀU :

Chợt nghe thân phận rã rời
Ngẩng lên đã thấy cuộc đời chông chênh
Ngựa qua hẽm vắng chiều lên
Yên cương buông thỏng buồn tênh một ngày...

con người tài hoa nhưng ít duyên phước...

PAUL GAUGUIN

★ TÍN-KHANH

ĐỜI Paul Gauguin quả là một cuộc đời sôi động, đau thương. Chữ tài liền với chữ tai không ở đâu cụ thể rõ ràng bằng ở con người có thể gọi là bất đắc chí ấy.

Gauguin xuất thân trong một gia đình trung lưu. Vào năm 1848. Thân sinh ông, một nhà báo túng thiếu, mẹ, một người hiền từ, gốc xứ Pérou.

Từ lúc thơ ấu, gia đình lâm vào cảnh túng thiếu lại thêm không khí không mấy thích hợp với chàng, là người luôn luôn thèm khát những chân trời xa thẳm. Tính chàng tự nhiên sinh ra gắt gỏng, khó chịu. Năm 9 tuổi, chàng mang gói bỏ nhà ra đi một dạo. Và cũng từ đây, bắt đầu cuộc đời trôi nổi. Chàng về ở nhờ với ông ngoại mấy năm, nhưng lại nhớ cảnh Ba-lê, là nơi chàng ghi nhiều kỷ niệm nhất. Thế rồi chàng lại ra đi trên con đường vô định. Trước tiên, gia nhập làm thủy thủ phụ, sau đó được thực thụ thủy thủ cho hàng hải thương thuyền Pháp. Mấy năm trường lênh đênh trên khắp các đại dương. Cảnh vũ trụ bao la quyến rũ chàng, nhưng không đâu bằng các miền thuộc phía Nam như Nam Mỹ, Ấn-Độ

v.v... hơi gió mát trời thanh suốt năm, đời sống giản dị, gần với thiên nhiên của các thổ dân đủ màu sắc.

Năm chiến tranh Pháp Đức bùng nổ (1870), gia đình Gauguin từ bỏ Ba-Lê, về lánh nạn ở thôn quê.

Năm sau, chàng có dịp trở về thăm thì một cảnh nhà sụp đổ vì bom đạn Đức, hoang-vu vắng vẻ, và dưới gốc cây bên nhà, nấm mộ của bà mẹ thân yêu.

Năm ấy, chàng vừa 23 tuổi, một trang thanh niên quắc thước, mạnh khỏe, xinh trai, nước da hồng sẫm của mưa nắng đại dương. Tánh chàng rất cương quyết, lòng kiên nhẫn và có tài quyết định mọi việc lanh chóng, một óc thực tế, một đức tự tin mạnh mẽ. Những tánh tình tốt hay xấu sẵn có của chàng, đều được động viên hết để tạo cho chàng một đoạn đường đời tương đối dễ chịu.

Chàng lấy vợ. Cô Sophie Gad, trong một gia đình khá giả ở Copenhague, thủ đô Đan-Mạch, và có 5 con, 2 gái ba trai.

Ngày được vài mặt con, Gauguin bắt đầu yêu thích nghề hội họa. Chàng kết thân với các nhà danh họa, suốt ngày suy ngắm các tác phẩm và từ đó lòng ham muốn hội họa tràn ngập, nhất là sau ngày quen biết Camille Pissarro; nhà hội họa danh tiếng đã xướng ra phái ấn-tượng.

Tuy thế, vì sinh kế, làm thơ ký riêng cho ông chủ ngân hàng Bertin, mỗi tuần chàng chỉ có thể rảnh được ngày chúa nhật để họa. Với một nghệ thuật mà chàng say đắm mê mệt như thế, chàng tìm mọi cách sắp xếp công ăn việc làm để có thể có nhiều thì giờ họa.

Những tác phẩm đầu tiên của Gauguin ra đời từ năm 1875, đều chịu ảnh hưởng đường lối của Họa sư Pissarro. Cũng như các họa sĩ khác trong phái « ấn tượng », Gauguin thường họa ở ngoài trời để « diễn tả » cho đúng màu sắc, sáng và tối phân minh, những biến chuyển của thời tiết v.v...

Những tác phẩm này tất nhiên là còn kém lắm, hầu hết nét đều là « của vay mượn », chưa hẳn là do thiên tư của chàng, tuy nhiên nhìn vào màu sắc khá đặc biệt, người ta cũng đã nhận ra một

nhân tài chớm nở, một khí tiết rõ rệt của con người cương quyết muốn thành công.

Năm 1881, Gauguin đưa ra triển lãm một tác phẩm mới «khỏa thân». Các phê bình gia hội họa đã nhận ra một đường lối riêng rẽ mới, tách lần phái ấn tượng. Các đồng nghiệp thời bấy giờ có tên tuổi như Guillaumin, Cézanne, Degas, Toulouse-Lautrec v.v.. đều thiên về Gauguin, cũng thấy không nhất thiết phải theo mãi một đường lối đã cũ kỹ tuy chưa lạc hậu, mà có thể xướng ra những đường lối hội họa mới. Nhờ những sự kiện nầy mà 2 năm sau Gauguin tách rời hẳn phái cũ và cũng nhân đó bỏ nghề cũ chuyên hẳn về hội họa. Cũng như Pissarro, Gauguin cũng muốn riêng mình xướng ra một phái mới, tân tiến hơn, nhất định không chịu lệ thuộc các tư tưởng cũ kỹ nữa. Thế nên năm 1883, ông đưa gia đình về Rouen, ở trong một căn nhà nhỏ bé, sống đơn giản, cắt đứt mọi giao thiệp với các hạng giàu sang quí phái.

Từ đây ông chỉ còn biết công việc độc nhứt là hội họa. Với lòng tự tin mãnh liệt cương quyết trong nhận thức riêng để đưa ra những đường lối hội họa mới, ông đã nhận thấy một tương lai hứa hẹn đang đón chờ ông, nhất là sau khi được sự ủng hộ của đôi nhà tiến bộ, thèm khát những «họa phái» mới.

Mới mấy họa phẩm đầu tiên, đã thấy điều mong ước không phải là ảo vọng nữa.

Cuộc đời Gauguin là cả một chuỗi ngày buồn. Tiếng tăm thì có, nhưng cảnh nghèo xơ xát vẫn kéo dài... Và danh tiếng đã lẫy lừng, tiền của vào như nước thì ông không còn để hưởng nữa.

Cách giai đoạn ông vừa thành công được vài năm, bà Gauguin đề nghị cùng ông đưa hai con về nhà cha mẹ bà ở Đan-Mạch. Nói cho đúng, bà ta không đáng là của trời ban cho một thiên tài như Gauguin. Bà là mẹ tốt, nhưng không phải là vợ hiền, biết thông cảm niềm hy vọng lớn lao của chồng. Không lúc nào là đồng ý về hoạt động của chồng, và chịu đựng rất khó khăn cảnh túng thiếu dĩ-nhiên của chồng, cũng như của những nghệ sĩ khác trong những năm đầu. Vốn thương vợ con, Gauguin cố gắng chịu đựng cảnh sống ở nhà cho

mẹ vợ, một nếp sống mà ông cho là cảnh tù đày không bằng, so với Ba-Lê mà ông thiết tha mến tiếc.

Thế rồi vài tháng sau, ông từ giã vợ trở về Ba-Lê, đem theo thằng bé Clovis, đứa con đầu lòng, gọi là chút niềm an ủi để khỏi nhớ nhung.

Ông thuê một căn phòng nhỏ hẹp nghèo nàn, vừa đủ cho hai cha con tối ngày lo họa. Mùa đông năm ấy, bé Clovis đau màn phổi, có bao nhiêu tiền dành dụm, ông bỏ ra lo thuốc thang cho con. Đến khi sạch túi, ông phải đi dán bích chương thuê dọc phố để trả thêm tiền chữa bịnh cho con.

Nhờ trời nuôi, thằng bé hết bịnh. Ông ta không đủ tiền nuôi con, đành gởi vào trường và nhờ bà chị ruột rất giàu có đài thọ tiền thầy và nội trú. Bà nầy xưa nay không ưa gì em, nên chẳng bao lâu không chịu giúp đỡ nữa.

Gauguin được tự do thong thả một mình, tuy bị tiếng thị phi chê là không trọn đạo làm chồng làm cha, nhưng lại có lợi cho nghề hội họa của ông. Ông luôn luôn khát khao cái mới, cái « cách mạng » trong nét bút lông nên muốn đi tìm các chân trời mới. Thấy cái mới lạ để tác phẩm mình có một thần sắc đặc biệt, mới mẻ hơn.

Năm 1886, ông về ở Bretagne, trú tại một quán ăn nghèo hèn ở Pont-Aven. Chủ thấy ông nghèo cho ông khỏi phải trả tiền thuê.

Những họa phẩm ông vào năm 1888, đã nổi bật lên với màu sắc phong phú nét bút bạo dạn, mới mẻ. Đó cũng nhờ những kinh nghiệm thu thập được trong những ngày ông ở Panama và quần đảo Antilles (Mỹ) trong thời gian một năm.

Năm ấy, ông cùng đi với Laval, một họa sĩ cùng chí hướng song còn kém, phiêu lưu qua hai xứ nầy để tìm đề tài mới. Nhưng trời chẳng chìu lòng người, hai người túng thiếu đến phải xin làm «cu ly» đào đất ở sông đào Panama. Khí hậu nóng nực, làm việc nhiều lại ăn uống thiếu thốn, cả hai bị đau và phải trở về Ba-Lê.

Chuyến đi này như Gauguin ước vọng, đã đem lại cho ông những tiến bộ vượt bực, mở tầm con mắt xa rộng vào những huyền bí của thiên nhiên.

Ông lại trở về Pont-Aven như trước rồi về ở Pouldu, một xóm

chài rớ nghèo nàn, cùng các bạn Laval, Bernard-Serusier và một số họa sĩ kém cỏi khác.

Tại đây, ông thành lập một họa phái mới lấy tên là Họa-phái Pont-Aven... chưa sống bao nhiêu ngày đã chết, mặc dù cũng được lưu vào sử sách.

Gauguin lại tách rời các bạn, về Arles (Provence) để gặp bạn là họa sĩ nổi danh Van-Gogh. Hai anh em ở với nhau được vài tháng rồi vì đôi bất đồng ý kiến mà sinh ra một cuộc cải vả, Van Gogh suýt dùng giao giết bạn. Tuy thế, cuộc sống chung đã đem đến cho hai bạn nhiều nhận thức mới về màu sắc. Hiện nay, Gauguin còn lưu lại một số tác phẩm về Arles.

Sau ngày bỏ Van Gogh ra đi, Gauguin trở về Bretagne, tạo những họa phẩm danh tiếng như : « Cô bé chăn bò », «Phong cảnh Bretagne», «Chào ông Gauguin»... Trong đó, màu sắc rất rực rỡ. Sắc vàng, đỏ, xanh đậm lẫn lộn với màu xanh lá cây, rất gần giống với thiên nhiên.

Trong nét họa của Gauguin, mỗi nét là một ý, đóng khung trong cảnh trang trí tuyệt vời. Nhìn vào, người ta có cảm giác là đứng trước thực tế chớ không phải là một bản tô chép lại.

Tác phẩm : « Chúa Ky Tô vàng (Le Christ jaune) hay : «Ảo ảnh sau bữa giáo pháp » (vision après le sermon) đã diễn tả nhân vật rất sống, không khác những công trình điêu khắc xưa.

Kỹ thuật mỗi ngày mỗi tăng tiến, là do đôi mắt tinh vi của Gauguin qua các xứ mà ông đã đi qua và nhất là trong việc nghiên cứu kỹ thuật của xứ Polynésie (Úc), Nhật-bản (nhất là các tác phẩm của Hokusai), và của các danh họa Ý trước thời phục hưng. Danh tiếng ông nổi bật với một đường lối hội họa mới. Những danh họa trong phái ấn tượng cũng đều khen ngợi. Ông Degas, vừa là họa sư, vừa là nhà phê bình danh tiếng là một trong những người đầu tiên mua họa phẩm của ông. Không những thế, giới hội họa trẻ trung cũng hết lời thần phục. Mấy họa sĩ trong phái tượng trưng cũng kết thân với ông, và lần lượt chịu ảnh hưởng đường lối đặc biệt của ông như Morice, Odilon Redon hay Maurice Denis v.v...

Một kiếp tài hoa vùi dập trong bóng tối

Tuy nhiên ở mãi 3 năm ròng rã như ông ở Balê cũng buồn... Tiếng gọi của đại dương và những đảo xa xăm lại rạo rực trong lòng ông.

Ông lại bỏ bạn bè, mang « màu và giá gỗ » đi Tahiti, một đảo hẻo lánh xa xuôi ở Nam thái bình-dương. Ông ở đó 3 năm từ 1891 đến 1893. Số chi phí để đi đứng ăn ở suốt trong thời gian ấy là do số tiền bán đấu giá của những tác phẩm ông về xứ Bretagne. Đêm bán đấu giá các tác phẩm tại Tòa Drouot đã thành một đêm lịch sử, không ai trong giới mỹ thuật mà không biết đến.

Năm 1893 ông lại trở về Pháp ở đến năm 1895, để tổ chức bán các họa phẩm sáng tác tại Tahiti, để rồi ra đi lại... Phen nầy ông định đi luôn không bao giờ trở lại,—nơi,— tuy đối với ông không biết bao nhiêu kỷ niệm, nhưng đã bắt đầu làm cho ông chán ngán rồi.

Ông lại trở về Tahiti, ở chung lộn với dân bản xứ cho đến năm 1901. Đến đây tuổi của ông ; 53 cái già đã đến quá sớm với con người tuy vô cùng lao tâm lao lực nhưng ưa sống, sức chịu đựng ông mòn mỏi lần. Đã thế khí hậu Tahiti không mấy thích hợp, nếp sống ông quá thiếu thốn, đơn giản càng làm sức khỏe ông thêm suy. Hàng năm có những trận bão tố lớn, làm sập nhà cửa cây cối khiến cho ông không còn sức chống đỡ nữa. Cũng năm ấy ông về ở đảo Marquises... Bệnh sốt rét kinh niên đục, rút lần mòn thể xác tiều tụy của ông, trong lúc không có ai là người thân săn sóc, tiền bạc cũng không. Vào đêm 8-5-1903, ông tắt thở tại Atuana ở đảo Marquises, tuổi vừa đúng 55.

Qua sáng hôm sau, thổ dân đi ngang chòi tranh rách nát của ông không thấy bóng mới vào thăm thì thấy ông đã chết từ lúc nào, bên cạnh có tấm họa phẩm một cảnh ở Bretagne vừa hoàn thành. Có lẽ vì quá nhớ quê nhà, ông đã lưu lại những nét bút cuối cùng vậy. Đám tang buồn tủi làm sao ! Chỉ lơ thơ vài người Pháp ngụ cư và mấy người bản xứ. Họ đi theo linh cữu, khóc thương tiếc con người khác lạ.

Suốt thời gian ở các đảo xa xôi, ông ít khi nghĩ đến vợ con... Có viết thư cho vợ chăng cũng

chỉ về việc buôn bán các tác phẩm để tại nước nhà. Ông không còn nhớ gì đến cuộc sống ở nước văn minh, vui sống cuộc đời khắc khổ theo lối địa phương.

Cũng có nhiều lúc lòng ông nhớ nhung, lo sợ hay đau khổ. Lụy ông cũng đã đôi lần tuôn rơi nhưng không phải để ông thối chí trở lại với quê cha đất tổ, nối lại niềm ân ái với vợ con. Càng đau khổ trí óc ông càng minh mẫn, đôi mắt càng tinh vi, cho nên giai đoạn ở Tahiti đã giúp ông thành công đặc biệt, ông có viết lại một tập sách lấy tên «Noa Noa», theo tiếng Tahihi, là «hương vị trào dầy» và đã lưu lại những tác phẩm vô giá trong đó các nền văn minh Âu châu không có một ảnh hưởng nào trên nét bút và kỹ thuật của ông.

Những tác phẩm danh tiếng về Tahiti ngày nay được xem là vô giá : Họa phẩm : « Anh ngư phủ nghèo» hiện nay viện mỹ-thuật Sao-Paulo (Ba-tây), « Hai à Tahiti » viện tàng cổ Louvre (Ba lê) v..v...

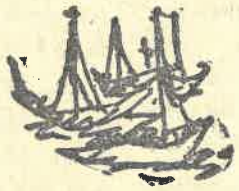

★ NGÁY TO

Bệnh nhân : *Tôi thường ngáy lớn tiếng đến nỗi phải giật mình thức dậy luôn.*

Bác-sĩ : *Hãy qua phòng khác mà ngủ !*

★ TƯ TƯỞNG HAY

Cái bí quyết trong tôn giáo cũng như trong chính trị không phải là xây dựng những người cuồng tín, mà nên thuyết phục những kẻ hồ nghi.

(Emile de Girardin)

Xe điện địa đạo ở Nhật

● SƠN-ĐIỀN

NHỮNG nhà chọc trời, những xa lộ tốc hành uốn khúc quanh co theo những dẫy nhà đồ sộ, dân chúng lũ lượt đi đông như mắc cửi, lưu thông nghẽn tắc, cùng với những đường xe điện chạy ngầm dưới đất, hết thảy những hiện tượng này đều là dấu hiệu của một thành phố tân tiến không-lồ.

Luân-Đôn, Ba Lê, Nữu ước và Mạc-tư-khoa đều là những thành phố có một hệ thống hỏa-xa địa đạo hoàn-hảo. Trên thế giới ngày nay đã có tới 40 đô-thị có xe điện chạy ngầm dưới đất. Một số 18 đô-thị nữa hiện cũng đang thảo kế hoạch kiến tạo hỏa-xa địa-đạo.

Ở Nhật-Bản hiện nay đã có 3 đô-thị có hỏa-xa địa-đạo là Đông-Kinh, Osaka và Nagoya. Kobe và Yokohama hiện cũng đang sửa soạn đặt thiết lộ ngầm.

Hỏa xa địa đạo Đông-Kinh hiện nay là một trong số hoàn-hảo nhất thế giới về phương diện hiệu lực cũng như kỹ-thuật tạo tác, chiều dài và khả năng vận chuyển êm-đềm.

Hệ thống đường ngầm ở Đông-Kinh dài tất cả 75,7 c.s. Hành khách qua lại hàng ngày đông tới 1.850.000 người. Còn nhiều đường mới nữa cũng đang được hoạch định để mở thêm trong tương lai gần đây, và công dụng của đường ngầm trên địa hạt chuyên chở mỗi ngày một thêm quan trọng.

Vấn đề chuyên chở

Đông-Kinh, một thành phố lớn vào bậc nhất hoàn cầu với dân số khoảng 10 triệu người, cũng không khác gì nhiều đô-thị lớn khác trên thế giới, thường hay vấp phải những khó khăn vì lưu-thông nghẽn tắc. Phần đông trong số dân cư quen sống ở vùng ngoại-ô, nên hàng ngày phải mất trung bình tới một tiếng để đi tới sở làm hoặc các trường học trong trung tâm đô-thành.

Sáng ngày, vào giờ đi làm hoặc tụ trường, sự lưu thông trên các ngã đường thường đông nghẹt tới mức không thể tưởng được.

Chiều về cũng vậy. Quang cảnh đông nghẹt lưu thông trên đây không khác nào làn sóng khổng lồ của ngọn nước thủy triều lên xuống hằng ngày.

Sự bế tắc lưu thông tại các đô thị lớn trên thế giới ngày nay, kể cả Đông-Kinh, và nhất là do những làn sóng người bị lôi cuốn vì công việc làm hoặc đi học gây ra, đã trở thành một vấn đề thật nan giải.

Tình hình bế tắc lưu thông trong những giờ tấp nập sáng chiều đã khiến người ta phải ví như một trận giặc lưu thông hay một địa ngục trần gian trước cái cảnh người chen lấn nhau để giành chỗ lên xe.

Cảnh chen lấn trên đây không phải chỉ xảy ra trong những giờ người ta đi làm công việc, mà thường xảy ra trong ngày, trên các đường phố Đông-Kinh sự lưu thông cũng bị nghẽn tắc tới đỗi có trông thấy mới tin. Một trong những biện pháp nhằm cải thiện tình trạng này, là việc kiến tạo thêm nhiều xa lộ dành riêng cho xe hơi chạy.

Những phương tiện chuyên chở ở Đông Kinh hiện nay gồm có xe lửa, xe điện ngầm, xe điện trên đường phố, xe buýt chạy điện và monorial (xe hơi chạy trên đường sắt đơn thanh) chạy trên khoảng từ Phi Cảng Quốc Tế Đông Kinh tới trung tâm kinh thành. Bốn loại xe cộ kể sau, cùng với taxi, chỉ dùng chở khách trên những quãng đường ngắn trong đô thành.

Giao thông liên tỉnh và nhập nội thì do các đường xe điện và hỏa xa địa đạo, vừa công quản lẫn tư nhân. Trong số các đường đo Hỏa Xa Quốc Gia Nhật Bản khai thác có đường Yamate, một

đường hình vòng đai nối liền Ga Trung Ương Đông-Kinh cùng những khu vực buôn bán và giải trí với những tiểu khu quan trọng như Shinjuku, Ueno và Shibuya. Ngoài ra Hỏa Xa Quốc Gia Nhật Bản còn khai thác nhiều đường xe điện khác nữa, chẳng hạn như đường Chuo chạy từ các vùng ngoại ô vào kinh thành. Những đường xe điện này của Hỏa Xa Quốc Gia chở tới 32% tổng số hành khách trên các đường ở Đông Kinh. Tuy nhiên, trong những giờ đông đúc các đoàn xe trên những đường này thường đông nghẹt hành khách, nhiều gấp hơn ba lần sức chở dự liệu.

Ở Đông-Kinh có tất cả 14 đường hỏa xa điện của 7 công-ty tư nhân khai thác. Những đường này chở vào khoảng 23% tổng số hành khách trên các đường, nhưng không công ty nào được quyền xâm nhập phạm vi vòng đai của đường Yamate. Các đường kể trên của tư nhân phần nhiều đặt trạm cuối ở ngay cạnh vòng đai. Sự nghẽn tắc tại các trạm này trong những giờ đông đúc sáng chiều cũng giống như các trạm của Hỏa Xa Quốc-Gia.

Để ứng phó với mức tăng gia rất lớn về khối lượng lưu thông, người ta không thấy cách nào hơn là kiến tạo thêm những đường mới, chạy tỏa từ trung tâm kinh thành ra thẳng các vùng ngoại ô.

Giải pháp hợp lý nhất là kiến tạo thêm nhiều đường hầm, vì như vậy sẽ không choáng mất một khoảng diện tích nào trên mặt đất, và những đường dưới đất không làm mất vẻ tự nhiên của thành phố và xáo động những vùng nằm trên phạm vi phóng lộ.

Việc kiến tạo đường hầm ở Đông-Kinh hiện nay xúc tiến mau lẹ hơn bất cứ một đô-thị nào khác trên thế giới. Nhiều kế hoạch nối liền một số đường hầm mới với những trạm hỏa xa điện hiện hữu để lập thành một hệ thống giao thông khả dĩ đưa hành khách từ các vùng ngoại ô vào thẳng trung tâm kinh thành hiện đang được soạn thảo.

Mở mang đường hầm

Hỏa xa địa đạo đầu tiên của Nhật được mở ngày 30 tháng 12 năm 1927 ở Đông-Kinh, do công-ty tư-nhân Tokyo Subway kiến tạo và khai thác. Thoạt đầu đường

này mới chỉ có 2, 2 cây số và thường gọi là đường Ginza.

Cũng vào hồi này, một cơ quan mệnh danh Taito (thuộc về thủ-đô) Rapid Transit Authority (TRTA) được thành lập với sự phối hợp của Hỏa Xa Quốc Gia và Cơ Quan Đô-Chính Đông-Kinh để tiện bề gọi thêm những số vốn lớn cần thiết cho việc mở mang thêm đường mới. Cơ quan TRTA hiện nay đang phụ trách về những dự án thiết lập địa đạo.

Hiện thời cơ quan TRTA đang khai thác một số gồm 5 đường hỏa xa địa đạo tính tất cả 66,8 cs. Một dự án nối dài thêm 11,4 cs đường hầm cũng đã khởi sự. Ngoài ra cơ quan TRTA cũng được phép kiến tạo thêm một số 41,1 cs đường hầm mới nữa.

Một công ty đường hầm do Cơ Quan Đô-Chính Đông-Kinh thiết lập hiện đang khai thác một khoảng dài 8,9 cs trên đường số 1 của hệ thống trực thuộc.

Hiện nay, những đường hỏa xa địa đạo ở Đông-Kinh gồm tất cả tới 75,7 cs với 78 trạm và do hai công ty kể trên khai thác. Các đoàn tàu, gồm 6 toa một, cứ cách quãng 2 phút lại có một chuyến (vào giờ đông đúc), chạy với tốc độ trung bình khoảng 35 cs giờ.

Hỏa xa địa đạo Đông-Kinh được giới hành khách Nhật cũng như ngoại quốc rất tán thưởng về mọi phương diện, vừa về hiệu lực lẫn kỹ thuật tạo tác, về phương tiện cũng như các đoàn xe đều hoàn hảo, xe chạy rất chắc chắn, các toa ngồi rất sáng sủa và sạch sẽ, xe chạy rất đúng giờ.

Kỹ Thuật Kiến Tạo và Biện Pháp An-Toàn

Trong việc kiến tạo một hệ thống hỏa xa địa đạo có hai yếu tố rất quan trọng là địa hình và địa chất.

Địa thế ở Đông-Kinh một nửa về phía Đông thì là đất thấp còn nửa phía Tây thì đất lại cao. Mặt đất hai đầu chênh lệch nhau vào khoảng từ 20 cho đến 50 thước về cao độ. Giữa hai vùng có rất nhiều những thung lũng thấp thành ra sự chênh lệch về cao độ giữa hai điểm thấp nhất và cao nhất của địa đạo có tới 40 thước. Do đó, có đường hầm chạy qua cả phía trên một đường xe hơi, và có một trạm, tại Shibuya, lại ở vào mức

cao ngang với từng nhì của một nhà hàng lớn.

Địa chất vùng đất cao thì chắc nên công tác đào hầm có thể thực hiện dễ dàng, những địa chất vùng đất thấp, gần hai con sông Sumida và Arakawa thì lại mềm khiến công tác đào đắp rất khó làm. Nhiều chỗ đất mềm suốt tới mực sâu 30 thước.

Điều quan hệ là trong khi đào hầm phóng địa đạo phải làm cách nào để khỏi cản trở lưu thông trên mặt lộ.

Bởi vậy trước khi khởi sự công tác đào hầm, Nhật Bản đã áp dụng phương pháp dựng trụ sắt ở hai bên lề đường, thấp hơn mặt lộ và cách nhau một thước, sau đấy đặt những đà ngang bắt qua các trụ rồi trải những tấm sắt để phủ mặt lộ.

Trong trường hợp đất mềm hoặc khi cần phải đào dưới đáy sông thì những phương pháp kỹ-thuật xử-dụng lại còn rất là phức tạp.

Có nhiều phương pháp khác nhau để kiến tạo đường hỏa xa địa đạo. Một là phương pháp « Caisson », trong đó người ta đục sẵn ở trên mặt đất một đường hầm bằng bê-tông cốt sắt, phân ra thành từng mảnh, rồi dộng dần xuống sâu bằng sức nặng cỡ tới 1.500 tấn chính đường hầm này; phương pháp nữa là « freezingmethod », dùng máy lạnh mạnh tới 3 triệu mã lực để ép đất và cát dưới lòng sông rồi sau đào lấy lên; còn phương pháp khác gọi là « trench method », dùng cách xây tường xi-măng chặn hai bên thành hầm trước mới đào khoảng giữa; và phương pháp nữa là « roof-shieldmethod » trong đó người ta dộng một mái vòm hình bán cầu xuống đất trước rồi sau mới đào hầm.

Trong công tác kiến tạo đường hỏa xa suốt « Tokaido » tổng phí thiết lập một cây số thiết lộ tính ra vào khoảng 800 triệu Yen, nhưng trong trường hợp hỏa xa địa đạo mỗi cây số có thể tốn từ 3.000 đến 5.000 triệu Yen.

Số 850 toa xe trên hệ thống địa đạo Đông-Kinh toàn thuộc kiểu hảo hạng, chạy rất êm. Nhiều xe đóng bằng thép không hoen và khỏi cần sơn. Sức chở mỗi xe được 140 người.

Xe nào cũng được trang bị một máy điều khiển tự động (ATO), một máy kiểm soát tự động (ATC)

và một máy thắng tự động (ATS), máy sau này tự nhiên thắng tầu mỗi khi gặp đèn hiệu đỏ trên địa đạo. Ngoài ra, xe còn có gắn một thứ máy gọi là «Dead Man» khiến xe tức khắc ngừng mỗi khi người lái buông tay bánh.

Mỗi sáng các toa xe đều được đưa qua nhà trạm rửa xe trước khi cho chạy. Mỗi tháng đều có cuộc khám xét định kỳ và cứ 18 tháng lại có cuộc khám xét tổng thể.

Những Trạm Tân-Tiến

Trạm Ginza, hàng ngày có tới 600.000 hành khách lên xuống là trạm chính trên hệ thống địa đạo Đông - Kinh. Nơi đây có đường giao tiếp.

Tầng hầm nhất của trạm này có những gian bán các thứ hàng và phòng dịch vụ của giới hỏa xa tư nhân đô thành. Từng nhì và ba là nơi đặt văn phòng nhà ga, máy quạt gió và sân ga. Trước nhà ga được phủ bằng những tấm thạch miên có đục lỗ để hút tiếng động.

Hành lang trên tầng nhất không phải chỉ dành riêng cho hành khách mà cả khách bộ hành nữa. Tất cả có tới 49 cửa ra vào ở trạm này, nhiều cửa ăn thông với các nhà hàng lớn, ngân hàng và những công thự khác.

Nhiều nỗ lực đã được thực hiện để chỉnh trang các trạm khác cho được êm dịu như trạm Ginza, khiến hành khách không còn cảm thấy mình ở dưới hầm nữa.

Các trạm đều được hoạch họa một cách thẩm mỹ, đèn rất sáng tỏ và những nét trình bày màu sắc bao gồm từ trần ga cho tới các cột trụ và tường vách.

Hơn nữa, mỗi đường địa đạo còn có một màu sắc riêng biệt khiến hành khách có thể nhận được ngay cần phải đáp xe nào để đi tới nơi mình định. Nhiều bản đồ địa đạo với lời chỉ dẫn bằng Nhật và Anh ngữ, in theo màu sắc riêng của từng đường, được dán ở những nơi rất dễ thấy, và còn có cỡ nhỏ rất tiện bỏ túi cũng có thể hỏi mua được.

Những chương trình tương lai

Chính Phủ đã đề xướng một chương trình hoàn tất trong khoảng từ 10 năm tới, nhằm tăng cường

hệ thống đường ngầm Đông-Kinh lên tới tổng số 262 cây số.

Những đường mới này sẽ được kiến tạo với nhịp độ 19 c.s. mỗi năm, mau gấp hai lần nhịp độ kiến tạo từ trước tới nay. Kinh phí kiến tạo đường mới ước tới hơn 600 triệu Yen.

Trước đà tăng gia hàng năm về dân số và khối lượng lưu thông ở Đông-Kinh hiện thời, người ta thấy cần phải hoàn bị hệ thống địa đạo sớm được chừng nào hay chừng ấy. Riêng đối với kinh thành Đông-Kinh thì việc hoàn tất những địa đạo này càng sớm càng tốt, vì chắc chắn sẽ giúp được rất nhiều vào công cuộc mở mang đô-thị và khuếch trương kinh tế quốc-gia cũng như nền văn hóa của xứ sở.

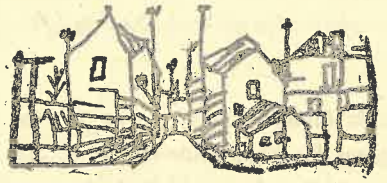

NGHỆ THUẬT CHÂM BIẾM

Trong bữa ăn với một số thực khách trong đó có một nhà văn nổi tiếng trào lộng, một đạo sĩ, vào một lúc, đưa tay định cầm lên một đĩa đồ ăn, nhưng cái đĩa nóng quá đến đỗi đạo sĩ tưởng như mấy ngón tay mình bị phỏng đi và ông không kềm được, buông ra một tiếng không có vẻ gì đạo giáo hết.

Nhà văn sĩ liền móc túi ra một quyển sổ nhỏ và mở bút máy ra viết viết vào sổ.

Lấy làm lạ, đạo sĩ hỏi nhà văn :

— Ông viết cái gì đó vậy ?

— Tôi ghi đây hầu nhớ lời cầu nguyện của ngài đối với sự phỏng lửa.

cầu nguyện cho hòa bình

✱ HÒA-BIÊN-CHÂU
(Kỳ-Hòa)

Tiếng súng nổ sau ba ngày kỳ hẹn
Để báo tin Tết đã hết, hết rồi.
Nỗi tang thương phủ lại nơi hồn tôi,
Và như nhắc năm rồi quê lửa dậy (1)

Đây chiến tuyến máu loang đầy cỏ, sậy,
Tiếng súng dồn thay pháo tiễn hôm qua
Mùi máu tanh, nhang, khói chưa xóa nhòa
Thây người chết, bánh, dưa đâu sánh kịp !

Nơi quê Mẹ khói tàn còn uy-hiếp
Mảnh áo hàn, bát cơm ghế tìm đâu ?
Túp lều tranh đã bị đốt ngày nào
Vì có bánh, bàn thờ đâu cúng giỗ ?

Năm Rắn đến nước nhà đầy bão-tố
Phủ điêu-tàn tang-tóc mảnh quê-hương
Năm Ngọ sang cả hy-vọng lên đường,
Cầu nước Việt Hòa-bình và Hạnh-phúc.

(1) *Tháng 6 năm Ất-tỵ, quê tôi bị đốt sạch vì chiến tranh*

✱ NGUYỄN-VỸ

(tiếp theo P.T. số 168)

ĐỀ « xử » vụ « hai vợ » của Trần-huy-Liệu, Trung-Ương đảng bộ đảng Cộng-sản Đông-dương họp phiên đặc-biệt trên lầu tòa báo « *En Avant* » của Đảng, nơi góc đường Henri d'Orléans và Hàng Vải-Thâm, (Rue des Etoffes prolongée). Dự phiên nhóm đó, nghe nói có Võ-nguyên-Giáp, Đặng-xuân-Khu (lúc bấy giờ chưa có biệt-hiệu Trường-Chinh) và Khuất-Duy-Tiến. Trước hôm đó, Tuấn có gặp Đặng-xuân-Khu ở phố hàng Cót, bảo :

— Nếu các anh cho tôi tới xem buổi họp với tư-cách là bạn đồng-nghiệp của các anh, thì tôi sẽ xin bào chữa cho anh Liệu.

Đặng-xuân-Khu cười, hỏi Tuấn :

— Anh bào chữa thế nào, nói cho tôi nghe bây giờ được không ?

— Tại sao các anh cấm anh Liệu có hai vợ ? Chính chị Liệu có phàn-nàn gì về vụ chồng chị có vợ hai đâu ?

Khu vỗ vai Tuấn, cười :

— *Toa* mơ-mộng lắm ! *Toa* thích có hai vợ lắm hả ?

— Không phải, thế. Nhưng *mõa* thấy các *toa* ăn-hiếp Trần-huy-Liệu, tội nghiệp *lũy* chứ !

Chính *mõa* biết rõ hai người vợ của Trần-huy-Liệu, người nào cũng tốt, và tận-tụy với *xừ-lũy* lắm, có hại gì cho hạnh-phúc gia-đình của *lũy* đâu ? Chuyện cá-nhân của *lũy*, các cậu can-thiệp vào làm chi rứa ? *Moa* phản đối vụ đó. Sáng mai *toa* cứ cho thằng Tuấn nầy tới, nó nhất định sẽ bênh vực cho Trần-huy-Liệu.

Đặng-xuân-Khu lại cười :

— Tuấn ơi, óc của *toa* còn phong-kiến lắm... Một vợ không được sao, phải hai vợ ? *Moa* đây chẳng có vợ con gì cả thì cũng có sao đâu nào !

Rồi Khu cười, nói sang chuyện khác.

Bảy giờ tối hôm đó, Liệu đến tìm Tuấn tại gác trọ của Tuấn ở phố hàng Cót. Nét mặt buồn rầu, nhưng cố gượng cười, Liệu trao cho Tuấn một quyển « carnet» nhỏ nhưng khá dày, trong đó chép rất nhiều những bài thơ xướng họa giữa Trần-huy-Liệu và người yêu đã trở thành vợ hai mà anh vừa bị đảng bắt buộc phải từ-bỏ. Ngoài ra còn một ít thơ lãng-mạn của anh bằng Việt-ngữ, hoặc Hoa-ngữ, vì Trần-huy-Liệu có một căn-bản Nho-học khá vững. Anh bảo Tuấn :

— Anh xem mấy bài thơ, rồi cất giùm quyển *carnet* cho tôi.

Tuấn ái-ngại nhìn Trần-huy-Liệu. Anh ta gượng cười nói tiếp :

— Anh cứ cất, hay là xé đốt tùy ý.

Tuấn hiểu ngầm rằng chắc chắn buổi sáng Trần - huy - Liệu đã bị những đồng chí của anh kết án nặng, cho nên một quyển Thơ bỏ túi kỷ niệm cuộc tình-duyên êm-đẹp của anh với Thu-Tâm, anh cũng không dám giữ, phải nhờ Tuấn cất hộ, « hoặc xé đốt ».

Tuấn định sẽ tìm chị Thu-Tâm để trao kỷ niệm ấy cho chị, vì trong lúc xảy ra vụ «án» Thu-Tâm đã về ở Thái-Bình, quê của chị. Nhưng chưa kịp làm công việc ấy thì sau đó ít lâu, năm 1940, Tuấn bị tù, nhà Tuấn bị Hiến-binh Nhật khám xét và quyển carnet của Trần-huy-Liệu bị Nhật lấy mất.

Mấy tháng sau vụ «án hai vợ» của Trần-huy-Liệu, Tuấn làm chủ bút một tờ tuần báo *Phụ-nữ*,

Liệu làm chủ bút tuần báo *Thời Thế*, một cơ-quan của đảng Cọng sản Một hôm Tuấn nhận được thư của chị Thu-Tâm gởi mua báo Phụ-nữ, và dặn đề ngoài «băng» tên và địa chỉ như sau :

Bà Trần-huy-Liệu

Làng . . . .

Huyện . . . .

Tỉnh . . . .

Tuấn tủm tỉm cười, cho gởi báo đúng theo ý muốn của Thu-Tâm.

Hai tháng sau, Trần-huy-Liệu đến tòa soạn *Phụ-nữ*, vẻ mặt hớt-hải, rút trong túi áo ra một «băng» báo giống hệt cái băng của báo Phụ-nữ có đề tên và địa chỉ như trên, và đã đóng dấu nhà bưu-điện.

Anh khẽ hỏi Tuấn :

— Thu-Tâm mua báo của anh hả ?

— Ừ. Chị ấy có gởi thư mua năm, nhưng tôi gởi báo biếu.

— Thu-Tâm bảo đề tên như trên băng nầy đây hả ?

— Ừ.

— Anh bỏ đi nhé ! Đề tên « Thu Tâm », đừng đề « Madame Trần-huy-Liệu» nữa nhé.

Tuấn tò mò hỏi :

— Sao anh có cái băng này ?

Liệu cười không trả lời, nhưng căn dặn hai ba lần :

— Anh nhớ nhé, bảo tùy phái đừng đề « Madame Trần-huy-Liệu ».

— Vâng.

Xong, Trần-huy-Liệu nói sang chuyện khác.

Tuấn còn gặn hỏi :

— Các đồng-chí trong nhóm Cọng-Sản của anh có biết vụ nầy không ?

Liệu trả lời :

— Biết.

Rồi anh bắt tay cáo biệt :

— Thôi, *mõa* về nhé. Cảm ơn *toa* nhé. Nhớ hộ chút nhé !

— Được rồi.

Câu chuyện rắc rối đó vẫn còn tiếp tục với bức thư của chị Thu-Tâm hỏi tại sao có sự đổi tên trên băng báo. Tuấn phải viết thư phúc đáp như việc đã xảy ra. Sau đó, Thu-Tâm bỏ đi Sàigòn và không có tin-tức gì của chị nữa.

●

Maurice Honel, nghị-sĩ Cộng-sản trong Quốc-Hội Pháp, do đảng Cộng-sản Pháp phái qua Đông-Dương năm 1936 để tiếp xúc với Cộng-sản « An-Nam », được nhóm này đón tiếp niềm nở tại tòa báo *En Avant*.

Một số đông các nhà Văn nhà Báo của khuynh-hướng Quốc-gia cách-mạng chống lý thuyết Cộng sản, cũng rủ nhau đến xem cuộc đón tiếp. Khi Honel bước vào cửa tòa báo *En Avant*, cơ-quan của nhóm trí thức Cộng-sản «An-Nam», ông được nhóm này chào mừng hăng-hái bằng bài «quốc-tế ca» (*L'Internationale*) bằng tiếng Pháp mà họ la rùm lên hơn là hát. Vì, thật ra họ hát lệch-lạc hết, không ăn nhịp với nhau, chỉ nghe ồn ào inh-ỏi, Duy có Maurice Honel là hát đúng mà thôi. Tuấn không hát bài «L'Internationale» vì Tuấn không phải là Cộng-sản, nhưng có chép bài đó để dùng làm tài liệu nghiên-cứu về Đệ-tam quốc-tế. Bài hát như sau đây :

Debout les damnés de la terre !
Debout les forçats de la faim !
La raison tonne en son cratère,
c'est l'irruption de la fin.
Du passé faisons table rase
. . . . . (1) et demain.
L'Internationale
Sera le genre humain

Lúc bấy giờ thành phố Đáp-Cầu, bị một trận lụt lớn. Muốn lợi dụng cơ-hội để tuyên truyền cho Cộng-sản, Maurice Honel có trao cho Đặng-xuân-Khu một món tiền để mua mấy chục bao gạo và ông đi với một phái đoàn Cộng-sản đến Đáp-Cầu để tặng tiền và gạo cho dân chúng bị nạn lụt. Trong lúc ông trao các tặng phẩm giữa đám đông người, thì không biết một bàn tay bí-mật nào thừa cơ hội thuận tiện rút mất cái bốp của nghị-sĩ cộng sản nơi túi quần sau của ông. Sáng hôm sau các báo Cộng sản Hà-nội đề-cập đến vụ mất bốp ấy, đều đồng thanh giải quyết rằng thủ phạm vụ lấy cắp chính là nhân viên sở Mật-thám Pháp ở Hà-nội len lỏi trong đám đông. Nghe nói trong bóp của Maurice Honel có nhiều giấy tờ bí mật và quan-trọng ngoài một số tiền lớn bằng giấy-bạc Đông-Dương. Honel rất

(1) 2 chữ để trống vì không nhớ

quạu về vụ này và hai hôm sau đi xe lửa vô Sàigòn để đáp tàu về Pháp.

Trước Đệ nhị Thế-chiến muốn rảnh tay ở phương Đông để tấn công các nước đồng - minh phương Tây, Hitler ký hiệp ước tương trợ và bất xâm phạm với Staline. Sự hợp tác bất ngờ này gây một dư luận vô cùng ngạc nhiên và sôi nổi ở các nước Tây phương. Một số đảng viên cộng sản Pháp công phẫn, cũng nổi lên chống kịch liệt chánh sách của Staline, và rời bỏ đảng Cộng sản, làm sôi động cả dư luận thế giới.

Hằng ngày Tuấn đọc báo *Paris Soir* của Pháp để theo rõi tình hình căng thẳng ở Âu-châu, thấy trong danh-sách các nghị sĩ Cộng sản Pháp rút tên ra khỏi đảng có tên của Maurice Honel.

(Còn nữa)

★ TƯ TƯỞNG HAY

Nếu người đàn bà Trung-hoa lúc nào xem cũng trẻ trung hơn các bạn cùng lứa ở khắp thế giới là vì họ không biết uống rượu, và không ưa tắm nắng.

(Michèle Irish)

★ **Tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh,**
tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương.

(Ý nói nhà nào chứa chấp sự lành ắt được phước dư; nhà nào chứa chấp sự ác ắt mắc tai họa...)

Kinh Dịch

hải - triều - âm

✲ LỖ-NGẠN ● NGUYỄN-KHẢNG dịch

● **Đôi giòng tiểu-sử** : *Lỗ Ngạn, bút danh của Vương-Hoành. Người huyện Trấn-Hải, tỉnh Triết-Giang, Trung-Hoa.*

Ông là một nhà văn suốt đời chỉ biết nỗ lực sáng tác viết và dịch rất nhiều.

Tác-phẩm của ông nổi tiếng nhất là những pho : **« Vàng »**, **« Bức tranh »**, **« Tấm lòng nho nhỏ »**, **« Thuở bi ai trong những ngày thơ ấu »**, **« Quả bưởi »**...

« Lỗ Ngạn tuyển tập » *và* **« Truyện ngắn của Lỗ Ngạn »** *là hai pho tiểu thuyết điển hình trong đời sáng tác của ông.*

Ông mang bệnh giã-biệt cõi đời tại thành phố Quế Lâm, tỉnh phủ của tỉnh Quảng Tây vào năm 1951.

●

MÙA hè năm ấy, tôi và vợ tôi ngồi trên một chiếc tầu hỏa, để sang một hòn đảo nổi danh nọ viếng cảnh.

Đó là một quốc gia thuộc Phật-giáo.

Trong vòng ba mươi dặm vuông của hòn đảo này, ngoài năm ba gian hàng ra, toàn thể đều là chùa chiền.

Trên đảo lại không có khách sạn, trong mỗi ngôi chùa đều có đặc biệt dành riêng những ngôi phòng cho thiện nam tín nữ nghỉ ngơi.

Mà mỗi một người thiện nam tín nữ đến đây, không hoàn toàn là những Phật tử trung thành đến để viếng chùa, mà phần đông là những khách du lịch.

Chúng tôi chọn một gian phòng trong một ngôi chùa thanh tĩnh để làm nơi trú ngụ.

Gian phòng đó nằm trong cái vịnh phong cảnh cực kỳ xinh đẹp, ngoài phòng có một dẫy hành lang nhìn thẳng ra ngoài mặt biển, và

có thể đứng đó mà ngắm nhìn cảnh bãi biển chiều hôm, để thưởng thức bóng tà dương từ từ chìm xuống mặt biển mênh mông bát ngát...

Hàng ngày, cứ mỗi khi hải triều dâng lên, nghe tiếng sóng dồn nhau vỗ vào đầu ghềnh ào ạt, và tạo thành một màn nước lấm tấm như mưa bay, như sương sớm....

Có lúc, những chấm nước lờ mờ đó, vượt qua hành lang mà bay thẳng vào phòng chúng tôi, đem đến một mùi vị chua chát, mằn mặn của nước biển...

Đêm hôm ấy, vợ chồng tôi đứng tựa lan can ngắm nhìn cảnh biển dài trời rộng, vợ tôi vỗ vai tôi mà bảo :

— Cảnh biển thật hùng vĩ, anh nhỉ ?

Lúc bấy giờ, mặt biển im lìm bất động...

Thỉnh thoảng, mới nghe dưới chân tôi có tiếng sóng hôn nhè nhẹ vào ghềnh đá, biển cả mơ màng dường như sắp ngủ.

Mặt trăng in vào mặt biển một vệt ngoằn ngoèo dài thườn thượt, ánh sáng mịn màng trong trẻo, lóng la lóng lánh như nghìn vạn hạt kim cương sáng loáng...

Đằng xa xa, một ngọn hải đăng màu hồng nhạt nổi bật trên nền trời xám, dường như một viên hồng ngọc khổng lồ.

Viên hồng ngọc và những ánh sáng mơ màng của bóng trăng, đang vén bức màn bí-mật của biển cả cho chúng tôi xem...

Bí mật của biển cả không phải là một điều đáng sợ, không phải là một việc cuồng bạo, mà là một sự huyền bí thiêng liêng bao gồm trong một sự thảnh thơi mà êm ả, lặng lẽ một cách thanh bình.

Dưới chân của chúng tôi có một cảm giác nhẹ nhàng, trầm lặng, vừa thỏai mái, vừa yên vui, đem đến cho chúng tôi một nguồn hy vọng rạt rào...

Chúng tôi nghe thấy dường như mình đang dẫn bước trên con đường trải đầy kim cương sáng loáng của bóng trăng, để đi đến chỗ một tòa lâu đài rực rỡ là viên hồng ngọc đó.

Chợt vợ tôi quay đầu lại, tựa lưng vào vai tôi bằng một thái độ nũng nịu, tôi nghe thấy

trong cử chỉ của người bạn đời ấy có một cảm giác êm đềm, đầy thi vị...

Dưới chân của tôi, biển cả trầm ngâm như một thi sĩ,

Tiếng động rạt rào khe khẽ vang lên, có một hương vị êm đềm, như một đóa hoa hồng buổi sáng, như ánh trăng suông trong vườn cau bát ngát...

Và tiếng vang của âm hưởng nhẹ nhàng huyền diệu đó, như những đoạn đối thoại tâm tình của một đôi tình nhân trẻ tuổi đang trao đổi cho nhau những câu nói đậm đà thắm thiết...

Nó thoang thoảng mơ màng như ngọn gió xuân buổi ban mai lướt nhẹ qua những đường tơ mềm mại của một cây đờn cổ...

Và cũng dịu dàng lả lướt như một đóa hoa nhẹ nhàng rơi trên mặt nước...

Biển ngủ say rồi...

Hằng hà sa số những hòn đảo nho nhỏ ôm ấp lẫn nhau và dường như đang mơ màng nhập mộng...

Hằng hà sa số vì sao nằm rải rác trên vòm trời xanh thẳm, lúc bấy giờ cũng đang chớp chớp những con mắt ngái ngủ, chúng nó có lẽ đã buồn ngủ rồi thì phải...

Thời khắc nhẹ nhàng trôi... Hai chúng tôi cũng dường như mơ màng, thiu thiu ngủ... Chấm dứt những nguồn tư tưởng miên man...

Không biết trải qua bao lâu, từ xa có tiếng chuông chùa trong trẻo vang lên, ngân nga mà thong thả, làm cho chúng tôi chợt tỉnh giấc mộng nồng nàn...

Chúng tôi mở bừng mắt dậy, thấy biển cả đang thay đổi bộ mặt, dường như nó đang giận dữ, từng đợt sóng,... từng đợt sóng... sôi động dâng lên.

Dưới chân tôi, bên ghềnh đá, tiếng sóng vỗ rì rào trỗi dậy, ánh trăng trên mặt biển giờ đây tan nát thành muôn nghìn mảnh vụn...

Rồi tiếp đó, ghềnh đá phía dưới chân của chúng tôi dần dần vang lên những đợt sóng hào hùng, có lúc như tiếng chiêng tiếng trống thanh thao trỗi dậy, âm thanh càng lúc càng to, đồng vọng khắp bốn bề.

Không có gió. Nhưng biển cả dường như vừa giật mình choàng tỉnh, mở bừng mắt dậy...

Và nó dần dần tỉnh táo, khắp một dãy bãi biển dường như đang bắt đầu gào thét hẳn lên.

Từng đợt sóng... từng đợt sóng tràn vào bãi biển, vỗ vào ghềnh đá, làm cho bọt bay trắng xóa, khói sóng mịt mờ...

Và biển cả đã căm hờn trỗi dậy, gào thét vang trời, từng đợt sóng khổng lồ ồ ạt tranh nhau đổ xô vào bờ, len lỏi tận những hóc đá trong chỗ tận cùng. Âm thanh càng ngày càng ào ạt có lúc rầm rộ như tiếng trống trận, có lúc đinh tai điếc óc như tiếng thanh la, có lúc nổ bùng như bom đạn, có lúc lại gào thét vang lừng, có lúc lại rên la ầm ĩ...

Có lúc thì rầm rập như tiếng vó ngựa biên cương, có lúc nghe gập ghềnh khấp khểnh như bánh xe lăn trên đường vạn lý, có lúc nghe ầm ì như tiếng phi cơ săn giặc, có lúc lại hỗn tạp như thiên quân vạn mã đang xáp trận hỗn chiến cùng nhau...

Ánh mặt trăng huyền ảo đã tắt mất, mặt biển sôi động một cách điên cuồng, nuốt chửng lấy những hòn đảo ngoài tận xa xăm.

Muôn nghìn đợt sóng vươn lên, hùng hổ chộp xuống phía dưới chân của chúng tôi, chúng gầm lên những tiếng như sấm như sét :

Sóng vỗ tung trời...

Bọt bạy trắng xóa...

Vợ tôi run rẩy nói :

— Em sợ... coi chừng chỗ chúng ta đứng sụp xuống đấy !

Tôi bảo :

— Đừng sợ, đây mới là chỗ hùng vĩ của biển cả, đây là một bản nhạc hòa tấu bi hùng tráng lệ, chỗ đẹp của biển chính ở đây!

Nàng đưa tay trỏ về phía ngọn đèn hải đăng, nơi ấy, viên hồng ngọc bấy giờ càng đỏ thêm ra, nàng nói :

— Anh xem mầu đỏ ấy, nó sáng rực giữa không gian... như máu ! Thật đáng sợ...

Tôi điềm nhiên trả lời :

— Nếu đó là máu, thì càng tỏ rõ ra cái chỗ vĩ đại của biển !...

Nàng im lìm không trả lời, dường như nàng có cảm giác lời nói của tôi quá ư tàn nhẫn, nàng lặng lẽ quay gót vào phòng...

●

Thế rồi từ đó, mỗi khi hải triều dâng lên, nàng luôn luôn trốn biệt ở trong phòng, và đóng chặt các cửa sổ lại.

Đợi đến khi hải triều im rồi, tôi mới đỡ nàng ra cửa sổ trỏ vào trùng dương bát ngát mà nói :

— Mình xem... khi hải triều dâng lên hung tợn chừng nào, thì khi hải triều lui lại êm lặng chừng ấy... Cả hai, sự hung tợn và sự im lặng thảy đều đẹp, đẹp một cách thiêng liêng, theo cái vẻ độc đáo của nó !

Nhưng mà nàng vẫn nghi ngờ lời nói của tôi, mặc dầu nàng sợ hãi cảnh cuồng phong bão tố nhưng vì tôi, nàng vẫn cư ngụ trong gian phòng xây ngay đầu sóng ngọn gió này.

Tôi yêu biển cả một cách cuồng nhiệt, nhất là khi hải triều đang lên.

Vì vậy mà mặc dầu phải quanh quẩn theo bên chân nàng trong gian phòng nhỏ bé, nhưng mỗi khi lóng tai nghe tiếng Hải-triều âm rầm rộ lọt qua khe cửa, tôi nghe thấy trong thâm tâm của mình dâng lên một ý niệm cực kỳ bồng bột, sôi động đến độ tột cùng... ● ★

★ *Các chính phủ liên tiếp thay đổi ở Pháp cứ xử dụng mãi trò cổ điển là đàn những bản mới với cây đàn đã cũ kỹ. Vấn đề không phải thay bài, mà phải thay hẳn cây đàn.*

(Emile de Girardin)

Trưng sinh quán ở xã An-truyền, huyện Phú-vang, tỉnh Thừa-thiên nhờ có thông minh hay chữ nên được làm rể Tùng-thiện-vương (chú vua Tự-đức) và làm chồng công-chúa Thề-Cúc. Trưng bấy giờ mới 20 tuổi.

những vụ đảo chánh dưới đời

TỰ - ĐỨC

● PHẠM-VĂN-SƠN

(tiếp theo P.T. 166 và hết)

Vụ đảo chánh thứ ba xảy vào tháng giêng dương lịch 1866, một năm sau vụ Hồng-Tập con trai Phú-bình-công Miên-Áo là một thân vương có uy-vọng ở kinh thành.

Tác-giả vụ này là bốn anh em Đoàn Trưng và một số nhân vật quân dân chính.

Buổi đầu Trưng lấy ký-thưởng-viên trong phủ của nhạc gia làm chỗ hội họp để tính đại sự, nhưng sau dọn ra ngoài lập *Sơn-đông thi tửu hội*.

Cái tên hội uống rượu làm thơ có vẻ hiền lành và thông thường cốt để tránh mọi sự dòm nom của người ngoài. Ở Huế thuở ấy dưới trào Tự-đức việc uống rượu ngâm thơ rất thịnh, thì cái danh hiệu này ngụy-trang cho một tổ chức cách-mạng thì thật là thuận lợi vô cùng. Cuộc đảo chánh đã được phát động vào ngày mồng 8 tháng 9 năm Bính-dần (1866) hồi canh ba.

Nguyên nhân của cuộc đảo chính có thể nói là rất phức tạp

và tại Huế dư luận đã đưa ra nhiều ý kiến dị-biệt :

Có người nói rằng lý-do về cuộc bạo động của họ Đoàn là sự không tán thành việc vua Thiệu-Trị phế trưởng lập ấu, nghĩa là bỏ Hồng-Bảo lập Hồng Nhậm (Hồng-Bảo là đệ nhứt hoàng tử). Đây còn là một vấn đề quyền lợi vật chất hay tinh thần đối với một số người hoàng thất, hoặc giả đây là một vấn đề tình cảm giữa Hồng-Bảo và một số thân bằng cố hữu trong có gia đình họ Đoàn nội hay ngoại chăng ? Nếu theo lời cáo tội của triều đình Tự-Đức, anh em họ Đoàn mưu nghịch để tranh vương đồ bá với danh nghĩa tôn phù Đinh-Đạo là con của Hồng Bảo dòng chính thống. Ngược lại Đoàn - Trưng có làm bài « *Trung-nghĩa ca* » dài gần 400 câu để giải bầy tâm sự của mình là đã hành động để phục vụ một chánh-nghĩa, có thể tin được không ?

Tóm lại chỉ có một số ít người có địa vị lớn trong hoàng thất và thuộc gia đình của họ Đoàn biết rõ sự thật mà thôi. Nhà chép sử ngày nay đối với vụ « *giặc chầy vôi* » chỉ có thể coi là một nghi vấn không hơn không kém.

Bối cảnh của xã hội Việt Nam lúc này thế nào ? Triều đình Tự Đức từ lúc Dực-tông lên ngôi đã bắt đầu bằng một giai đoạn hết sức đen tối, rối rắm. Giặc Pháp đánh phá Đà nẵng, Gia định rồi chiếm gần trọn lục tỉnh Nam Kỳ khiến sĩ-dân toàn quốc rất phẫn uất.

Ngoài Bắc hàng trăm vụ đối loạn bùng nổ từ miền xuôi lên miền ngược. Dọc theo bờ biển thì có hàng chục đám giặc Tàu ô quấy nhiễu. Lại thêm giặc Tàu ào qua biên thùy Việt Hoa chiếm đóng các tỉnh Cao Bằng, Lạng sơn.

Triều đình hao binh tổn thương rất nhiều mới mang lại được sự ổn định nhưng càng ngày càng tỏ rõ cái bất lực về nội trị cũng như ngoại giao.

Người yêu nước theo dõi thời cục, ai cũng thấy cái họa mất nước đã kề sát nách. Vậy hôm qua xảy ra vụ Hồng Tập gây bạo động ở kinh thành đâu phải để trừ khử Phan-thanh-Giản và Lâm-duy-Hiệp là hai kẻ chủ hòa. Vua Tự Đức lại không có trách nhiệm

gì về thái độ nhu nhược của Phan, Lâm trong việc nghị hòa với Pháp và các vấn đề bang giao với địch sao ?

Rồi hai năm sau vụ « *giặc chày vôi* » cũng tung ra, anh em họ Đoàn đánh đổ vua Tự-Đức lập Đinh Đạo có phải chỉ vì danh lợi chăng ?

Chúng ta xét sử-sự ngày nay phải đề phòng những ý-kiến của sử thần đời Nguyễn đã không bao giờ dám hạ bút rằng có một ông vua thất chính nên bị nhân dân mưu toan phế truất...

Vụ Giặc Chày Vôi hay vụ bạo động của anh em Đoàn Trưng đã xảy ra như sau :

Giai-đoạn mưu đảo chính : Họ Đoàn lợi dụng việc vua Tự-đức xây Vạn-niên cơ tức Khiêm lăng làm cho hàng ngàn dân công mỏi mệt để tuyên truyền cho cuộc khởi nghĩa, đồng thời chống cả nhà vua. Câu ca dao :

« Vạn niên là Vạn niên nào ?
Thành xây xương lính hào trào máu dân ! »

không khỏi là của những người trong Sơn-đông thi tửu hội đặt ra để gây căm hờn trong đám lính tráng và dân phu đang đổ mồ hôi xôi con mắt trong việc xây dựng lăng. Đã vậy, những người dân phu và binh lính còn bị Biện-lý Công-bộ Phạm-Chất và Thống-chế Xa phụ trách việc kiến trúc đánh đập xỉ vả rất tàn nhẫn hàng ngày.

Ban tuyên truyền cách mạng cũng gây căm phẫn về hai người đó như sau :

« Thế-gian Đặng-Trợ là đầu,
Con thuyền thương mãi qua Tàu qua Tây ;
Một thằng Biện Chất nên ghê,
Xem quân như cỏ chẳng hề xót thương... »

Thế là khen một người yêu nước thương dân để làm nổi bật cái hung ác của một bọn thừa hành. Dĩ-nhiên bản tuyên truyền đã không quên đề cao cả Hoàng tôn Định-Đạo và nói đến nỗi oan-khuất của ông Hoàng Hồng-Bảo đáng lẽ đã ngồi vào ngôi cửu ngũ.

Thành-phần quan trọng của Sơn-đông thi tửu hội đáng kể về phía võ có quan Hữu quân Tôn-thất-Cúc, hai nhà sư Nguyễn-văn-Quí và Nguyễn-văn-Viên là ban tham mưu. Về phía dân có

Nguyễn-văn-Đệ, Trương-trọng-Hòa, Phạm - lương - Thành, Nguyễn-văn-Võ và một người lính võ-lâm là Lê-văn-Tề.

Trước ngày khởi sự cả bọn dùng chùa Pháp-Vân làm nơi tụ họp để bàn các việc. Vào khoảng canh ba đêm hôm ấy (mồng 8 tháng 9 năm Bính-dần) lúc dân phu đang tế tựu ở công trường thì bọn Trưng mũ áo chỉnh tề, cờ xí nghênh ngang tới tuyên bố có lời dụ bắt Đốc biện công sở là Thống chế Xa và Biện-lý Chất để giải về Kinh trị tội ngược đãi đồng bào. Tức thì dân phu xúm vào bắt Thống chế Xa trói lại rồi vác chày vôi theo bọn Trưng. (Đêm hôm ấy Biện-lý Chất ngẫu nhiên lên về kinh thành với gia đình nên không bị bắt).

Đi đầu là lá cờ to thêu 4 chữ *(Ngũ đại hoàng tôn)* vì từ Cao hoàng đến Ưng-Đạo vừa đúng 5 đời. Theo sau có cả ngàn dân phu, vác chày vôi nâng cao tua tủa như cả một rừng giáo mác.

Khi đi được nửa đường, Sư Quý bấm độn lục-nhâm biết đại sự không thành nên bỏ nhung-v, chỉ cầm thanh kiếm rẽ sang lối khác để về chùa.

Trời tang tảng sáng thì loạn quân đã tới cổng thành. Trưng, Trực, Ái ngồi trên võng che hai lọng, tay cầm kiếm do Ngọ-môn tiến vào Nội-điện. Toán thứ hai do cửa Hiền-nhân tiến vào Duyệt-thị-Đường. Quân canh gác tưởng là có Hoàng-tử thân công đi nên không dám ngăn trở.

Rồi loạn quân vào được điện Thái-hoa và Cần chánh truyền gọi xe loan, quân sĩ dạ theo rầm rập, nhưng họ không biết tấu môn nên trong khi phân vân thì Chưởng-vệ Long võ quân Hồ-Oai bước tới.

Loạn quân quát hỏi :

— Mi giữ chức gì

Oai đáp :

— Mõ là quân xuất

Đoàn Trưng liền vung gươm chém, Oai mất một vành tai. Oai bỏ chạy. Viên Cẩm-y chính diện là Nguyễn Thịnh biết có biến liền hô : « Có giặc ! Có giặc ! »

Rồi quân trong nội khắp nơi vội vã trấn đóng các cửa. Hai bên đánh nhau ào-ạt. Nguyễn-Thịnh bị chặt đứt ngón tay nhưng

vẫn gia sức chống cự. Vệ-úy Hùng tiến vào chỗ Long-ỷ đâm Ái bị thương gần chết. Trưng và Trực bị bắt sống.

Sau đó một giờ thì loạn quân bị bắt gần hết kể cả sư Quý là Tham-mưu trưởng của bọn Trưng.

Trong cuộc thẩm vấn Ái khai: « Việc này tự tôi gây nên không ai xui khiến hết ! » Rồi y cấu cổ tự tử. Vua sai chém bêu đầu.

Trưng trả lời :

— Việc thành thì làm vua thiên hạ, chẳng thành thì làm quỷ dưới đất, hà tất phải hỏi nhiều ! » Hình bộ thượng-thư cho nung kìm sắt kẹp vào đùi phạm nhân. Trưng chỉ cười cho tới khi hại vẽ trơ cả ống xương trắng.

Sư Quý non tinh thần khai đã thông mưu với quan Đề đốc kinh thành.

Nguyễn-Bá-nghi quay sang hỏi cả bọn Trưng lần nữa cho có thêm chi tiết. Trưng trả lời :

— « Đại trượng phu lẽ đâu để cho kẻ khác sai khiến ! Việc này dẫu có mười Đề đốc cũng chẳng có làm được và nếu muốn hỏi đến cùng thì chính cả thượng thư cũng có dự mưu đó. »

Kết quả của cuộc thẩm vấn là cả bọn bị xử vào tội bạn nghịch, kẻ bị chém, bị giảo, kẻ bị uống thuốc độc.

Kinh lược Nguyễn-tri-Phương và Tổng đốc Võ trọng Bình ở Bắc-Kỳ được vua triệu về trước tình thế rối ren này đã tâu xin kết thúc vụ án cho mau lẹ, miễn các việc tố cáo thêm để chấm dứt mọi liên lụy. Riêng Tùng Thiện Vương Miên Thẩm phủ phục ngoài cửa Đông Ba suốt ba ngày đêm để chịu tội sau được dụ về tư thất đợi chờ, do đó trong « *Thương sơn thi tập* » có câu : « Việc xảy ra bất ngờ, xa gần kinh ngạc và có 162 vần thơ thuật hoài về vụ bạo động — (một phần tài liệu của bài này đã do ông Bùi-quang Tung trích ở « *Bổn triều bạn nghịch liệt truyện* » viết bằng chữ Hán, có một đoạn từ trang 38 đến 43.. Trường bác cổ Viễn đông tàng trữ tài liệu này dưới số hiệu A.977) ● ★

Tê tái Rưng rưng Nỗi niềm

Bảy chừ còn mộng ảo,
Bỗng tóc điểm hai màu
Nửa cuộc đời bỏ dở
Buồn chi tình ban đầu

Thôi anh đừng ngoảnh lại
Cho em về một mình
Thời gian là mãi mãi
Chôn chặt niềm u tình.

Anh bảo đời là thế
Mà sao em vẫn buồn
Mà sao em vẫn cứ
Ấp ủ hoài sầu thương.

● PHƯƠNG-DUYÊN

những sự phiêu-lưu của Antée cho đến lúc Anchise chết

THẦN THOẠI HY-LẠP LA-MÃ

✱ ĐÀM-QUANG-THIỆN

ĐÂY là giờ bi thảm mà Troie sắp bị quân Hy-Lạp tàn phá... Enée, con vua Anchise, không ngờ đến những tai họa con ngựa gỗ đem lại, đang mơ màng giấc điệp thì thấy Hector hiện lên vừa khóc vừa nói : « Hỡi Enée, anh hãy dậy ngay đi tránh ngọn lửa đang vây bọc chung quanh thành. Quân địch đã lên mặt thành và Troie trước khi bị tiêu diệt giao cho anh bàn thờ của những gia thần. Anh hãy đem theo các đồ thờ với anh. Sau khi trôi nổi rất lâu trên mặt biển, anh sẽ lập nên một thành trì và trong đó anh sẽ đặt lại các bàn thờ đó. » Bóng đó nói xong đưa cho Enée cái Vesta hay Ngọn Lửa bất diệt cháy trong đền thờ ông. Giật mình tỉnh dậy, Enée trèo lên thành cao nhìn ra tứ phía. Lửa cháy đỏ rực cả kinh thành. Tức giận, chàng lấy khí giới, tụ tập một số chiến sĩ lại mà bảo : « Hỡi các bạn, giờ phút này là giờ cuối cùng của kinh thành chúng ta. Vậy các bạn hãy cùng tôi tìm cách cùng chết với thành Ilion ». Họ nói rồi cùng ra chém giết quân Hy Lạp. Sau nghe tiếng reo hò ở lầu đài cửa Priam họ liền tìm đến. Cuộc chiến đấu đang tiếp diễn rất kịch liệt ở đó. Những tiếng rên rỉ kêu la của phụ nữ vang lên tứ phía. Mặc dầu tuổi đã cao, Priam cũng lấy binh giáp mặc vào. Hécube và các con gái sợ hãi ngồi nép vào

với nhau ở dưới chân bàn thờ thần mà khóc lóc. Bỗng một người con của Priam bị Néoptolème đâm chết ngã gục xuống trước mặt bố. Priam tức giận ném giáo vào con Achille nhưng ngọn giáo chỉ hơi sướt qua cái mộc của Néoptolème thôi. Chàng này nổi giận nhảy lại đâm ông già ngã gục xuống. Enée trông thấy cảnh ông cụ nằm chết trên vũng máu của con thì cảm thấy sự kinh tởm ghê sợ. Hình ảnh của Anchise hiện ra trong óc chàng. Nhớ tới sự nguy hiểm đang đe dọa gia đình, chàng vội vã trở về nhà. Chàng định đưa bố lánh khỏi chốn đó, nhưng Anchise muốn chết theo thành và không chịu đi. Ngay lúc đó, các vị thần bèn cho họ chứng kiến một phép lạ. Nguyên vợ của Enée tên là Céuse là con gái của Priam và của Hécube. Nàng đang bồng đứa con nhỏ tên là Ascagne trên tay thì một tàn lửa cháy trên đầu nó, lướt trên tóc nó mà không làm nó bỏng. Cùng lúc đó Jupiter làm nổi sấm ầm ầm trên trời, và một ngôi sao sáng rơi xuống lâu đài, dừng lại một lát rồi soi sáng con đường đi tới rừng Lida và biến mất. Anchise thấy thế bằng lòng đi theo con trên con đường mà các thần đã vạch ra. Vì lửa cháy gần nên Enée vội vàng cõng bố lên lưng và dắt Ascagne đi. Vợ chàng theo sau. Chàng và các người nhà hẹn sẽ gặp nhau tất cả ở gốc cây biền bà gần đền thờ Cérès. Một lát sau, họ đến tụ họp đông đủ cả, chỉ thiếu có Créuse thôi. Không hiểu nàng đã lạc đường hay vì nhọc quá mà không theo kịp mọi người. Enée dẫn Anchise và Ascagne vào một cái thung lũng nhỏ và sâu, rồi lộn lại tìm Créuse. Chàng đã mất nhiều công tìm kiếm khắp nơi mà không thấy nàng đâu Chàng thất vọng trở về chỗ cha. Một số người Troyens nữa sống sót đến xin nhập bọn với chàng và tình nguyện theo chàng đi bất cứ đâu. Enée lại cõng bố lên vai và đến một chỗ núi rậm rạp nhất họ dừng lại để đóng tàu. Tàu đóng xong họ lên đó và thả nó trên mặt bể, mặc cho Trời đưa đi.

La Thrace là bến đầu tiên họ tới. Enée có ý muốn xây thành ở đó. Nhưng đến lúc chàng định làm lễ tế thần và cắt cành cây đào kim nhưỡng để bày bàn thờ thì máu đen chảy ở các cành cây bị cắt ra và tự dưới đất vọng lên

một giọng nói ghê rợn : « Hỡi Enée, đừng cấu xé ta nữa và hãy tha cho một người chết. Thật vậy, máu này không phải chảy ở một cành cây vô tri vô giác ra đâu. Tôi chính là Polydore, người con của Priam đã bị gửi sang bên này từ hồi còn nhỏ. Vua xứ này trước vẫn che chở cho tôi, nhưng từ lúc Troie bị phá, ông ta chiếm hết của cải của tôi. Không những thế, tôi lại còn bị hàng trăm ngọn giáo đâm chết. Những ngọn giáo đó mọc rễ xuống đất và thành cây này. Vậy anh hãy trốn đi, Enée, hãy tránh cái đất khốn nạn này mà lòng tham vọng đã làm cho đẫm máu. » Enée nghe nói kinh hãi vô cùng. Chàng ra lệnh đắp đất lên ngôi mộ đó. Rồi trong khi những phụ nữ xếp hàng chung quanh mộ tóc bỏ xõa kêu gọi tên người xấu số một lần cuối cùng thì bọn dân ông muốn cho linh hồn về ngôi mộ mới đó liền đổ sữa nóng và máu xuống. Xong xuôi họ xuống tàu chạy về phía Delos, đảo thiêng của Apollon. Enée đến hỏi tương lai bà đồng thì bà trả lời : « Dân Troie gốc tích ở đâu thì các ngươi hãy tìm đến đó. Đấy là nơi mà con cháu Enée sẽ cai trị thế giới. »

Anchise bèn nhớ lại là ngày xưa các cụ kỵ ông có kể rằng dân Troie, gốc tích ở Crète. Vâng lời cha, Enée cho tàu chạy về đó. Họ đi qua những đồi Naxos, Paros và Cyclades. Đến Crète, Enée đồ bộ và dự tính lập một thành gọi là Pergamée. Họ bắt đầu khai khẩn đất cát thì một trận dịch hạch xảy ra. Không những người chết mà cả cỏ cây cũng khô héo, hạt gieo xuống cũng không mọc. Anchise đề nghị trở lại Delos hỏi Apollon. Enée ngập ngừng và trong cơn buồn nản, chàng cầu nguyện... Một đêm, chàng thấy những thần mà chàng đã mang theo hình ảnh đi hiện ra bảo chàng : « Enée, ngươi đừng lo buồn nữa. Apollon đã không bảo ngươi sang Crète, mà là sang Italie vì chính đó là nơi sinh trưởng của Dardanos, ông tổ thành Troie. Enée, hãy dậy đi, và nên biết rằng chính đó là nơi mà dòng dõi của ngươi sẽ làm bá chủ thiên hạ, danh tiếng lừng lẫy một thời. »

Enée lại rời bỏ Crète sang Italie. Giữa đường họ gặp một cơn bão dữ dội. Gió thổi trong ba ngày

liền. Đến ngày thứ tư, gió ngớt thì Palinure, người thủy thủ giỏi nhất bọn, trông thấy đằng xa có núi và khói. Họ liền cho tàu chạy về phía đó. Họ vừa lên bờ thì thấy hàng đàn dê và bò đi tự do không người trông coi. Đang đói, họ giết mấy con làm thịt ăn. Họ vừa ngồi vào bàn ăn thì từ trên núi cao một đàn Harpyes bay xuống, xà vào bàn ăn mà chiếm lấy các thức ăn. Chúng ăn xong lại làm dơ bẩn hết các bàn ăn. Bọn Enée bèn lấy khí giới ra, nhưng đàn chim mặt đàn bà đó bay cả đi không hề bị thương chút nào. Chỉ còn một mình Céleno đậu lại trên một núi cao mà nói : « Các người đã giết súc vật của chúng ta, và để trả giá những con bò và dê bị giết đó, các ngươi lại đem chiến tranh lại thì các ngươi sẽ bị trừng phạt. Các ngươi sẽ sang được Ý như ý muốn. Nhưng tỉnh thành mà các ngươi xây sẽ không bao giờ có thành lũy che chở cho đến lúc các người bị đói phải ăn cả bàn ».

Nó nói xong vỗ cánh bay vào rừng. Bọn Enée nghe những lời đó sợ hãi vô cùng. Anchise thì kêu cầu thần phù hộ cho để tránh những tai họa đó. Cả bọn lại lên tàu đi. Họ đi qua Zacinthe, tránh Ithaque, ngừng lại ở bờ Actium và đến bờ bể Epire, bỏ neo ở cửa bể Chaonie. Đến đó, họ được tin Hélénus con của Priam đã cưới Andromaque và hiện cai trị xứ của Néoptolème. Muốn gặp Andromaque, Enée lên thành Buthroe. Chàng vừa đến cổng thì gặp nàng đang cùng Hector. Trông thấy Enée, nàng cảm động ngất đi. Hồi lâu, tỉnh dậy, nàng bảo Enée, « Có phải Enée đó không. Anh còn sống hay đã chết rồi ? Nếu đây là linh hồn anh về thì anh có đem tin tức của Hector lại cho tôi chăng ? » Enée trả lời : « Tôi còn sống đây, nàng không nên nghi ngờ. Tôi còn sống và đang kéo dài một cuộc đời đầy gian truân. Nhưng còn nàng, tại sao nàng lại ở nơi này ? » Andromaque trả lời : « Sau khi thành Troie bị đốt [illegible]á tôi thuộc về Néoptolème. Nhưng ân nhờ ngtôi cho Hélénus cũng là n[illegible]lệ của hắn. Hélénus cưới tôi và [illegible]hi Néoptolème bị Oreste giết c[illegible]t, xứ này thuộc về Hélénus, vì [illegible]ế tôi thành hoàng hậu ở đây. » V[illegible]ra lúc đó, Hélénus tới. Lúc nhậ[illegible]a Enée và các bạn, ông mừng m[illegible]g tủi tủi đến rơi lệ. Ông liền [illegible]n tất cả vào lâu đài. Enée n[illegible]ic nhiên nhận thấy thành đó là h[illegible]h

ảnh của thành Troie với Xanthe, những cửa Scées, v.v... Trong hai ngày, Hélénus sai làm yến tiệc thết bạn đồng hương. Trước khi từ biệt, Enée thắc mắc về câu đe dọa của con Harpye, liền hỏi Hélénus vì ông này cũng là một nhà tiên tri : « Hỡi Hélénus, các vị thần bảo tôi sang Ý, nhưng con Harpye Céléno đe dọa tôi sẽ bị nạn đói khủng khiếp. Vậy tôi phải làm thế nào để tránh hay ít ra cũng giảm bớt tai nạn đó ? »

Hélénus trả lời : « Anh không nên lo sợ về những điều Céléno đã nói. Thần thánh sẽ che chở cho anh. Nhưng nước Ý mà anh tưởng gần còn xa cách anh bởi biết bao biển cả mênh mông. Lúc đi anh nên tránh bờ bể Sicile. Anh hãy đi về phía trái có bể có Charybde và Scylla canh giữ. Thà anh mất công đi vòng quanh còn hơn là đi trước mặt Scylla. Khi nào qua Sicile rồi thì anh cứ việc thẳng tiến sang Ý. Lúc đó anh nên đến bờ Cumes, vào trong hang sâu mà hỏi Sibylle những điều quyết định của Số Mệnh. Anh hãy cố làm cho hắn nói, hắn sẽ cho anh biết những chiến tranh và tai họa anh có thể tránh được. Sau hết, khi nào anh gặp một con lợn lòi cái trắng với ba mươi con lợn lòi con đang xúm lại bú mẹ, đấy chắc chắn là lúc kết liễu mọi bước gian truân của anh và là nơi mà các thần đã dành cho anh để lập thành trì. » Nói xong Hélénus cho mang lên tàu rất nhiều tặng vật quý giá. Andromaque vừa khóc vừa đưa cho Ascagne một cái áo khoác phrygien và những quần áo dệt bằng vàng. Sự chia tay thật là não nùng : họ có cảm tưởng như lại phải xa cách thành Troie một lần nữa. Sau biết bao bịn rịn và những lời từ biệt đầy nước mắt, bọn Enée lên tầu. Họ đi qua Vịnh Tarente và chẳng bao lâu trông thấy đỉnh núi Etna. Càng tiến lên họ càng nghe rõ tiếng sóng đập vào núi đá. Anchise nhớ lời Hélénus dặn bèn dục thủy thủ chèo mau ra khỏi nơi đó. Đến chiều, mệt mỏi họ đỗ vào Cù lao của bọn Cyclopes. Gần đó Etna nhả ra rất nhiều khói nhựa lịch thanh. Người ta nói rằng Encélade một trong những tên khổng lồ đã bị Jupiter hạ, bị chôn sống trong đó. Lỗ hở của núi là chỗ thông hơi cho nó thở. Mỗi lần nó trở mình cho khỏi mỏi, toàn cõi Sicile bị rung động.

Sáng sớm hôm sau, bọn Enée trông thấy ở trong rừng ra một người lạ mặt. Mình mẩy gầy dét, râu ria lởm chởm, bẩn thỉu, quần áo rách nát, người đó tiến về phía họ hai tay dơ lên. Nhưng khi hắn trông thấy quần áo phrygien và những khí giới của thành Troie, hắn lùi lại, ngập ngừng một chút, sau cương quyết tiến đến gần mà nói : « Hỡi các người Troie, hãy cứu tôi thoát khỏi nơi này. Tôi là người Hy lạp và tôi thú nhận là đã dự vào cuộc chiến tranh ở Troie. Nếu đó và một trọng tội thì hãy xin vứt tôi xuống bể. » Nói xong, hắn ôm đầu gối họ mà hôn. Anchise bèn cầm tay hắn mà hỏi : « Anh là ai ? » Hắn trả lời : « Tôi quê ở Ithaque và cùng đi với Ulysse. Lúc ở Troie về tôi bị Ulysse bỏ quên ở hang của tên Cyclope. Từ đó tôi sống trong rừng và trong những hang của các thú dữ. Tôi ăn nhờ dại và mỗi lần nghe tiếng nói và bước chân đi của bọn Cyclopes, tôi lại run sợ. Các bạn hãy nghe tôi mà trốn ngay khỏi nơi kinh khủng này vì Ulysse đã làm cho Polyphème mù nhưng còn hàng trăm Cyclopes khác độc ác vô cùng. »

Hắn vừa nói rứt lời, thì trông thấy trên đỉnh một núi cao, Polyphème đang chăn cừu. Tên khổng lồ lấy một thân cây thông chống làm gậy và đang tiến về phía bờ biển. Mọi người run sợ vội cùng người Hy lạp lên tầu chèo đi, Polyphème nghe tiếng mái chèo đã xa và không thể bắt được bọn người nữa thì tức giận gầm lên, Toàn cõi Ý đều kinh sợ và núi Etna lại gầm lên. Nghe tiếng báo hiệu của Polyphème toàn thể bọn Cyclopes từ các núi cao rừng rậm chạy về phía bờ biển. Nhưng những tàu của Enée đã ra xa, mặc cho bọn khổng lồ tìm cách với theo.

Enée sau khi đi qua vịnh Mégare và mũi đất Pachynum trông thấy dần xa thành Gela, thành Agrigente và thành Selinonte. Sau hết chàng đến cửa bể Drépane. Đó là nơi Anchise từ giã cõi đời. Cái tang đó làm cho Enée buồn rầu vô cùng. Sau khi chôn cất cho bố, chàng lại lên đường tiến về phía Latrium. Nhưng họ vừa ra khỏi bờ bể Sicile thì một cơn bão dữ dội nổi lên đánh đắm một số tầu của Enée. Lúc trời trở lại quang đãng, chỉ còn lại có bảy chiếc tầu. Mệt mỏi họ vội tìm chỗ đất để nghỉ ngơi và ghé vào bờ bể Lybie.

NHÀ CÁCH MẠNG BỊ GIAM KÍN TRONG

TÒA ĐẠI-SỨ

(tiếp theo P.T. 168 và hết)

● TÂN-PHONG

BÁC-SĨ Cantlie đến Islington tìm nhà thám-tử thì ông này cho biết đêm ấy ông bận đi dò xét một vụ khác, nhưng ông hứa sẽ giới-thiệu một bạn đồng nghiệp của ông.

Cantlie đã mệt nhừ, nhưng còn cố gắng trở lại tòa soạn báo *Times* đúng giờ hẹn. Nơi đây Bác sĩ được tiếp xúc với một phóng viên đã già, ông này chăm chú nghe xong đầu đuôi câu chuyện rồi kết luận :

— Kể ra tin này cũng dựt gân đấy, nhưng thế nào cũng phải đợi ông chủ-bút đến, vì đăng hay không đăng, hoặc phải đi điều tra, là do nơi ông ấy định đoạt cả.

Bác-sĩ Cantlie sốt ruột hỏi :

— Nhưng ông chủ-bút chừng nào đến ?

Ông phóng-viên già nhún vai :

— Hôm nay chúa-nhật...khó mà biết được ông ấy sẽ đến lúc nào, và có đến hay không ?

Bác-sĩ Cantlie ngó đồng hồ đeo tay, đã 11 giờ 30 đêm. Ông ra về, thất vọng, tức giận và buồn rầu, lo lắng.

Để an-ủi những khó nhọc của ông suốt ngày không có kết quả, vợ ông bảo :

— Anh đi ngủ cho khỏe. Thế nào sáng ngày mai anh cũng tìm được giải pháp.

Sáng ngày mai ? Ông ngủ làm sao được đến sáng ngày mai trong lúc một sinh-viên của ông sắp bị người ta thủ tiêu ? Ông phải làm thế nào cứu chàng chứ ?

Bác-sĩ Cantlie lại mặc áo ra đi. Ông phải mặc quần áo ấm vì đêm rét lắm, và ông quyết định tự ông đi rình quanh tòa Đại-sứ Trung-Hoa suốt đêm cho đến sáng.

Sáng, thành phố vừa thức dậy là ông đi ngay đến văn-phòng thám tử riêng, và bỏ tiền ra thuê một số thám-tử vừa đủ để canh phòng cần mật ngôi nhà số 9 Công trường Portland.

Tự sắp đặt việc canh gác Tòa Đại-sứ Trung-Hoa xong, Bác-sĩ Cantlie đi thẳng đến Bộ Ngoại-giao Ông xin yết kiến cho kỳ được ông Bộ-trưởng. Ông thuật rõ câu chuyện dưới hình thức một nhân chứng có tuyên thệ. Nhưng Bộ Ngoại-giao Anh thắc-mắc vì không có bằng cớ chính-thức về sự có một người bị giam trong tòa Đại sứ Trung-Hoa. Dù sao ông Bộ-trưởng cũng chú trọng đến những lời tiết lộ kinh khủng của Bác-sĩ Cantlie và lập tức gọi sở Trinh-thám Scotland Yard điều tra xem Tòa Đại-Sứ Trung-Hoa có thuê một chuyến tàu chở hàng nào không.

Cuộc điều tra cho biết kết quả nhanh chóng : Tòa Đại-Sứ Trung-Hoa có thuê một chiếc tàu chở hàng của hãng Glen Line, tàu này sẽ nhổ neo sáng sớm ngày hôm sau, tức là ngày thứ Ba, chỉ còn 24 tiếng đồng hồ. Chiếc tàu chở hàng-hóa sang Trung-quốc, và, ngoài ra, còn một hành khách mà tòa Đại-sứ không cho hãng biết danh-tánh. Chỉ biết rằng hành khách ấy là người Trung-Hoa.

Trong lúc đó, Tôn-Văn, tên thật Tôn-Dật-Tiên, chàng sinh-viên cách-mạng Trung-Hoa bị giam kín trong căn phòng bí-mật ở từng lầu thứ ba của Tòa Đại-sứ Tàu, rất hết sức lo-ngại cho số phận của mình. Chàng không

biết Bác-sĩ Cantlie có vận-động để cứu chàng hay không ?

Chàng được một chút hy-vọng lúc tối Chúa-nhựt. Cole, người bồi ang-lê của Tòa Đại-sứ, người liên-lạc của chàng với B.s Cantlie, đem thùng than thường-lệ vào phòng chàng, trong đó chàng lấy ra một rẻo giấy có ghi mấy chữ : « Đừng lo, chúng tôi đang tìm cách cứu anh. »

Đem thùng than vào phòng Tôn-Văn xong, Cole ra về, và sai người nhà cầm một thư tối-khẩn đến Bác-sĩ Cantlie :

« Đêm nay tôi sẽ có cơ-hội giải thoát người bạn của ông. Tôi sẽ sắp đặt cho anh ta leo lên mái ngói của ngôi nhà kế cận. Ông phải có người chờ sẵn đó. Ông nghĩ thế nào ? Tôi có nên thực-hiện kế-hoạch đó không ? »

Mừng quá, Cantlie chạy ngay đến sở Gián-điệp Scotland Yard, và khẩn-khoản sở này phải lập tức vài viên thám-tử đến mái nhà kế-cận của tòa Đại-sứ Trung-Hoa. Scotland Yard từ-chối, viện lẽ rằng hiện cảnh-sát đang quyết-định mở cuộc điều-tra, nhưng phải hành-động theo các thủ-tục hợp-pháp, chứ không thể áp-dụng biện-pháp liều-lĩnh được. Sở gián-điệp cũng cho biết ngày Thứ Hai 22 tháng 10, cảnh-sát có xin Tòa-án cấp cho một giấy truy-tố một tù-nhân vô-danh : biện pháp này có thể cứu được chàng thanh-niên kia. Cảnh-sát sẽ đem giấy truy-tố của Tòa-Án đến Tòa Đại-sứ Trung-Hoa để xin bắt « một tù-nhân vô-danh hiện trốn trong tòa Đại-sứ ». Tòa Đại-sứ bị bắt buộc phải đưa người tù kia ra giao cho cảnh-sát. Đó là biện-pháp hợp lệ để cứu chàng sinh viên. Nhưng ông Quan Tòa lại từ-chối, không ký giấy đó.

Dù sao, các báo Luân-Đôn đã nghe-ngóng tin-tức đồn-đãi về vụ Tòa Đại-sứ Trung-Hoa bắt giam phi-pháp một sinh viên đang sống tự-do trên đất nước Anh. Một ký giả báo *Globe* đến phỏng-vấn Bác-sĩ Cantlie Bác-sĩ cho phóng viên biết rõ hết các chi-tiết của câu chuyện, và ông cũng không quên nhắc lại việc ông có đến báo tin cho tòa soạn báo *Times* nhưng vô hiệu-quả.

Báo *Globe* đăng bài phỏng vấn ngay trong số phát hành ngày Thứ hai.

Sinh năm 1866. Tốt nghiệp đại học Y-khoa Hồngkông. Làm cách mạng đến 1911 thành công.

Tháng 11-1911, thành lập Trung Hoa Dân Quốc ở miền Nam nước Tàu, với Kinh đô Nam Kinh.

11-4-1921, được bầu làm Tổng Thống Trung Hoa Dân Quốc đầu tiên (chế độ Viên thế Khải ở miền Bắc đã sụp đổ). Chết ngày 12-3-1925.

Thế là dư luận quần chúng các giới bắt đầu sôi nổi. Các báo khác đua nhau đi tìm sự thật tại tòa Đại sứ Trung Hoa. Họ đòi ông Đại-sứ phải đưa người tù bí-mật kia ra trình diện cho họ thấy.

Tang, nhân viên tòa Đại sứ, liền triệu tập một cuộc họp báo. Rất lễ phép, rất bình tĩnh, y tuyên bố rằng dư luận đồn đãi đó là bịa đặt, hoàn toàn vô căn cứ, và hiện ở tòa Đại sứ Trung hoa không có một tù nhân nào cả.

Các phóng viên báo chí cảnh cáo cho Tang biết rằng : « Tất cả mọi công dân ngoại quốc trú ngụ trên đất Anh, và không phạm tội gì đối với nước Anh, đều có quyền sống tự do, được luật pháp Anh che chở. Không có ai được phép bắt giam họ. Giam một người nào trong nhà mình, là một hành động trái với luật pháp của một nước Tự do Dân chủ. Nếu tòa đại sứ đang giữ một « tù nhân » nào đó, thì nên thả họ ra ngay lập tức, bằng không thì dân chúng Anh sẽ tấn công tòa Đại sứ. »

Các báo tiếp-tục làm cho dư luận Anh Quốc và cả thế giới xôn xao về vụ Tòa Đại sứ Trung hoa ở Luân-đôn bắt giam người một cách trái phép, với âm-mưu chở lén người ấy về xứ Trung hoa để thủ tiêu.

Vụ tai-tiếng này được Bác-sĩ Cantlie tiết-lộ đầy-đủ chi-tiết, nhờ đó báo *Daily Mail* đến phỏng-vấn ông Halliday Macartney, Luật-sư Anh, cố-vấn pháp-luật của Tòa Đại-sứ Trung-Hoa.

Lần này, Tòa Đại-sứ phải nhìn-nhận có giam một « tù-nhân ». Đây là bài phỏng-vấn của báo Daily Mail :

« Phỏng vấn ông Halliday Macartney.

« Ông Halliday Macartney, cố-vấn pháp-luật của Tòa Đại-sứ Trung-Hoa, có đến Bộ Ngoại-giao chiều hôm qua, lúc 3 giờ 30. Được chúng tôi phỏng-vấn, ông tuyên-bố : « Tôi không còn tin-tức gì để loan-báo cho quý ông nữa, ngoài những tin mà quý báo đã đăng hết cả rồi ».

— Lord Salisbury, Ngoại-trưởng Anh, đã yêu cầu Tòa Đại-sứ Trung-Hoa phải trả tự-do cho một người bị bắt giam ở trong tòa Đại-sứ, ông đã biết tin đó chưa ?

— Tôi biết. Người ấy sẽ được phóng thích ngay. Không phải hắn bị bắt cóc như các báo đã đăng. Chính hắn tự ý thân hành đến tòa Đại sứ. Việc ấy không có gì lạ : một người Trung Hoa ở một mình ở London muốn tìm đến gặp những người đồng hương của hắn để nói chuyện chơi, thế thôi.

— Thế tại sao tòa Đại sứ bắt giam người ta ?

— Đó là một sự hiểu lầm. Nhân viên tòa Đại sứ tưởng hắn đến để do thám. »

Sáng này thứ Ba 23-10 Ngoại-trưởng Anh Lord Salisbury gởi thông điệp phản đối đến Đại sứ Trung-hoa. Vài giờ sau, mấy người lính Tàu đến mở cửa phòng giam và đưa quần áo cho Tôn-Văn mặc vào, đưa cravate cho chàng đeo, đưa giày cho chàng mang, rồi bảo chàng đi theo họ...

Tôn Văn hỏi :

— Đi đâu ?

Lính không trả lời. Họ đưa chàng xuống phòng khách của tòa Đại sứ. Có ba người ngồi đợi ở đấy : Bác sĩ Cantlie, một viên thanh tra của Gián điệp Scotland Yard, và một đại-diện Bộ Ngoại giao Anh.

Cửa mở rộng. Tôn-Văn cùng ba người kia đi ra khỏi tòa Đại sứ. Một đám đông dân chúng và các phóng viên báo chí vui mừng đón chàng trước cổng. Họ xúm lại hỏi chàng trong lúc các máy ảnh đua nhau chụp hình :

— Làm cách nào anh báo tin cho Bác sĩ Cantlie biết được ? Và hằng chục câu hỏi khác.

Câu nào Tôn-Văn cũng trả lời mau lẹ, duy có một câu trên kia chàng không thể trả lời.

Chàng phải bảo vệ an ninh và tính-mạng cho Cole, người Anh làm bồi trong tòa Đại-Sứ, và liên lạc viên của chàng, đã cứu chàng khỏi tai họa, với sự giúp đỡ tận-tâm của B.S. Cantlie.

Thế là Tôn-Văn, chàng sinh-viên cách mạng Trung-Hoa, trước đó ba tuần lễ đến nước Anh, không ai biết tên tuổi, bây giờ được cả nhân dân Anh và Thế giới đặc-biệt chú ý đến.

Chàng đến thăm sở gián-điệp Scotland Yard, để cám ơn, rồi về dùng cơm trưa ở nhà Bác-sĩ Cantlie. Hôm sau chàng gởi một bức thơ cho các báo Luân-đôn, tất cả các báo đều đăng nơi trang nhứt bức thư lịch sử ấy, với bức ảnh của Tôn-Văn. Bức thư viết bằng Anh-ngữ, chúng tôi tạm dịch sau đây :

« Xin quý ông cho phép tôi được nhờ một cột báo để tỏ lòng tri ân sâu xa của tôi đối với chính phủ Anh đã giải thoát cho tôi trong lúc tôi bị làm tù nhân trong tòa đại sứ Trung Hoa. Tôi cũng cám ơn Báo-chí đã giúp đỡ và cảm mến tôi.

« Giả sử tôi cần phải được xác nhận về lòng khoan dung đại lượng của nước Anh, và tình yêu công-lý là đặc-tính của Dân tộc Anh, thì những biến cố tôi vừa trải qua đã chứng minh lắm rồi.

« Bây giờ tôi biết rõ, và tôi cảm thấy hơn lúc nào hết, những khả năng của một chính phủ lập-hiến và một dân tộc đã thoát khỏi nô lệ. Tôi đã tiếp nhận được một khuyến khích mãnh liệt để phục-vụ cương quyết lý tưởng tiến bộ, giáo dục, và văn minh của xứ sở yêu quí của tôi đang bị đè nén dưới độc-tài chuyên-chế.

Xin quý ông nhận nơi đây cảm tình trung-thành cảm mến của tôi. »

Tôn-Dật-Tiên

Chắc hẳn bạn đọc Phổ-Thông đã biết rằng tác giả bức thư trên đã thành-công cuộc Cách-mạng vĩ đại ở Trung-Hoa năm 1911, lật đổ chế-độ quân chủ phong kiến mục nát của triều Mãn-Thanh và thành-lập Trung-Hoa Dân-Quốc, mà ông được bầu lên làm vị Tổng-thống đầu tiên.

HUY CẬN

✦ TRẦN TUẤN KIỆT

Thời trước, thời đại thi ca Mới, trong luồng văn-hóa Âu-châu thổi đến, những giá trị cổ điển bị khinh thường. Người ta đã quên nhắc đến một Tản-Đà. Đến đầu quyển Thi nhân Việt-Nam, Tản-Đà mới được người ta nhìn ngó trở lại, mặc dầu niềm kính yêu đã vơi nhiều, đó là giá trị một thời dưới tầm mắt những người làm văn nghệ thời đại.

Hôm nay, Huy-Cận không cùng ở trong một giới với các nhà tiểu thuyết như Nhất-Linh, để bị người làm văn nghệ mới đã phá... mặc dầu cái chết Nhất-Linh đúng nghĩa hợp tình, hợp cảnh, cái chết vinh dự đã làm nhiều người cùng thời thấy nhục nhã, nhiều người trẻ hôm nay cảm phục giá trị, cái chết đem lại nhiều cảm tình với Nhất-Linh. Đó chỉ là một thứ cảm tình không phải là một sự thành thật nhìn rõ chân giá trị của Ông.., Huy-Cận khác !

Huy-Cận người làm thơ ! Vì người làm thơ dễ bị người ta lầm là *Đi giữa cuộc đời ! một lãng tử !* Người ta cũng ít khi nào phân biệt rõ rệt biên giới của thi-nhân ; đời sống giữa mộng và thực lẫn lộn... nhất là tiếng thơ và nhất lại là thơ Huy-Cận !

Có những giá trị hiện ra thật rực rỡ vàng son, người thoáng nhìn, thoáng thưởng ngoạn bỗng nhiên như gặp một vị tinh tú nào rơi vỡ trên mặt đất, đó là thứ nghệ thuật thi ca bí hiểm, nghệ thuật đó hiện ra trong thơ của Nguyễn-xuân-Sanh, của Bích-khê trong những vần thơ kènh kiệu mới được người ta thích một lúc nào đó. Thứ nghệ thuật ấy dễ chiêng trống xập xòe hơn là thứ thơ tự nhiên và dễ đánh lạc, trùm lên giá trị của thơ tự nhiên. Một thời nào đó mà người thưởng ngoạn thơ muốn phá cách, muốn ngôn ngữ thơ thành nhạc ngữ, muốn tiếng thơ phải dị thường... nhưng rồi cũng rất dễ phai trong lòng người. Riêng thi sĩ Huy-Cận thời khác. Thơ Huy-Cận mang nhiều chân trời hoài niệm, cũng như Nguyễn-Du mang đầy tứ chi thân thể những màu sắc của thơ Đường, thơ Tống... Nghĩa là nhà thơ có quyền giao hưởng với tất cả mọi âm vọng trong nhân gian. Miễn là tiếng thơ đừng què quặc, sống sượng, đừng hóa bí-hiểm... để trở thành khô khan và sáo ngữ. Chú ý đến hình thức, nhạc ngữ, thi ca dễ trở thành khuôn sáo, nếu thật sự nhà thơ không đạt được bờ cõi u-uyên của thi ca.

Thơ Huy-Cận thâm u chan hòa cái buồn của nhân-gian cái sầu của trời đất, cái đau của cuộc đời, cái xót xa của đất nước... và cũng chan hòa niềm hoan-lạc của loài người đón hội mừng xuân.

— Thơ Huy-Cận là cái kiếp của quả đất và những gì hiện lên trên quả đất với niềm sinh diệt hữu-hạng này. Quả đất không còn nữa thì ngày ấy thơ sẽ bay nhập vào vô cùng chứ bây giờ.., thì thảm thiết lắm thay !

Từ lúc biết gọi :

Hỡi Thượng-Đế người nhìn xem
Người đã cho thân thể...

Cho đến :

Nếu chúa biết bao nhiêu hồn ly tán
Vì đã nâng bình sữa ấp lên môi
Thì hẳn chúa cũng thẹn thùng hối hận
Đã sinh ra số kiếp của con người.

Ý-thức số kiếp con người là... cô đơn vò võ. Lên tiếng sầu vạn kỷ với bao nhiêu chất chứa phiền lụy, thương mến nhân gian trong vòng sinh tử triền miên, lên tiếng cô-độc như *núi đứng riêng tây* đó, Nhà thơ Huy Cận mang cho hồn thơ Việt-Nam một giòng suy-niệm về hư vô mịt-mùng thăm-thẳm biết bao nhiêu. Bạn thân của người là Xuân Diệu, ta không hiểu sao hai tâm hồn lớn nọ lại kết tầm vóc hùng-vĩ huy-hoàng của hai vì sao Bắc Đẩu — Nam Tào đó cùng một kiếp, một thời đại bên nhau. Xuân Diệu đã gọi linh hồn Huy Cận là *linh hồn trời đất*. Đọc thơ người như một giòng nước, không, một đại dương yêu thương, tràn lan, thấm tận trong căn để của tâm hồn nhân gian, nhất là những tâm hồn sầu khổ vì :

Hỡi những người ta đi hóng xuân
Cho tôi theo với kẻo tôi gần

Ôi ! còn có điệu đơn độc tha thiết chân thành nào hơn cái thiết tha chua xót nọ. Người về cõi bờ nhân gian để cấm lều cô độc vì bởi Thượng Đế đã tạo thành kiếp người, nhưng lại cho người hay cho loài người cái bình thịt xương để chứa đựng linh hồn — cái tầm vóc tốt tươi nọ phải chìm đắm tan nát ở ngày mai. Phải chịu cảnh nằm dưới mộ sầu suốt thiên thu lạnh lẽo, và hôm nay đếm từng bước lạnh teo một mình lủi thủi, đi đứng một cách

ngây thơ, tin tưởng một cách vụng dại rằng loài người sẽ cảm thông nhau.

Tin thơ ngây hồn sẽ hiểu qua hồn
Tôi đâu biết thịt xương là sông núi
Chia biệt người qua từng xứ cô đơn (**Lửa Thiêng**)

Tâm hồn sầu trĩu nặng đó không phải chẳng biết vương lên. Chẳng biết gào thét đấu tranh. Chẳng biết tự hỏi sinh ra đời để làm gì, làm gì trong từng giây từng phút dành lấy cái tự-do cho mình và kiếp người. Nhưng tiếng nói của người thâm-u quá, trong một bờ cõi vô biên mà chỉ riêng kẻ đồng điệu đến nơi nghe vọng được. Đó là thứ tiếng nói của những hồn thiêng ở trong trời đất vọng về cho chúng ta trong thế gian sầu. Mỗi lời mỗi tiếng, cả cảnh cả tình đó là sự cao thấp của nghĩa đời, sự đo sức với định mệnh cay nghiệt, sự chịu đựng gian lao của riêng hồn đơn chiếc nọ. Người nghe được tiếng :

Bụi rơi trên lá vọng nên lời

Nhưng, đó nào có phải là bụi là lá, là tiếng động đâu. Đó là những âm-ba vang dội hư-không, xao xuyến cõi bờ trần gian sa-mạc nầy.

Nhưng, những điều nói trên là những suy tư khắc khoải, những dằm giải gian nan của một người thơ nặng tình đời — của những tư tưởng về nhân bản. Huy Cận hơn thế. Hơn mà không có đỉnh núi nào trên được. Không có không gian, chỉ có thời gian mang nỗi nhớ thương siêu hình dằn-dặc. Người ở tận cõi nào đến, từ xưa — nghìn xưa, từ bây giờ — từ mai sau. Người không đến riêng một bờ cõi nào, một không gian nào mà thật sự như đã đến mút mù

của một con đường định mệnh đau thương. Người thật vốn là cái linh hồn của sông núi nghìn thu, sông núi vẫn vang âm như tiếng nhân ngư trong thần thoại, sông núi mờ mịt không bao giờ hiện hình, không bao giờ tỏ rõ trước con mắt của người đời, nhưng mà rất bình lặng, rất mênh mông, rất đằm ấm, đó là cái cõi trú cho những linh hồn đau khổ mai sau. ● ★

NHỮNG BÀI TÍNH KHÔNG CÓ ĐÁP SỐ

Trong lúc nhân loại tiến triển vượt mức, cũng nên xét lại những sự tiến bộ ấy đã giúp cho nhân loại những gì :

1) Người ta đã tìm hiểu bên kia mặt trăng như thế nào nhưng không tìm hiểu được ý nghĩ trong đầu người đàn bà ra sao.

2) Người có thể gửi một điện tín đến bên kia trái đất trong nháy mắt nhưng không thể nói được tiếng của một dân tộc láng giềng ở sát nách nhau.

3) Người có thể bay mau bằng tốc lực âm thanh nhưng không thể leo những bậc cấp khá cao mà không thở hồn hển.

4) Người có thể điều khiển một bộ óc điện tử để tìm hiểu những cái khó vô cùng mà không tìm hiểu được mình khác với người láng giềng như thế nào.

muộn màng

(Cảm đề hoa mai nở muộn và cũng là tâm sự của một Thiếu-Úy).

Đằng đẵng mười năm đã trải qua
Muộn màng chi bấy hỡi mai hoa
Bao phen lận đận nhân cùng thế
Lắm lúc lao đao chợ với nhà
Chắc ruột đâu sờn khi nắng hạn
Bền da nào ngại buổi mưa sa
Thân danh dù chẳng nên to lớn
Há thẹn với đời với cỏ hoa !

●●● bất công

Ngao ngán cõi đời lắm bất công
Bốn phương nam bắc khắp tây đông
Con ông vô lý ông không ngó
Cháu cụ dĩ nhiên cụ phải trông
Không thế không thần hay hóa dở
Có tiền có bạc dốt ra thông

★ **QUANG-VINH**
(Thiếu-Úy Q.Đ.V.N.C.H)

CHỈ còn năm phút sẽ tan sở buổi chiều. Trong phòng việc, một số người đã rời chỗ, tay cầm sẵn những thứ tùy thân — túi ni-lông, áo mưa. Họ đi quanh quẩn tỏ ra rất bồn chồn, cái thói quen đặc biệt công chức.

Cụ Đức đang bàn dở chuyện gì với Trường, chắc lại nói về cách nuôi chim yến, nhưng ai ngồi xa thì chỉ nghe được cái câu « phải rồi ấy ra dấy » thật vô nghĩa. Ông Xuân, mà các bạn đã đặt cho biệt hiệu « người biết quá nhiều » vì tính hay khoe khoang, nói chõ, bây giờ cũng đang tấm tắc khen bữa tiệc thịnh soạn ở đâu đó. Cô Liên đứng gập mình trên cạnh bàn, vẫn còn tỉ tê khuyên bà Nhân nên đi xem

cuốn phim hay, cô lược kể cốt chuyện bằng những cái thưởi môi, thít hà thú vị câu cửa miệng « thế xong rồi thì lại » cũng vô nghĩa như cái câu « phải rồi ấy ra dấy » của cụ Đức. Chỉ có bác tùy phái là an phận, cứ đứng mãi ở góc phòng, nách cặp cái phất trần, tay chống cây chổi.

Bình khoanh tay ngả lưng trên thành ghế, anh lặng lẽ xem ông Xuân vừa kể sang chuyện khác, một kiểu xe hơi mới nhập cảng. Bình cười thầm : « toàn những hiểu biết vụn vặt ». Ngẫu nhiên ông Xuân đã nhắc Bình liên tưởng đến Duật. Rồi không hiểu sao anh cứ cho rằng, hiện thời, Duật cũng đang ba hoa ở một góc đường, vỉa hè nào đó. Bất giác, Bình xô ghế đứng dậy.

Bỗng máy điện thoại reo chuông. Bình nán lại nâng ống nghe. Đầu giây đằng kia, tiếng Bích ỏn ẻn như giọng con gái :

— Xin lỗi, ông Bình còn đấy không ạ ?

Bình mỉm cười :

— Còn đây. Ở đâu gọi đến thế ?

Bích vẫn thỏ-thẻ, nhưng lời lẽ đã vồn vã hẳn lên :

— May quá. Ở trường. Tưởng cậu về rồi. Chờ trước cổng sở, mình đến ngay.

Đầu giây đằng kia. Bích đặt máy có vẻ hết sức vội vàng. Gạc ống nghe, Bình lại ngồi vào ghế. Chờ mọi người đã đi khỏi, một lát, anh mới lững thững rời chỗ.

Thả từng bước xuống cầu thang, Bình thử đoán nguyên cớ để Bích nóng nảy hẹn gặp mình, nhưng anh chịu không nghĩ ra.

Xưa nay, Bình vẫn cẳn cứ ở diện mạo, cuộc sống của Bích để lấy cớ tin chắc rằng người ta quả có số mệnh. Anh chưa từng thấy Bích giận dỗi lần nào. Trái lại, Bình đã được chứng kiến hầu hết những may mắn lũ lượt đến với Bích, thằng bạn thề chất con gái, trắng trẻo, ẻo lả, cả tên gọi cũng mỹ-miều. Bình vẫn tự hỏi lần thần, hay là cốt cách óng chuốt của Bích cũng giống như bông hoa sinh ra chỉ để được nuông chiều? Hơn thế nữa, Bình còn được theo rõi nhiều cơ hội tốt đẹp gần như không tưởng, những ân huệ trời cho, đã xuất hiện trước nụ cười hồn nhiên của Bích.

Chẳng hạn, hồi còn đi học ở Hà nội, qua trò chơi phù phiếm bằng cách trao đổi thư từ, Bích đã quen một nữ sinh ở mãi Nam Vang, rồi hai người yêu nhau, trên giấy tờ. Bấy giờ, chính Bích cũng không dám tin sẽ gặp nàng. Ai ngờ, sau chiến tranh, có cuộc di cư, Bích được vào Nam không tốn một xu, còn cô kia, trên đường sang Luân-Đôn du học, nhân tiện máy bay ghé xuống Tân-sơn-Nhất đã nhắn Bích ra nói chuyện gần hết buổi chiều.

Tuy sau đó lại mỗi kẻ một nơi, nhưng Bình nghĩ, ít ra một lần đó cũng đủ dành cho Bích những kỷ niệm gần gũi hơn, đáng nhớ hơn.

Cho nên, bây giờ Bình không tài nào biết trước lý do hối hả của Bích, anh đành chờ xem.

Từ ngã tư đầu đường, Bích nghiêng mình lượn chiếc Vespa lao tới, dừng đúng chỗ Bình :

— Ngồi lên !

Bình ngồi vào đệm sau :

— Có chuyện gì mà gấp thế hở « người đẹp » ?

Bích cười nụ, đôi môi đỏ thuỡi ra :

— Có lẽ mình sắp lấy vợ.

Bình tặng hẳng một cái khôi hài :

— Nghe được đấy nhé !

Bích nói chậm từng tiếng êm nhẹ :

— Châu là học trò của mình..

Bình ngạc nhiên, buột miệng :

— Bích và Châu ! hợp đến thế ?

Bích vênh mặt, nheo mắt thú vị :

— Ừ, mình cũng thích ở chỗ, tên hai đứa ăn khớp quá ! Duyên số chăng ? Cậu biết không, tuy mình chỉ có cái xe tồi này, lại *đơn thương độc mã* nữa, nhưng đã hạ cả lũ *khách biên đình, dù mặt anh hào*..

— Dĩ nhiên rồi !

— Bây giờ chỉ còn mỗi việc lên trình diện ông bà bô của Châu ở đồn điền. Ban nãy, Châu vừa hẹn mình mai đi.

Bình gõ một ngón tay trên lưng Bích :

— Chỉ có thế mà cậu bắt tôi chờ ?

Như chợt nhớ ra điều gì, Bích phóng xe nhanh hơn :

— À quên, từ nay cậu không được đi đâu xa đấy nhé, phải sẵn sàng, ỡi một cái thì phù rể cho mình ! Bù lại, trong khi đi vắng, mình để xe cho cậu, tha hồ mà bát !

Bình nghĩ thầm « nó đang cao hứng ».

Từ xa Bình đã để ý trông chừng con đường đất rẽ xuống khu cư xá. Anh ước chừng xe hơi cũng đi vừa, có thể vào đến sát cổng nhà ông Thoại. Nhưng ngay lúc chiếc taxi mới chạy tới địa đầu cánh rừng cao su, chỗ ngã ba đồ giốc, Bình đã bảo « stop ».

Chiếc taxi đã chạy khuất trong cánh rừng cao su, Bình hãy còn đứng nguyên, nhìn bao quát hết một vùng dưới thấp. Chung quanh khu cư xá, đám ruộng khô, đang đánh luống dở dang, những cọng gầu kín nước tưới đang sật gù hay hay, buồn buồn, có cả giống chim gì khá to bay chuyền hàng đàn. Bình chớp mắt lạ lắm. Anh ngạc nhiên vì đã đi qua đây nhiều lần, mà chưa bao giờ để ý thấy khung cảnh nên thơ trước mặt. Từ cảm nghĩ xa lạ đó, Bình còn lắng rõ được nỗi băn khoăn, bồi hồi có sẵn trong lòng, càng ngổn ngang thêm.

Bình lững thững đi xuống giốc.

Liếc đồng hồ tay, mới hơn chín giờ, anh nghĩ thầm mình đến thăm ông Thoại thật đúng lúc. sáng chủ nhật, vào khoảng này, ai ngủ trưa nhất cũng phải dậy rồi, và nhất là chưa kịp đi vắng. Nghĩ thế, Bình lại chợt nhớ một điều tự hẹn duy nhất, cố hữu của mình, lát nữa anh sẽ chỉ ngồi chơi lâu nhất là nửa giờ, để tỏ ra biết thận trọng, khác xa Duật ! Nhưng mới tự hẹn xong, Bình đã chợt ngượng thầm, ở chỗ anh đã muốn làm ra hơn Duật.

Bình cứ nghiền-ngẫm không dâu mãi. Bất chợt, cơn mưa trái mùa ào tới. Bình chỉ kịp có phản ứng xuất thần, chạy như lao đến cái cổng gỗ đằng tàu ước. Cổng đóng. Đang giận trời, giận thân, Bình lại càng bối rối vì anh cứ sợ mình đang làm trò cười cho ông Thoại và Nhị ngồi khuất ở đâu đó trong nhà.

Tình cờ ông Thoại bước ra hiên, vừa thấy Bình, ông đã ngoắt vội vào, thốt lớn :

— Kìa, ấy chết !

Trong một thoáng, ông Thoại đã trở ra, vừa chạy vừa đội nón có cả cái ô đen đã giương sẵn. Cùng một lúc, ông Thoại vắt cao tay qua cánh cổng trao cái ô cho Bình, tay bên trong mở khóa :

— Ông Bình. Ướt hết rồi còn gì.

Bình chưa kịp trả lời, ông Thoại đã giắt anh cùng chạy vào hiên. Hai người mới đặt chân lên thềm, Bình còn mải chấm khăn thấm nước mưa trên mặt, không nhận thấy dáng điệu quây-quả của ông Thoại. Ông Thoại cứ ngó quanh như thắc mắc điều gì nghiêm trọng lắm. Một lát, ông hướng về phía cầu thang, gọi với lên lầu :

— Nhị ơi, mau lên con, ba đã bảo có ông Bình đến chơi mà !

Nhưng Nhị đã xuống nhà dưới tự lúc nào, nàng hiện ra ở khung cửa căn phòng bên trái :

— A anh Bình !

Ông Thoại giang tay ra hiệu mời Bình ngồi, cử chỉ cố tình làm ra khoan thai, nhưng vẫn có vẻ hấp tấp :

— Con ra hầu chuyện ông Bình.

Ông đội nón, đã bước xuống sân, nhưng sực nhớ, lại nói vọng vào :

— À, xin lỗi ông Bình, tôi dở chút việc, xin trở lại ngay.

Rồi ông chạy băng qua sân, khuất dưới khu nhà bếp.

Lúc Bình ngoảnh lại, Nhị đang ngồi gấp người xuống, úp mặt trên hai bàn tay, thoạt trông cũng biết nàng đã thấm mệt vì phải nín cười lâu rồi Bình chột dạ, nhìn sững :

— Tại sao Nhị cười ?

Mãi Nhị mới ngửng lên, tay chận ngực, tay nắn tóc, giọng nói cắn rằng ngộ-nghĩnh :

— Em vừa làm tội ông cụ, thế nào rồi cũng được nghe « hát cải lương » cho mà xem !

— ?

— Ông cụ đang « buồn » đi làm cái việc cần thiết nhất trong ngày..,

Bình bật cười. Được thể, Nhị lại cười theo, vẫn cười không ra tiếng, chỉ ấm-ức :

— Thế mà... em... lại để... ông cụ phải chờ !

Nhị cứ dấu mặt, trấn áp trận cười. Bình lặng lẽ ngắm Nhị, lần đầu tiên anh thấy Nhị mặc tấm áo ngắn may bằng vải Thượng sặc-sỡ, hở cổ, tay thụng, cài cúc đằng sau, trông nàng vừa tinh nghịch, vừa lạ mắt, và càng thêm đáng yêu.

Đang nhiên, Nhị ngồi thẳng dậy, bừng tỉnh, cái dáng điệu giả vờ hốt-hoảng :

— Thôi chết rồi, em phải đi pha nước anh uống chứ. Để anh ngồi không thế này, ông cụ sẽ « cốc » biêu đầu !

Bình khẽ xua tay :

— Thôi, anh về bây giờ đây mà.

Nhị mím môi, bĩu lên một cách nũng-nịu :

— Chưa chi anh đã đòi về ! Anh uống cà-phê hay là uống trà tàu ?

Nhị đã đứng sẵn trước cái tủ chè, chờ đợi.

Trông theo Nhị, Bình chợt để ý trong ngăn kính có bộ ấm chén nhỏ xíu màu gan gà, anh âu-yếm ngước lên mắt Nhị :

— Cho anh uống trà chắc thích hơn.

Nhị vẫn cúi đầu chăm chậm theo câu nói của Bình, cái cử chỉ ở người đang đón nhận điều gì đúng với sở thích của mình :

— Phải rồi đấy. Em cũng thích anh uống trà. Còn cà-phê thì thường quá !

Mưa đã tạnh từ bao giờ. Ngoài cửa sổ đầu vườn, một cành vú sữa sa thấp, những mặt lá còn ướt đẫm vừa phản chiếu ánh nắng vừa quẩy gió trông hoa mắt như cả chùm bướm trắng đang múa cánh.

Lúc Nhị đặt ấm nước lên bếp điện, tình cờ nàng cũng ngó ra sân, reo thích :

— A nắng to rồi !

Nhị đã toan trở vào nhưng lại thôi, nàng đặt tay bên má, vời vời trên đầu năm ngón. Bình đến bên Nhị, cũng trông theo nàng. Trước nhà bếp, một bà cụ đang khệ nệ bưng nia củ cải đem phơi. Nhị mỉm cười hóm hỉnh :

— Để kho cá đấy anh ạ, ngon không ?

Bình chưa trả lời, Anh còn mải ngắm bà cụ. Bà cụ đã già lắm, lưng còng đến nỗi vênh cả hai cánh tay ra đằng sau, tóc để ngắn, bạc hết, gẫy khúc trong vành khăn nhiều ngộ nghĩnh như bó miến tấm yếm nâu thật hoài cảm, đượm nhớ quê ngoại. Bình nhíu mắt lạ lắm :

— Ai đấy Nhị ?

Nhị cũng nghiêng đầu ngắm bà cụ :

— Vú Tơ đấy ạ. Vú ấy ở với ba mẹ em mãi từ dạo chưa có em. Bây giờ vú ấy không cần lấy tiền công nữa, chỉ giao hẹn một điều, hễ vú ấy chết, thì ba em phải làm ma tử tế.

Bình lại ngoảnh nhìn Vú Tơ

— Nhưng trông bà cụ còn thọ lắm.

Nhị bỡ ngỡ ngước lên mắt Bình :

— Sao anh biết ? à có lẽ cũng đúng. Vú Tơ thế mà khỏe ghê ba em đã mượn người giúp thêm vú ấy. nhưng vú ấy vẫn chăm làm như thường...

Từ phía đầu hè, tiếng guốc của ông Thoại vẳng lại. Bình và Nhị, chẳng ai bảo ai, cùng mỉm cười trở vào phòng khách. Nhưng Nhị không ngồi, nàng đứng nép bên cái tủ chè, khoanh tay, nói thầm, giọng hóm-hỉnh :

— Lạy cụ ạ, rước cụ ngồi ạ !

Bình suýt bật cười. Nhưng ông Thoại đã lên tiếng từ xa :

— Nhị pha nước chưa con ?

Bây giờ ông Thoại đã trở lại cốt cách an-nhàn, thoải mái trông thấy hơn nữa, trên sắc diện còn phảng-phất đôi chút gì hả-hê lạ-lùng. Ông chậm rãi, hai ngón tay rón rén, lần-lượt ngửa hai chiếc chén hạt mít, lời lẽ cũng nhẩn nha ăn nhịp với cử-chỉ nương nhẹ.:

— Ấy tôi và cháu Nhị vẫn mong tin ông luôn. Cháu Nhị thì cứ thắc-mắc lâu quá ông chưa đến chơi. Hôm nay được gặp lại ông, chắc là cháu Nhị mừng lắm...

Đứng sau ông Thoại, Nhị đang cắn ngón tay út. Bình thoáng lừ mắt, ngụ ý lập nghiêm. ra vẻ người lớn để trêu tức Nhị :

— Thưa cụ, cụ tha lỗi cho, tôi bận quá, thành thử...

Ông Thoại vừa vấn xong điếu thuốc bào, đưa Bình để anh dán lấy :

— Tôi lại sợ rằng đã có điều gì sơ xuất, để ông thất ý. Ấy cũng chỉ « chuyến đò nên quên », mà ông Duật đã đến chơi mấy lần rồi. Có điều ông Duật làm tôi rất khó nghĩ. Ông ấy bầy vẽ quá, lần nào cũng cho quà...

Vẫn đứng sau ông Thoại, Nhị nhăn mặt, rồi lảng ra hiên. Ông Thoại dịt thuốc vào miệng tẩu :

— Hộp thuốc này là của ông Duật cho tuần trước. Ngon lắm phải không ạ ?

Bình chỉ « dạ » một tiếng vô nghĩa. Ông Thoại tiếp :

— Tôi có người bạn cho ít sâm tốt, định đến thăm ông Duật, nhân thể biếu lại để ông ấy giải nhiệt sau khi dạy học thì hợp lắm. Nhưng ông Duật cho cái số nhà thế nào mà tìm mãi không thấy !

Ông Thoại định chế thêm nước cho Bình, nhưng anh đã kịp đỡ lấy đáy chuyên :

— Xin phép cụ.

Anh trở nên lạnh nhạt :

— Xin phép cụ, tôi về, vì còn dở chút việc ạ.

Đang cắm cúi sửa lại điếu thuốc ông Thoại ngửng vội lên, ngơ ngác :

— Ấy, sáng chủ nhật, ông bận gì mà vội thế ? thư thả đã nào...

Bình đã rời chỗ, càng lạnh nhạt hơn :

— Cụ để cho lần khác ạ.

Ông Thoại ngần ngừ một lát rồi cũng đứng lên, bước theo Bình.

Nhị đang ngồi ở chiếc ghế xi-măng, mé vườn, sát lối đi ra cổng, hai tay ngượng ngập chuyền qua chuyền lại những viên sỏi. Chờ hai người đến gần. Nhị mới đứng dậy, nàng chỉ khẽ cúi đầu chào Bình, rồi chớp mắt ngoảnh vội đi ngay.

Vừa lúc, Bình cũng tưởng chừng anh đang gặp phải điều gì oan ức chỉ thoạt buồn thôi, nhưng đã gờn gợn nhiều ý vị mênh mông. Rời ray ông Thoại. thốt nhiên, Bình cảm thấy ngại cả quãng đường trước mặt. Anh mường tượng thấy mình đang nghi hoặc chính mình.

Từng bước, từng bước, Bình tỉ mẩn so sánh, lựa lọc ra một số sự kiện vừa xong. Ông Thoại chịu khó dầm mưa, chạy ra cổng. Cái ô giương sẵn. Nhị thân mật. Ông Thoại cho biết Nhị vẫn nhắc đến Bình luôn Ông Thoại cũng cho biết đã thân hành đi tìm Duật, để cho ít sâm tốt... Thử cân nhắc. Bình ngẫm thấy hình như ông Thoại vẫn xem như Nhị còn bé, chắc vì thế ông mới tình thật nói cả chuyện không nên nói rằng Nhị nhớ Bình Nghĩ thế Bình cho rằng trường hợp ông Thoại đi tìm Duật cũng chỉ có tính cách tự nhiên, ông muốn cư-xử sòng phẳng, chứ không phải biệt đãi Duật. Rồi Bình sực nhớ ông Thoại chưa tìm thấy nhà Duật.

Lòng anh nhẹ bẫng hẳn đi. Bất giác, Bình buột miệng suýt-soa tự mãn một mình.

Vô cớ, Bình cứ đoan chắc Duật vẫn bần cùng đến nỗi không có một chỗ ở nhất định. Bình càng nhất quyết chẳng bao giờ Duật

chiếm được Nhị. Bình lý luận thầm, dù cho Duật săn đón Nhị, lấy lòng ông Thoại, nhưng đến kết cuộc, Duật cũng khó có thể tự mình ngỏ ý với ông Thoại, xin cưới Nhị. Bình kiêu-hãnh thầm, công việc đó còn đòi hỏi một số điều-kiện khác nữa, Duật không có, nhưng Bình có. Bình chặc lưỡi :

— Chị Dậu !.

Dẫn mạnh gót giầy, Bình cảm thấy mình vững mạnh hơn hết bao giờ, tâm óc cũng trở thành ngăn nắp ổn thỏa chưa từng thấy, vui choàng dậy, xô quyến, lũ lượt. Một lát, Bình chợt mang máng, ngờ ngợ hình như trong dĩ-vãng, chưa xa lắm, anh đã từng được hưởng thụ tâm-trạng nô-nức đúng hệt như hiện thời, Bình mới thoạt soi ngắm vào quá khứ, một kỷ-niệm gần nhất đã hiện về. Hảo.

Sớm hôm đó, Bình sắp đi tu nghiệp ở ngoại quốc, anh đã tìm gặp Hảo để căn dặn những điều cần thiết. Khu rừng non bên đường. Nắng mai hồng dịu lùa vào những ngõ lá, óng thành đủ thứ màu vàng, na ná vết cọ sơn từ thẫm ra nhạt, đẹp in hệt bức

tranh mầu trồng. Quả núi đằng xa, cuối khúc quanh, chín mọng như trái hồng. Gió ban mai hây-hẩy, mát lạnh, trong hơi sương còn thoảng mùi cỏ non thơm-thơm, chan-chát, ngòn ngọt. Bình lần thần ép uổng :

— Hứa với anh đi !

Nàng mím miệng, vung nắm tay xinh nhỏ lên cao :

— Em chờ. Một năm, chứ mười năm, em cũng chờ.

Bình sung sướng đến bồng bột, anh đã ngắt một bông hoa mái, xoay mạnh giữa ngón chỏ và ngón cái, thả lên không, quay tít. Có một chiếc lá phong, chắc đã rụng từ mùa thu trước, bết vào đất, chỉ còn trơ lại cái xác, màng và gân trắng nuột như ngà. Bình đã say mê đạp cỏ gai, nhặt bằng được chiếc lá đó, phủi lấm, thổi bụi, để người yêu ép vào quyển kinh. Từ xa vẳng lại tiếng suối chảy rộn ràng tưởng chừng có rất nhiều guồng tơ đang quyến nhanh...

(trích chuyện dài «KỶ NIỆM HỒI TRONG NĂM)

● ★

HỶ TÍN

Chúng tôi có nhận được hồng thiếp của cô **Công-Tằng Tôn-Nữ Hỷ-Khương**, thứ nữ của Bà quả-phụ Ưng-Bình, 72/65, Trần hoàng-Quân, Chợlớn, báo tin lễ thành-hôn với cậu **Trần-Bá-Thùy**, thứ-nam của Ông và Bà Trần-bá-Mật, 2 Nguyễn-tấn-Định, Huế. Cử-hành tại Saigon ngày 25 tháng 2 năm Bính Ngọ (16-3-1966).

Xin thân mến mừng Nữ-sĩ Hỷ-Khương, và cầu chúc đôi bạn tân hôn được trăm năm hạnh phúc.

NGUYỄN-VỸ

Toàn thể Anh chị em Tao-Đàn Bạch-Nga thân ái mừng bạn Hỷ-Khương và tân lang.

Tao-Đàn Bạch-Nga

Mình ơi, có

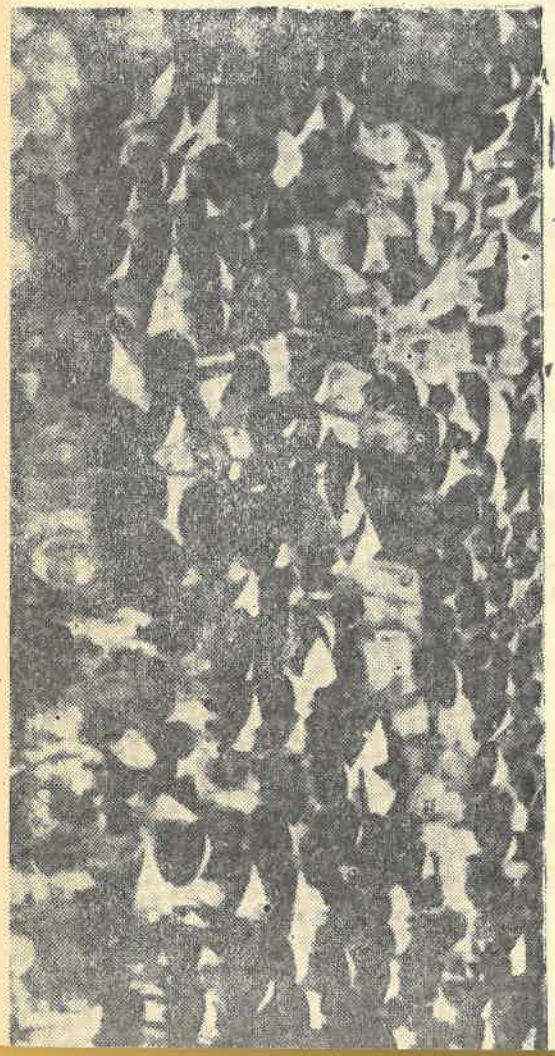

thực hiện được NAM NỮ BÌNH QUYỀN không ?

BÀ TÚ đi Sàigòn về, mặt quạu, vứt cái giỏ nylon trên giường, chạy đến ngồi cạnh ông Tú. Ông đang bận làm thơ, nằm bẹp trên sàn nhà với một gói thuốc salem và một ly cà phê sữa trước mặt.

— Mình ơi, Mình làm xong bài thơ rồi Mình đi mua cho em chiếc xe Peugeot 203, Mình nhé ?

Ông Tú chưa kịp trả lời, bà nói tiếp :

— Chiều nay Mình cho em đi học lái xe nhé ? Mình chịu hông, Mình ? Không phải em bắt chước mấy con mẹ lái xe Huê-kỳ chạy rong ngoài phố để lấy le đâu. Em muốn làm tài-xế taxi cơ, Mình à. Em tính thế nầy nè, nếu Mình ừ một tiếng là em thực hành liền. Mình mua cho em một chiếc Peugeot 203, xe cũ cũng được, em làm xe taxi, em đi học lái xe, thi lấy bằng đàng hoàng rồi em làm nghề tài xế taxi. Mình ừ đi, Mình !

— Sao hôm nay em lại cao-hứng muốn làm tài-xế taxi ?

— Để em nói Mình nghe nhé. Hồng phải em cao hứng đâu. Tại vì em tức quá. Mấy chú taxi đàn ông dạo nầy làm tàng quá sức. Em đi từ Sàigòn về đây mọi khi trả 12 đồng là đúng theo đồng hồ taximètre, vậy mà hôm nay họ không chịu vặn đồng hồ, về đến ngã tư Phú-nhuận họ bắt em trả 25 đồng.

— Em trả bao nhiêu ?

— Em cũng trả 25 đồng sau khi cãi lộn với cái ông tài-xế, nhưng em cãi hồng lại ổng. Em căm lắm. Em nhứt định từ nay hồng đi taxi đàn ông nữa. Em sẽ ra làm tài xế taxi. Không những thế, em còn sẽ cổ-động cho phụ nữ làm tài-xế taxi thiệt đông, để cạnh tranh với taxi đàn ông, cho chúng nó chết đói một mẻ. Em tức quá cơ !

— Bây giờ em hết tức chưa ?

— Chưa. Em còn đủ tiền để mua về cho Mình một gói salem, bị cái thằng cha taxi đó nó cướp mất của em gần phân nửa tiền, em chỉ còn có 25 đồng. Có giận không !

Hôm nọ, em cũng bị một cú lên ruột với một ông taxi khác. Em đứng đợi cả giờ mới thấy cái taxi trống. Em ngoắc. Cách chỗ em đứng có một con vợ Mỹ cũng đón taxi. Em ngoắc trước, thế mà taxi đỗ rước mối

con vợ Mỹ, nó cho em ra rìa. Mình coi, không tức lộn ruột sao được chớ!

— Thôi, em ! Thời buổi đảo lộn nầy còn biết bao nhiêu chuyện đáng tức nữa, đâu riêng gì chuyện taxi. Hết chiến tranh thì những bọn bất lương không còn làm ăn được nữa đâu. Còn việc em muốn làm tài xế taxi thì anh sợ nghề đó không hợp với em.

— Sao không hợp, hả Mình ?

— Nghề taxi để dành riêng cho đàn ông, phụ nữ yếu đuối...

— Thời buổi nầy, NAM NỮ BÌNH-QUYỀN, em tưởng nghề nào đàn ông làm được thì phụ-nữ tụi em cũng làm được chớ. Lái xe Peugeot 203 và cần gì phải mập mạnh. Đời bây giờ văn minh tiến-bộ, phụ-nữ lái máy bay còn được nữa là lái xe hơi.

— Các cô, các bà muốn lái xe đi chơi, hay đi dạo mát thì được, còn lái xe taxi để cạnh tranh với đàn ông thì chắc là dư luận sẽ...

— Dư luận sẽ cười tụi em à ? Bộ phái nữ tụi em không có quyền làm tài-xế taxi sao ?

— Nào ai cấm ? Nhưng...

— Em dám chắc nếu đàn bà con gái ra làm tài - xế taxi thì taxi đàn ông thất nghiệp hết ! Chết đói nhăn răng cả đám !

Ông Tú nằm lăn ra sàn gạch hoa, cười hả-hả. Ông hỏi bà Tú :

— Em nói cho anh nghe, tại sao các bà các cô chạy taxi thìsẽ dành hết mối của taxi đàn ông ?

— Tại vì tài-xế phụ-nữ bao giờ cũng duyên-dáng, yêu-kiều, diệu-lành hơn tài-xế đàn ông. Taxi đàn ông cộc cằn, thô lỗ, lại hay bóp hầu bóp họng người ta. Như chú taxi ăn gian của em mất 25 đồng lúc nãy đó ! Đã bất lương lại còn hỗn nữa.

— Thế nghĩa là phụ-nữ chạy taxi sẽ lợi dụng sắc đẹp để cạnh tranh với taxi đàn ông ? Thế là cạnh tranh bất chính đấy nhé.

—Không phải cạnh tranh bằng sắc đẹp.Nhưng đời nay Nam Nữ bình-quyền,hễ đàn ông làm nghề gì thì đàn bà cũng làm nghề ấy được.Đấy là cạnh tranh vì quyền lợi. Dù sao em cũng rất tán-thành chủ - trương Nữ quyền. Không thể như thời xưa, đàn bà con gái bị đàn ông ăn hiếp,

bắt ở trong gia đình hoài, không cho ra hoạt động ngoài xã - hội ngang hàng với đàn ông, không cho hưởng quyền lợi như đàn ông, không cho ở địa vị độc tôn của đàn ông. Những câu chữ Nho như : « *Nhứt Nam viết hữu, thập nữ viết vô* »... « *Phụ nhơn nan hóa* »... « *Nữ sinh ngoại tộc* », v.v... và v.v.... bây giờ nghe nó hủ-lậu quá chừng !

Tụi em không hiểu tại sao nước Việt - Nam mình thuở xưa, và cả đến Thế-kỷ nguyên-tử nầy, kể ra cũng là một nước khá văn-minh chớ, thế mà lại có một chánh sách « *trọng Nam khinh Nữ* » rất ư là... là... độc-đoán, là... bất công làm sao !

— Em quên rằng Việt - Nam mình là một nước đã thực hành Nữ-quyền sớm hơn cả thế-giới. Trong lịch-sử nhân loại, không có dân tộc nào sản-xuất được những vị Nữ-tướng như Trưng-Trắc, Trưng - Nhị, Triệu - Ẩu, những thiếu - phụ và thiếu - nữ mới vài chục xuân xanh đã phất cờ khởi nghĩa, cỡi voi ra đánh đuổi quân xâm lăng.

Đàn bà Âu-Mỹ mới khởi sự biết đòi Nữ-quyền từ Thế-kỷ XIX mà thôi. Chớ ở Việt-Nam trước đây gần 2000 năm, em không thấy hai chị em **Trưng-Nữ** đã nêu cao gương **Nữ quyền** oai-linh rực-rỡ ở đất Mê-Linh rồi đó sao ? Mãi đến nay, ở thế-kỷ bom nguyên-tử, và hỏa - tiễn, anh hỏi em trên khắp hoàn cầu nầy đã có một người đàn bà nào thực hiện được Nữ-quyền như **Trưng-Trắc** chưa ? Đó là một thí dụ cụ thể nhất trong Lịch-sử Nhân loại, và một bằng chứng hùng-hồn nhất về Nữ - quyền được thực hiện và tôn-trọng ở Xã-hội Việt-Nam gần 20 thế kỷ trước cả các nước văn - minh hiện nay trên Thế-giới. Có Nữ-quyền nào cao cả và đángtôn-kính,quý-trọng hơn Nữ-quyền đề-cao nhiệm vụ tối thiêng liêng của phụ nữ trong châm ngôn « **Đền Nợ Nước,Trả Thù Chồng** » ? Việt-Nam mình bị kẻ ngoại quốc ngạo mạn coi như một Dân tộc nhược-tiểu, họ dìm hẻi những giá-trị tinh-thần cao quý nhất của ta, chứ nếu các nước họ có được một Trưng-Trắc như Việt-Nam, thì họ đã tạc tượng đồng, đề cao lên mây xanh, phổ biến uy-danh của Nàng lên khắp hoàn cầu từ 20 thế-kỷ rồi.

Một Jeanne d'Arc không thể nào so sánh kịp với **Trưng-Trắc** (họa may sánh được với **Trệu-Ẩu** mà thôi), ấy thế mà dân tộc Pháp khéo tuyên truyền chung quanh tên Nàng để được vang lừng cả thế giới, đến cả Giáo-hội Thiên - Chúa. La - Mã cũng tôn Nàng lên bậc Nữ-Thánh.

Trưng-Trắc là người đàn bà tiên-phong trong Lịch - sử nhân-loại, tượng trưng cho **Nữ Quyền** đến một mức tuyệt đối, từ thời Trung-Cổ. Đến Thế-kỷ XVIII, người đàn bà thứ hai, cũng là giòng dõi Việt-Nam, Nữ-sĩ HỒ-XUÂN- HƯƠNG, đã đề cập đến Nữ-quyền mà các phụ nữ Âu-Mỹ ở Cận-kim-thời-đại chưa đạt đến trình-độ mỉa-mai và tinh vi đến như thế.

Hai câu thơ của nàng viết trên tường miếu Sầm - nghi-Đống, trong lúc nghĩ đến trận Đống-Đa oanh liệt của Quang-Trung :

« Vì dầu đây được làm trai nhỉ,
Sự nghiệp anh hùng há bấy nhiêu ?»

Hồ-xuân-Hương chê Hoàng-đế Quang-Trung mà sự nghiệp làm trai chỉ có một trận đó thôi. Nếu Hồ-xuân-Hương là đàn ông, thử xem ! Mười-bảy thế-kỷ sau Trưng-Trắc, **Hồ-xuân-Hương**, nữ Thi-sĩ độc đáo của Việt-Nam, (và cả Thế-giới không nước nào có một nhà Thơ thâm thúy như nàng), kêu lên tiếng nói uy-nghi của Nữ-giới, chê sự nghiệp của một võ tướng lừng danh trong Lịch-sử để gián tiếp đề cao giá trị tinh thần bất - uy bất khuất của người đàn bà Đại Việt.

Thỉnh-thoảng Hồ-xuân-Hương thốt ra một tiếng căm hờn về tâm lý khả ố của người đàn ông, như trong hai câu thơ bóng gió tả cái đu :

« Chơi Xuân đã biết Xuân chăng tá,
Cột nhỏ đi rồi, lỗ bỏ không ».

Tâm-lý ích kỷ của người đàn ông được thỏa mãn tình dục rồi coi rẻ người đàn bà, bị Hồ-xuân-Hương phơi bày ra trắng trợn để thét lên tiếng uất hận khinh bỉ của người phụ nữ. Nhưng để trả thù lại kẻ đàn ông khốn kiếp, cô nữ-sĩ Việt - Nam của Thế-kỷ XVIII, đã tạt vào mặt nam giới hai gáo nước lạnh :

« Hiền nhân quân tử ai là chẳng ?
Mỏi gối chồn chân cũng phải trèo ! ».

Giọng thơ mỉa mai đó không phải mầm-móng của Nữ Quyền là gì ? Không chịu nhượng bộ người đàn ông, quyết bảo vệ lấy phẩm cách và địa vị của người phụ nữ (*la condition de la femme*) đối với nam phái, đó chính là khởi điểm của Nữ quyền vậy.

Trên phương diện đó, người đàn bà Việt - nam không những đã chứng tỏ rất hùng hồn sự bình quyền bình đẳng của họ đối với Nam giới, mặc dầu bị luân lý Khổng, Mạnh gắt gao với họ, mà họ lại còn tỏ ra đi tiên phong trên con đường đề xướng Nữ quyền, « giải phóng » phụ nữ trên thế giới. Ở lãnh vực chính trị cũng như văn nghệ, cả trong phạm-vi gia-đình mà họ được tôn là ***« Nội Tướng »***, người phụ nữ Việt-nam không hề bị người đàn ông đè nén, hay áp chế bao giờ. Người đàn bà V. N. không hề bị làm nô lệ. Cho cả đến phương diện nghề nghiệp và sinh hoạt chung trong gia đình, ngoài xã hội, người phụ nữ Việt-Nam không phải chỉ đóng vai « Nội trợ » mà thôi. Họ còn đem trí thông minh và tài năng thiên phú của họ vào công cuộc tham gia văn-hóa, thi, văn, nhạc, cũng như nông nghiệp, ngư nghiệp, thương mãi, chung sức với đàn ông để sản xuất, xây dựng kinh tế gia đình.

— Bộ Mình cho rằng trước đây và ngay bây giờ, người đàn ông Việt Nam không dành quyền ưu tiên trong các sinh hoạt gia đình, xã-hội ? Lấy thí dụ một việc nho nhỏ như nghề tài xế taxi, người đàn ông đâu có để cho đàn bà làm ?

Ông Tú nhoẻn một nụ cười, đặt nụ hôn âu yếm trên má bà Tú, và dịu dàng bảo :

— Anh đâu có cản trở em làm tài xế taxi ? Pháp-luật của nước nhà cũng đâu có cấm em làm nghề đó. Em xem, xã hội văn minh của loài người mỗi ngày mỗi tiến bộ, thì người đàn bà cũng mỗi ngày mỗi vượt lên địa vị của họ, ngang hàng với đàn ông, đâu có sút kém về phương diện nào ? Ngày nay, không những

phụ nữ đã lái xe hơi, mà lái cả tàu bay, ngồi cả trong phi thuyền bay vòng quanh trái đất nữa cơ chứ ! Em có thể học lái phi cơ, hay lái hỏa tiễn lên Trăng để thăm cô Hằng Nga, có ai dám cấm ?

Chứ đừng nói là lái xe Peugeot 203, làm tài xế taxi !

Nhưng, có những công tác, hoặc

COLETTE DUVAL Quán quân nhảy dù Pháp

VALENTINA TERECHKOVA (Nga) phi thuyền gia

nghề nghiệp mà đàn ông không muốn để cho phụ nữ đảm đương, không phải vì chê « phái yếu », mà chính vì tôn-trọng sắc đẹp và sức khỏe của người mà Thượng-đế đã giao phó cho một nhiệm-vụ thiêng liêng cao cả hơn, tức là nhiệm vụ làm vợ và làm mẹ.

Thí dụ như làm tài xế taxi, phải biết dùng xăng dùng nhớt, sửa chữa máy móc trong khi xe bị pan giọc đường.

— Em làm được những công việc đó. Đâu có gì khó ?

— Chẳng có gì khó cả. Nhưng dầu mở dính tay dính mặt của em, bẩn áo bẩn quần của em, và khi em có thai nghén thì em làm sao ? Đó là lấy nghề tài xế taxi làm thí dụ mà thôi, vì em thích làm nghề đó. Còn bao nhiêu những nghề khác không thích hợp với điều-kiện của người phụ nữ.

Duy có nghề cao quý nhất là nghề làm Mẹ, làm Vợ, thì đàn ông không làm được, vì thế nên đàn ông quí mến người đàn bà, tôn trọng người đàn bà, đôi khi còn phải phục tùng người đàn bà nữa. Đó là uy quyền của người phụ nữ. Yếu tố quan trọng nhất xác nhận *Nữ-quyền*, là quyền làm Vợ, quyền làm Mẹ, quyền sinh sản ra nhân loại. Cho nên trong bất cứ xã hội nào, ở bất cứ thời đại nào, người phụ nữ đã có sẵn Nữ-quyền xây dựng trên tình yêu, tình thương, những quyền ưu tiên đó mà Tạo-hóa đã dành riêng cho phái đẹp, người đàn bà không cần phải đòi hỏi. Người đàn ông không tranh dành, không cướp giựt.

— Mình nói đúng. Nhưng phụ nữ chúng em thường bị đàn ông ăn hiếp, viện cớ đàn ông là phái mạnh, tụi em là phái yếu...

— Danh từ « Phái yếu » đã hoàn toàn lỗi thời. Ngày nay chúng tôi xưng tụng các bà các cô là « *Phái-Đẹp* » đấy ạ.

— Đó là vì Mình *galant*, « nịnh đầm », chớ trong xã hội đàn bà vẫn bị coi rẻ.

— Em đừng nói oan cho « phái xấu » chớ ! Em xem nhé, trong gia đình, con trai và con gái có khác gì đâu về quyền hạn ? Con trai đi học, con gái cũng đi học. Con trai được Ba má cho tiền để sắm chiếc đồng hồ, bộ áo quần tergal, thì con gái cũng được Ba má cho tiền để mua nào là nước hoa Intimate, 200đ một chai, nào là phấn bôi má, son đánh môi, nào là nhẫn, hoa tai, giây chuyền, nào là quần Satin, áo nylon, hoặc áo cao bồi, quần ống túm. Tóc thì cậu con trai ra tiệm hớt chỉ tốn 20đ, 25đ, còn cô con gái thì nay đơm theo mốt Đống Rơm, mai để cái Đuôi Ngựa, mỗi lần ít nhất cũng 100 tỳ. Như thế là

Nữ-quyền vẫn thắng đấy. Ngoài xã-hội, phụ nữ cũng làm bà Giáo-sư Trung-học, Đại-học, bà Tiến-sĩ, bà Bác-sĩ, bà Luật-sư, cô Nữ-sĩ, bà Nhà Văn, bà Chủ báo, bà Đại-sứ, bà Thủ Tướng, có kém gì đàn ông đâu nào ? Trong Quân-đội phụ-nữ tình nguyện ra tòng quân đã đóng lon Đại-Úy, Thiếu-Tá, Trung-Tá, chưa kể cái lon « Nội Tướng » điều khiển bếp núc trong gia đình mà tất cả phụ nữ Việt-Nam đều có quyền hãnh-diện. Đấy, Nữ-quyền đó chớ đâu.

Bà Tú trề môi « xí » một cái rồi bảo :

— Hồi thời trước, con gái đâu được đi học.

— Thời trước con gái không được đi học, vậy thì làm sao có những đàn bà văn hay chữ tốt như bà **Đoàn-thị-Điểm**, bà **Huyện-thanh-Quan**, cô **Hồ-xuân-Hương** ? Ở Âu-Mỹ, năm 1880 mới mở trường Nữ Trung-học đầu tiên, năm **1924** nữ-sinh mới đi thi Tú-tài, nhưng thế kỷ XVII đã có những bà nữ-sĩ lừng danh như Bà **de Sévigné**, thế kỷ XVIII cô **George Sand**, thế kỷ XIX bà **Stael**. Cũng thế kỷ XIX, đàn bà

Thế kỷ XIX, phụ nữ Anh biểu tình trên các đường phố Luân-Đôn, đòi quyền bỏ phiếu.

Âu Mỹ đòi quyền cử tri, và đòi ứng cử ra Quốc hội. Nhưng em nên biết rằng đó chỉ là một cách nhõng nhẽo thường tình của phụ nữ. Muốn thì đòi cho kỳ được, nhưng đến lúc được rồi lại chóng chán, muốn trở lại nhiệm vụ làm Mẹ, làm Vợ trong gia đình mà bỏ rơi việc quốc-gia.

— Ai bảo Mình thế ? Họ đòi quyền bỏ phiếu là muốn tham gia vào việc chính trị chớ.

— Vâng, nhưng nếu em biết rằng năm 1946, tổng tuyển cử Quốc-hội Pháp, có **39** Nữ nghị sĩ, năm 1951 còn **23** người, năm 1956 còn **19** người, năm 1962 chỉ còn **8** người. Đâu phải vì đàn ông không bỏ phiếu cho họ, nhưng vì phụ nữ không thích làm chính trị nữa, cho nên lúc đầu họ hăng hái bao nhiêu, bây giờ họ chán ghét bấy nhiêu. Số phụ nữ ra ứng cử Quốc-Hội bị sụt xuống dần dần, từ 50*o/o* còn 2*o/o*. Và chính phụ nữ cũng thích bỏ phiếu cho đàn ông hơn là cho phụ nữ.

Không ở xứ nào người đàn bà có quyền hơn là ở Mỹ, vì họ được hưởng một chế độ tự do dân chủ hoàn toàn, tuyệt đối, như công dân bản nam giới. Ấy thế mà sau đệ nhị thế chiến, bắt đầu từ năm 1950 một phong trào « trở về gia đình » nổi dậy trong giới phụ-nữ, đến đỗi số đàn bà ra ứng cử vào Quốc-hội Mỹ sụt từ 60% xuống còn 3% ! Cũng gần như tình trạng ở Pháp.

Trong các trường Đại học Mỹ, Anh, Pháp, (chỉ kể ba nước văn-minh nhất Tây-phương), tính tổng quát từ năm 1920 đến 1958, số Nữ sinh-viên so với nam sinh viên, sụt xuống từ 47% đến 35%. Nghĩa là năm 1920, có 100 Nam sinh viên Đại học thì có 47 Nữ sinh viên. Năm 1958, có 100 Nam sinh viên, chỉ còn có 35 Nữ sinh viên, tức là con số Nữ sinh viên năm 1920 gần xuýt-xoát một nửa số Nam, đến năm 1958 chỉ còn 1 phần 3.

Hiện nay, con số tỷ lệ đó còn sụt đến 25*o/o*, và tính trung bình trong 3 cô Nữ sinh viên Đại học, đã có 2 cô bỏ học nửa chừng để đi «lấy chồng» vì họ thích làm Vợ, làm Mẹ, hơn là làm cô Nữ sinh viên độc thân.... suốt đời. Họ rút kinh nghiệm, thấy rằng con gái càng học cao càng khó lấy chồng. Đàn ông, bất cứ ở xứ nào, cũng thích có một người vợ ngoan ngoãn, hiền lành, hơn

là người vợ thông thái.

— Mình cũng vậy, phải hôn ?

—Ừ. Anh thích có một bà Tú trẻ đẹp như em, và rất hiền lành, rất thùy mị, học lực tương đương Tú tài hay Trung học cũng đủ rồi, hơn là một nữ tiến sĩ, nữ kỹ sư Không gian học, Hàng hải học, hay là nữ khảo cổ gia, nữ Sử học gia, v.v... Nhất là Nữ triết học gia, thì anh xin bái.

— Nữ thi sĩ, văn sĩ, mình chịu không ?

— Chịu, nhưng phải hiền lành trước nhất, và ngoan ngoãn, tận tụy làm vợ hiền, mẹ hiền hơn là làm thơ hay, viết văn hấp dẫn. Trong lúc một nước nhược tiểu như Algérie có một cô **Fadéla M'rabet** (trong quyển *La Femme Algérienne*, nhà Xuất bản Maspéro) gào thét Nữ-quyền đến rát cổ mà không ai nghe, thì ở Pháp, một nữ sĩ có danh tiếng, **Ménie Grégoire** (trong quyển *Le Métier de femme*, nhà X. b. Plon) lại viết : « Nếu có sự áp bức của đàn ông chăng nữa, thì phụ nữ chúng ta phải thẳng thắng nhìn nhận rằng chính người đàn bà đã luôn luôn không những đồng lõa với đàn ông mà còn là người tạo ra sự áp bức ấy ». Nhà Nữ xã-hội-học Mỹ, **Betty Friedan**, trong quyển « *La Femme Mystifiée* » lại còn viết : « Người đàn bà Mỹ, trong suốt mấy năm đi tiên phong trên con đường giải phóng phụ nữ cho được bình đẳng, bình quyền trên mọi phương diện với đàn ông, bây giờ lại chán bỏ cả thế giới để trở về với gia đình riêng của họ.» Betty Friedan kể một câu chuyện ở Mỹ như sau : một bà còn trẻ, thuộc về phái tân tiến nhất ở New York, một hôm nghe đứa con gái nhỏ của bà, bảo : « Chừng con lớn, con sẽ làm Nữ Bác-Sĩ », bà âu yếm nựng con và bảo : «Không, cưng à. Cưng sẽ làm người vợ và người mẹ như má đây ».

Để tóm lại, anh nhắc em nhớ câu anh đã nói lúc nãy : Đối với phụ nữ không có quyền nào thiêng liêng và cao quý hơn là quyền LÀM VỢ và LÀM MẸ.

Bà Tú bá cổ hôn ông Tú và khẽ nói bên tai ông :

— Thôi, em không thích làm nghề tài xế taxi nữa đâu, Mình à. Em thích làm Nội tướng cho Mình cơ. Mình chịu không ?

Dạ, thưa Đại tướng, thằng lính đơ dèm cùi bắp này xin chịu hai tay, hai chưn ạ.

✱ **DIỆU-HUYỀN**

những hạt mưa

những người mẹ tháng ngày sương đổ xuống
hồn trẻ thơ nước mắt chảy vây quanh
đây với đó vết đời không rửa sạch
đàn quạ bay xương trắng dấy lên thành

chiều êm đẹp màu trăng tan trên máu
những hạt mưa soi rõ những thây người
trông cảnh tượng ngàn đời còn tư lự
ôi nhân gian từ tiếng khóc chào đời

ngàn sóng lớp với thác đời cuồng lũ
ngàn tiếng kêu thống thiết của oan hồn
đời rét buốt dắt nhau tìm chút lửa
ngó ngày xưa tan tác đồ bên nguồn

những tiếng nói hiền từ xa xôi mãi
những hoa xinh hương sắc cũng không còn
ngày xuân đến vội vàng như sợ hãi.
những bình minh tiếp nối lửa điêu tàn

✱ **MẶC-TƯỞNG**

bà hai

★ CÔ TƯƠNG-ÁI

Kính tặng Bà Hai, gởi đến vong linh anh Sáu Le, người vừa đền xong nợ nước.

LÀ người công-chức hẳn các bạn thừa rõ tầm quan-trọng của đồng lương. Tháng nào phát ngân viên làm sổ sách chậm trễ một chút, đến hai, ba tây mà chưa có lương, thì « lên ruột » cả dám ! Vào ngày năm cùng tháng hết, đồng lương càng tối ư quan trọng. Thượng cấp rất thông cảm chỗ đó, nên còn cho mượn trước một phần, hay phân nửa số lương vào dịp Tết.

Thế mà năm đó... tôi đã trải qua một cái Tết với hai tháng không lương. Không được lãnh lương trong khi mức chi-phí tăng lên gấp bội, vì không ai phủ nhận được sự tốn kém của một người đàn bà trong khi sanh-sản.

Tôi là một người công chức có lỗi — cái lỗi tăng gia dân số không có ba-tăng ! — nên không được lãnh lương trong khi lâm-bồn, và được đưa đến một vùng quê hẻo lánh gọi là « mai danh

ẩn tích». Mùa xuân năm ấy thật là một mùa xuân ảm-đạm nhứt trong đời ! Bây giờ tôi mới thấm thía với ca-khúc «Cái áo the thâm tàn » của Đan-Trường. Mỗi khi con tôi nhắm mắt hả miệng cất giọng Ténor, thì tôi vỗ nhịp vào đít nó hòa giọng sopiano : « Cái áo the thâm từ ngày tàn. Chú bác anh em quen trong làng, đều làm ngơ. Ngó mình qua... Cái áo the thâm từ ngày tàn. Có sức thiêng xui cho họ hàng, lờ mình đi. Thân thích ly... ». Coi mòi thằng bé không thích âm nhạc cải-cách, nên càng khóc tợn. Tôi xoay qua ngâm sa-mạc :

« Cha đời cái áo rách nầy,
Mất chúng mất bạn vì mầy áo ơi ! »

Tôi nay đang độ mặc áo the thâm tàn nên bạn bè vắng, thân thích ly, căn nhà trọ của tôi hiu quạnh như chùa bà Đanh ! Ngoại trừ Bà Hai suốt ngày ngoáy trầu cọc-cạch. Bà Hai theo sát cánh tôi, vì thương tôi cũng có, mà thực tế hơn, là vì tôi không trả dứt nỗi số tiền bà nuôi đẻ một tháng 700đ, tôi hẹn với bà đến khi tôi lại lãnh được lương. Bà nấn-ná chờ..

Đã chiều 28 rồi, thiên hạ rộn rịp đón Xuân, đã có tiếng pháo rời-rạc vọng lại từ xa. Riêng tôi chẳng biết Tết nhứt là gì, chỉ biết số tiền dành dụm càng cạn theo ngày tháng. Tội nghiệp bà Hai đã già rồi không thiết gì ăn, nên cùng tôi ăn ròng muối tiêu, mà bà không than van gì cả, lại còn khen ăn vậy còn chặt bụng.

Bữa ấy, cơm chiều xong, tôi đang thay tả cho con, bà Hai vào báo có khách. Tôi hơi ngạc nhiên thì anh Sáu « Le » đã hiện ra nơi khung cửa. Tôi vui mừng kêu :

— A ! Anh Sáu... !

Tôi định kêu « anh Sáu Le ». Nhưng may phước, tôi « thắng » kịp ! Danh từ « Sáu Le », được khai-sanh tại khu trù mật Ba-thê. Thuở ấy chúng tôi công-tác bù đầu, nhưng anh Sáu Le thì tà tà « lấy le » cùng mấy cô thanh nữ, vì anh là em ông Quận Trưởng, và anh không có hưởng lương nhà nước. Có bạn tò-mò hỏi :

— Em ruột của ông Quận Trưởng đó à ?

— Ừ, thì em ruột chớ sao ?

— Vậy sao tôi nghe nói ông

Quận này là « con một » mà !

Anh bạn ấy rỉ tai :

— Ấy, em ruột chớ ! Mà đều... ruột dư !

Hôm nay tôi nhìn kỹ lại, thì anh không còn « le » chút nào, từ cái áo sơ mi nhầu nát, đến mớ tóc u-sù. Mà thật vậy, có vợ rồi còn le với ai !

Tôi mừng và quên miệng mời anh ngồi. Anh Sáu Le lúng túng không biết phải an-tọa nơi đâu... Bấy giờ mới sực nhớ ra rằng, ngoài cái ghế bố (mẹ con tôi đang nằm), cái võng, và hai miếng ván kê gần bếp (ngày làm chỗ ăn cơm, đêm, bà Hai ngủ), không còn chỗ nào ngồi được. Gian nhà tôi có thể gọi là « nguyên tử » vì nó vừa là nhà bếp, vừa là phòng ngủ, mà cũng là nơi tiếp khách. Nhưng anh Sáu đã tự nhiên nhảy phóc lên võng đưa tòn ten, cồi bỏ hộ tôi nỗi bỡ-ngỡ.

Khi hiện tại chua cay không hợp vị, không có gì đáng nói, thì người ta hay đào bới dĩ-vãng. Có lẽ anh Sáu đồng tâm trạng với tôi, nên khi tôi khui lại dĩ-vãng thì chuyện nở như bánh phồng tôm.

Hèn lâu nhà không khách, tôi thèm nói, nên ba-hoa, quên rằng Bà Hai đã đốt đèn treo trên vách. Con tôi có lệ, hễ sụp tối là nó khóc đến mòn mỏi ngủ thiếp mới thôi. Hôm nay tiếng khóc vang của nó như gián tiếp đuổi khách. Tôi định dở vú cho nó bú, nhưng ngại sự hiện diện của anh Sáu Le. Tôi thấy 2, 3 bận, anh Sáu dợm về, nhưng không hiểu vì sao anh còn rốn lại. Tôi mở đường :

— Không mấy thuở anh Sáu đến thăm tôi, hẳn có việc gì ?

Mãi đến lúc nầy anh Sáu mới ấp úng :

— Nói thật với cô, tôi tìm đến cô cũng có chút việc, nhưng... nãy giờ tôi ngại quá, không dám vô đề...

Tôi hơi lo :

— Có việc gì anh Sáu ?

Anh Sáu gải tai :

— Không nói giấu gì cô. Tết nhứt tới nơi rồi, mà tôi đang lâm vào thế ngặt... tôi thiếu tiền nhà có 400đ. mà bà chủ nhà nói nếu không trả dứt thì chiều 30 bà ta quăng đồ ra sân...

Lặng thinh một chút, anh Sáu tiếp :

— Mà ngặt nỗi vợ tôi mới sanh có 10 ngày, nó mà biết chuyện e bị máu sản hậu ! Cô làm ơn giúp tôi một chuyến cô Mười ! Tôi còn 100đ. cô cho tôi mượn thêm 300đ. là đủ. Qua Tết tụi tui lo trả cô. Thế nào cũng trả cô trước ngày tôi nhập ngũ.

— Sao anh không lên ông Đại Úy ?

— Có lên rồi, nhưng anh tôi mắc đi hành quân cả tuần nữa mới về, còn chị Hai..., tôi ngán chỉ quá !

Tôi đưa mắt nhìn chung quanh gian nhà một lượt, như ngầm giới thiệu cùng anh cái cảnh « xuống chó » của mình.

Anh Sáu chắc lưỡi lắc đầu lập lại như một giáo-viên tóm tắt bài giảng để lập toát yếu :

— Tết nhứt đến nơi, vợ đẻ còn non ngày, tôi thì sắp lên đường nhập ngũ, trong khi chủ phố đòi đuổi đi, chỉ vì thiếu 400đ. Thật cô giúp tôi phen nầy, chẳng khác nào cô cất mấy kiền chùa !

Tôi đặt tay lên gối mân mê món tiền cất kỹ trong áo gối... phân vân. Nhưng hiện tại nhắc tôi nhớ rằng : « Thương người, rồi ai thương cho mình đây ? » Tôi bèn từ chối, mà không dám dòm anh Sáu.

Anh hối hả cáo từ, còn căn dặn :

— Cô đừng cho ai biết chuyện nầy, e tới tai vợ tôi, nó rầu mà phát đau thì khổ thêm cho tôi nữa nghen cô.

Anh Sáu khuất bóng, bà Hai đến bên tôi, hai tay lần trong lưng quần, nói :

— Cô à, cô làm ơn cho tôi lãnh thêm 100đ, hôm trước cô trả 200đ. còn đây, để tôi cho thầy đó mượn... (giọng bà run run). Tội nghiệp, nếu thầy không mượn được của ai, thì không biết thầy làm sao ? Tết nhứt tới nơi rồi.

Tôi ngạc nhiên nhìn Bà Hai, bà bỏm-bẻm nhai trầu, miệng bà mồm sọm, cốt trầu lan theo mấy đường nhăn quanh môi, trông như những gân máu nhỏ. Tôi hỏi :

— Bà có bà con với anh Sáu ?

— Hồng có, tôi mới biết thầy bữa nay, thấy tình cảnh thầy, tội nghiệp quá !

Tôi nói mau, như sợ rồi đây không có can-đảm nói nữa :

— Thôi, bà cất tiền đi Bà Hai (tôi lần gối móc cả gia tài, đưa bà hơn phân nửa). Đây, bà cầm 300đ. nầy, chạy theo anh Sáu, mà bà nói Bà cho mượn nghen bà Hai !

Bà Hai lao mình trong bóng đêm. Tôi nằm xuống cho con bú, tâm tư chạy theo cái khổ của người, để quên nỗi khổ của mình. Và để vuốt phẳng lòng vị-kỷ, tôi lầm-bầm một mình : « Lá Lành Đùm Lá Rách. »

● □

Thốt Nốt, Xuân Bính Ngọ

✱ *Thư của Ông Chủ-bút, mến gửi Nguyễn-Thu-Minh và quý bạn trong Tòa-soạn,*

Phổ-Thông từ trước đến nay thỉnh-thoảng có một vài người ganh-ghét, vì lý-do cạnh - tranh nghề-nghiệp. Nhưng không bao giờ Phổ-Thông trả lời.

Theo thiển-ý của tôi, chúng ta nên giữ đúng đường-lối đó. Ai khiêu-khích, hay nói xấu. Mình, mặc họ. Vì Sự thật vẫn là sự thật mình nên tránh tất cả những cuộc «bút chiến» không lợi ích gì cho Văn-chương và Tư-tưởng.

Chúng ta cố gắng làm nhiệm-vụ của Văn-nghệ thuần-túy, không cần đính-chánh những lời xuyên-tạc, đèm pha của kẻ khác. Mặc dầu hiện nay tôi ở xa, tôi vẫn mong anh em giữ phong độ của tạp-chí Phổ-Thông như trước.

Thân-mến gởi về tất cả anh em lời chào Văn-nghệ.

✱ NGUYỄN-VỸ

PHỔ THÔNG

VÒNG QUANH THẾ GIỚI

□ TÍN-KHANH

✱ Tiềm thủy đỉnh nguyên tử Pháp

Mẫu tiềm thủy đỉnh nguyên tử Pháp để thí-nghiệm lấy tên là Gymnote, đã hạ thủy và kết quả được như ý muốn. Có điểm đặc biệt là động cơ tàu không phải chạy bằng nguyên tử. Máy nguyên tử dùng riêng để thí nghiệm các loại máy điện tử, và phóng hỏa tiễn, dùng cho những tiềm thủy đỉnh nguyên tử của thủy quân Pháp.

✱ Đâu cần thiết phải làm nhiều giờ ?

Một viên chức ở tại các nước gia nhập khối thị-trường chung (Âu châu), tính đồ đồng, làm việc như sau : Hòa-Lan : 2157 giờ. Ý : 2105 giờ, Pháp : 2083 giờ, Bỉ: 1994 giờ, Tây-Đức 1987 giờ. Trung bình tính ra, thì mỗi người làm mỗi ngày từ 5 đến 9 giờ thôi. Thật là khỏe !

✱ Một loại máy cho phi cơ mới

Pháp vừa hoàn thành một loại động cơ mới. Đường kính động cơ 6 thước rưỡi, có sức đẩy 15 ngàn tấn trong 140 giây đồng hồ và ngọn lửa dài đến 300 thước.

Máy do hãng Aérojet chế tạo, triển vọng sẽ dùng cho phi cơ lớn.

✱ Tiền và tóc

Vào khoảng cuối năm vừa qua, nguyên tổng thống Eisenhower, nhân ngày lễ sinh nhật thứ 75, đã cho xuất bản cuốn sách ông vừa hoàn thành : « Giá trị của hòa bình »...

Trong những vấn đề nói ra trong sách, có một nhận xét khá lý thú. Theo ông, xã hội Hoa-Kỳ hiện bị hai hiểm họa « Tiền, và tóc dài ».

✶ Anh chàng cảnh sát « ba gai »

Tại Knoxville ở tiểu bang Tennessee (Mỹ) sở cảnh sát có nhận một số đơn thưa một anh cảnh sát nọ như sau :

Anh ta có tra phía dưới « ba-rờ-sốc » sau một cái máy xịt tự động. Mỗi lần xe anh đang chạy mà có xe nào chạy phía sau, bâu sát đít xe anh thì máy xịt tự động phun ra một vòi sơn lên mặt kiếng chắn gió...

Không biết rồi sở cảnh sát sẽ giải quyết sao đây. Có người góp ý kiến : Chẳng thà để anh ta chơi thế còn hơn là anh biên phạt ầu phạt tả.

● Hai thảm kịch...

Trong vấn đề nuôi con nuôi, có hai câu chuyện thương tâm nhất còn lưu lại đến ngày nay :

— Tháng giêng năm 1958, một thiếu niên người Anh, 14 tuổi, được biết cha mẹ mình xưa nay — mà anh ta rất quý mến — không phải là cha mẹ đẻ mình.

Anh thất vọng đến nỗi không còn cách gì tự chủ được nữa. Anh nổi điên lên và một bữa nọ tạt ác-xít vào mặt cha mẹ nuôi rồi ra đi.

Năm 1956, tại Ba lê, cô Ma-guy, người gốc Tunisie, ngày mới ra đời được một gia đình quan mẫu quốc nọ nuôi làm con nuôi.

Ngày làm lễ sinh nhật lần thứ 15, chẳng may có người bạn trong gia đình nói lỡ lời, cô được biết mình là con nuôi.

Đêm ấy, nàng trốn ra đi tìm nơi tự vận, để lại mấy giòng chữ :

« Con không thể sống được vì biết rằng ba và má không phải là cha mẹ thật của con. »

✶ Hết Mỹ, đến Pháp.

Ngôi nhà chọc trời cao nhất Âu châu sẽ hoàn thành trong 4 năm đến đây, tức vào năm 1970 tại Saint-Ouen (Balê), trước mặt bến tàu ngầm Plevel. Tòa nhà cao 180 thước, 50 tầng, 300.000 thước vuông dành cho các văn phòng, 50 thang máy. Phải dùng đến 25.000 tấn thép, (nặng gấp ba tháp Eiffel) 10.000 tấn bê tông. Giá tiền độ 20 triệu quan mới.

✶ Chưa hẳn nên gọi « xài như Mỹ »

Theo một thống kê mới nhất của Pháp, thì năm 1964, người Pháp đã xài như sau :

4.415 triệu quan về đua ngựa, 4.220 triệu về trái cây tươi, 5.604 triệu mua xe hơi, 1.913 triệu mua máy vô tuyến truyền hình, 4.880 triệu thuốc « bíp » và thuốc điếu, 2.087 triệu mua sách báo và 811 triệu mua vé xi-nê.

Đó là chưa nói chuyện ăn nhậu, đi thỏa, khiêu vũ v.v... và nhất là đi tắm biển.

✶ Một quốc gia sắp ra đời

Cơ quan Hải ngoại Anh tại Luân-đôn vừa loan báo ngày 30 tháng 9 năm nay (1966) nước Bechunaland (Nam-Phi) sẽ được độc-lập.

Quốc gia nầy rộng bằng nước Pháp, rất nghèo, vỏn vẹn có nửa triệu dân, trong đó có 3000 người Âu, 1000 người Á và lại. Người bổn thổ đều theo đạo tâm linh.

Chuyện Phi-Luật-Tân

Tại một ngục thất nọ ở Manille, có nhốt một anh chàng tên Marino Peralta, người Phi-Luật-Tân về tội đã tự tay giết hết 6 mạng người.

Một hôm chị vợ vào thăm, và theo lời yêu cầu của anh, chị đã lén lút đưa cho anh một con dao dài lưỡi. Không ngờ, anh dùng dao, giết chị vợ (nạn nhân thứ 7) rồi liền đó, anh tự sát (nạn nhân thứ 8)... Lạ lùng nhất là 6 người kia đều là bà con gần cả.

✶ Uy tín đến thế là cùng

Anh quốc vừa phát hành một loại bạc bằng kim khí giá tương đương 3 quan rưỡi tiền Pháp, mang hình cố thủ tướng Winston Churchill.

Đây là đồng bạc đầu tiên kể từ hồi ông Cromwell được in hình một người ngoài hoàng tộc.

Ngày phát hành thành công ngoài tưởng tượng. Mọi người đều tranh nhau đổi cho được. Chỉ trong một ngày mà số dự định phát hành trong một tháng đã hết ráo, đến nỗi trong ngân quỹ không còn đồng nào.

● ✶

SÁCH BÁO MỚI

● Dân-tộc Chàm Lược sử của Dorohiêm và Dohamide

Hai tác giả, anh em ruột và cả hai đều tốt nghiệp Thủ Khoa Ban Cao nguyên, Học viện Quốc Gia Hành chánh, là những người trí-thức Chàm Hồi Giáo, cho nên quyển sách khảo cứu nầy được biên soạn rất công-phu, khá đầy-đủ về tổng-quát lịch-sử dân-tộc Chàm, có nhiều tài-liệu xác-thật, quý-báu. Hai ông viết với một hoài-niệm thiết-tha về Cố-Quốc Chiêm-Thành, gợi cho người đọc một lòng kính-phục sâu-xa đối với một dân-tộc văn-minh anh-dũng mà định mệnh tàn-ác của lịch-sử chỉ còn để lại đến ngày nay những ngôi tháp điêu-tàn, vài bức thành sụp đổ.

Chúng ta khó tưởng-tượng được rằng một Vương-quốc cường-thịnh đã sống hơn 15 thế-kỷ trên một rẻo đất Việt-nam từ Quảng-Bình Quảng- Trị, đến Phan-Thiết, đã có những thời oanh-liệt với nhiều bậc anh-hùng, một Chế-Bồn g-Nga, một Pô Không Gia-Rai, một Shim-havarman III, (chồng của Huyền-trân Công-chúa), một Pô Romé, ngày nay chỉ còn lại một thiểu số không quá 52.000 người lạc loài giữa một khối gần 30 triệu dân Việt-Nam, và rải rác ở mấy tỉnh Phan-Rang, Phan-Thiết, Châu-đốc, Tây-ninh.

Chúng tôi xin gởi lời nồng nhiệt khen tặng hai ông Dorohiêm và Dohamide đã viết ra quyển « Dân-tộc Chàm Lược-sử », mà chúng tôi đọc say mê trong lúc bên cạnh chúng tôi tiếng súng vang rền suốt đêm đang chấm dấu một chương bi-hận của Lịch-sử Việt Nam bằng máu lửa.

★ Tự-điển danh-nhân Thế giới cần biết

Của ông Trịnh-Chuyết—, Lược thuật về tiểu-sử và sự nghiệp của một số « danh nhân thế giới ».

Rất tiếc tác-giả biên soạn với một tiêu-chuẩn quá chủ-quan và nhiều thành-kiến về chính-trị, khoa-học và văn-chương. Vì vậy, có những tên không đáng để vào mục Danh-nhân thế-giới, trái lại gạt bỏ rất nhiều tên danh-nhân mà Thế-giới không ai là không biết.

Nhà xuất bản Xuân Trinh, 480/48 Nguyễn-Tri-Phương—Saigon.

LỬA TÌNH

★ *Trần-Tuấn-Kiệt*

(tiếp theo PT 168)

Gì thế anh ?

Triệu vội vàng chống chế, chàng cho đó là một ý nghĩ xấu. Bề mặt của cuộc đời hiện ra vẫn cách biệt với lòng lo âu của Triệu. Cuộc đời là một mà ý nghĩ thầm kín sống động bên trong lương tâm thì có biết bao, ý nghĩ như một con đường trăm lối. Triệu lo ngại nói lên điều phân vân, điều ngăn cách giữa chàng và nàng, cái hố ngăn cách là vợ con chàng. Có chắc gì Nga dám liều lĩnh bước qua. Cái sự liều lĩnh bước qua cầu vì yêu đó chỉ đến với những người con gái thơ ngây. Những người con gái mù quáng vì yêu, và hai nữa là người đàn bà nào vụ lợi, một mối lợi to tát.

Mối tình yêu nghệ sĩ hằng được các văn sĩ đề cập đến thật có trong mơ thôi. Phần đời là thế đó : Bộ mặt thực của đời là tấm gương lộng những hình ảnh của hai hạng trên. Còn đâu tình yêu thực mà soi, sẽ thấy dơ dạng và lấm lem ngay.

Triệu nghĩ như vậy nên thấy lưỡng lự, một phút mà ý chí bị động vì một thứ lương tâm dằn vặt. Triệu nói khẽ :

— Anh yêu em !

Nga thoát ngạc nhiên khi nghe lời nói vỗ về đó. Quả đó là một vỗ về, một bàn tay vuốt gượng, một sự tình cần nghiệm xét lại, vì nó như một người lên đường, nhưng chưa đến nơi chốn. Phải đến nơi, Triệu không hề phải nhắc lại ba tiếng đó. Chàng sẽ đặt hẳn vấn đề sang một hoàn cảnh khác. Có rồi, đã sẵn.

— Em biết lòng anh đắn đo, em cũng vậy thôi, em thấy lo sợ một điều gì đó.

Triệu nâng bàn tay nàng lên :

— Ít ra chúng ta cũng được sống trọn đời trong giờ phút nầy. Nhưng Triệu đã vội lắc đầu, cố ý phủ nhận câu nói vừa rồi. Phủ nhận một cách chua sót.

— Đừng nói nữa anh. Mặc nó.

— Không có ý gì đáng ngại. Mắt Triệu bừng sáng. Tay chàng gặt mạnh tay người yêu. Chàng tiếp, mọi sự thoạt đầu khó khăn rắc rối như một cuộn chỉ. Nhưng rồi mọi sự sẽ ổn định, nếu hai người, hai chúng ta bình tĩnh gỡ rối.

Nga lắc đầu :

— Anh ạ, đây là một sự làm lại.

Triệu liền đáp :

— Có bao giờ sự đời xuôi rót để cho người ta thành đạt ý định dễ dàng đâu.

Nga cố cười, nàng không muốn chống lại ý kiến người yêu.

Nhưng hầu như vốn quen với cử chỉ, lời nói chống đối từ lúc ra đời lăn lốc đến nay, nàng cố gượng lắm mới định tính hòa dịu được lời nói bình thản, một giọng của Triệu :

— Nhiều biến cố xảy ra trong đời sống. Em lo sợ vốn là bản tính quen thuộc. Xin anh an lòng. Dù sao...

Triệu phân vân hỏi :

— Sao lại dù sao... ? Em còn ngại ư ?

Nga lắc đầu :

— Em muốn nghe lời anh gỡ rối dần, nhưng còn nhiều việc quá.

Nga im lặng khi nói đến đó. Dường như nàng bị uất nghẹn, như có một trái nóng đang lăn dần từ cổ xuống ngực. Rồi lại từ ngực trào lên đến họng, khiến nàng khó thở, chỉ nấc được thành một tiếng nhỏ. Không đủ cho Triệu nghe thấy. Ý nghĩ không được phát lộ, nên Nga cảm thấy nóng rần như bị một thứ cảm nắng. Mặt nàng đỏ ra. Nàng thấy như tay chơn rời rã, như môi lưỡi đều run lên. Triệu giật mình :

— Em có việc gì không ?

Nga lắc đầu :

— Chỉ hơi khó chịu thôi.

Nói đến đây, Nga thấy choáng váng đầu óc, mặt nàng càng tăng thêm sắc đỏ, hơi thở càng nặng, nghe như lên chứng đau tim.

Triệu lo sợ :

— Có sao không em. Hay là anh chở em đi bác sĩ ?

— Không ! Nga vừa nói vừa nấc.

Triệu đỡ nàng đặt sâu vào lòng. Cố làm vẻ điềm tĩnh để Nga khỏi lo sợ gì thêm.

Nga khoát tay rồi chỉ xuống gối ; thều thào :

— Hãy đặt em xuống, không có gì, chỉ hơi mệt.

Trán nàng vả mồ hôi, Triệu khẽ đặt Nga xuống giường. Nga nằm yên một lúc. Thấy đỡ mệt. Nàng khẽ mỉm cười khi thấy đôi mắt sâu của người yêu nhìn xuống. Ánh mắt xa vắng loé lên rồi lại nhòa tan trong một thứ màu sương khói yêu thương. Nga cảm thấy màu khói sương kia bao phủ lấy đôi mắt nàng, tràn ngập vào lòng nàng, và cuối cùng nhòa lấp luôn cả tâm trí lo nghĩ này.

Nga thấy mình bồng bềnh trong giấc mê muội, vừa khoái lạc vừa nghe nặng nề. Và nàng ngủ trong cơn mê đó, không nghe thấy gì nữa.

Triệu khẽ kêu :

— Em Nga, em mệt ư ?

Chàng thấy vành môi nàng khẽ đáp, nhưng không rõ những lời gì. Vành môi đó mím lại và bật ra thành một tiếng không có âm thanh, chỉ có dáng dấp của môi nàng như một tiếng vâng.

Ban đầu Triệu thấy hoảng hốt. Sau chàng bình tĩnh lại, suy nghĩ về cơn mê mệt của Nga. Triệu lầm bầm chỉ đủ chàng tự an ủi :

— Nga mệt đấy. Có le vì thức đêm nhiều, lại cảm xúc mạnh về các việc vừa xảy ra. Nga ngủ đi nhé. Anh luôn yêu em. Dù sao anh cũng cố lấp các hố ngăn cách đó. Chúng ta sẽ đề huề yêu nhau. Chúng ta sẽ gần nhau cả đời. Chúng ta, cả vợ con anh. Anh thương vợ con lắm. Nhưng anh yêu em. Không, không thể nào xa em được nữa, em ạ. Ngủ đi nghe em ?

Dường như Nga có nghe lời vỗ về của chàng. Vành môi Nga nở nụ cười trong mơ. Nụ cười đó như một món quà vô giá của người yêu tặng cho chàng, tặng mà chỉ riêng cho chàng hưởng, có chàng thấy, món quà của tình yêu, của sự chân thành trong lòng nàng. Rồi tự nhiên Triệu ôm chầm lấy người yêu. Chàng đưa bàn tay khẽ vuốt lên làn môi mềm đó, bàn tay biểu hiệu lên cái ao ước khát khao của con tim Triệu. Bỗng Nga cựa mình. Nàng kêu nho nhỏ giọng nói mơ hồ như tiếng kêu đau đớn của một thiếu nữ đêm đầu tiên chung gối với chồng mình. Tiếng kêu nho nhỏ..,

(còn nữa)

LE SECOURS

Công - Ty Bảo-Hiểm và tái Bảo-Hiểm những tai nạn, hỏa-hoạn, hàng-hóa trộm cắp và tất cả các rủi ro.

Trụ sở chánh :

30 - 32, đường Laffite — Paris (9ème)

Chi-Cuộc Viễn-Đông

16, đại - lộ Nguyễn - Huệ — Saigon

Điện-thoại : 20.461

- **Bồi thường mau lẹ**
- **Nghi thức giản tiện**

Khi hữu sự hãy hỏi thăm liền chớ ngần ngại. Mọi sự dễ dãi và tiếp rước niềm nở sẽ dành cho khách bảo-hiểm.

Nhà hàng ĐAI - LA - THIÊN

Điện thoại số 26.893

31-33 Đường Lãn-Ông CHỢLỚN

- Đặt-biệt các món ăn Tiều
- Sạch-sẽ, vệ-sinh và ngon miệng
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ phép
- Có máy điều hòa không-khí

Ở lầu 3 lộ-hiên có không-khí thiên-nhiên trong một khung cảnh huy-hoàng diễm-ảo

Cần Đến kinh kỳ, Bần hàn dã dượi, hay là đang hành kinh mà đau bụng, uống : **Hồi Cộng Hoàn « ÔNG TIÊN ».** Hỏi các iệm huốc Hoa-Việ Saigon 228 Lê-hánh-Tôn. *Nhà thuốc* **«Ông Tiên»** Phú-Lâm Cholon

K.N. BYT. số 1 — 9-5-63

Phong Ngứa, *Ghẻ chốc, lở lói, gãi tới đâu lan tới đó không phải thoa phết sơ sài ngoài da mà hết, uống* **Giải Phong Sát-Độc-Hoàn « ÔNG TIỆN »**

30 năm sáng lập. Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt.

Nhà thuốc **Ông Tiên** *Phú-Lâm Cholon (K.N. BYT. số 3 — 9-5-63)*

Số 252 BYT/QCDP/18-10-62

K.N số 260 ngày 20-6-63

KINH-LÝ VĂN - PHÒNG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ—Saigon
Điện-thoại 23. 187

Phạm-văn-Lạng

Giám-Định Trắc-địa-sư
Géomètre — Expert

373, Phan-thanh-Giản SAIGON

Giấy phép số 292 CDVITTINĐ ngày 3-10-1961
Quản nhiệm : NGUYỄN-VỸ
In tại THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN
231-231, Phạm Ngũ-Lão — Saigon
Kiểm duyệt số 606 ngày 21-3-66